

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KIẾN TRÚC
(CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH)

*Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016
của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học
Giai đoạn 2019 - 2024*

Vĩnh Long, tháng 5/2024

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KIẾN TRÚC
(CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH)

*Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016
của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học
Giai đoạn 2019 - 2024*

Vĩnh Long, tháng 5/2024

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KIẾN TRÚC**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Nguyễn Văn Xuân	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Lê Tấn Truyền	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Bà Phạm Phi Phượng	Trưởng khoa Kiến trúc	Phó Chủ tịch	
4	Ông Nguyễn Văn Hoàn	Trưởng phòng KT&ĐBCL	Ủy viên TT	
5	Ông Lê Hiến Chương	Chủ tịch Hội đồng trường	Ủy viên	
6	Ông Trương Công Bằng	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên	
7	Ông Nguyễn Văn Trung	Trưởng phòng TCHC	Ủy viên	
8	Ông Phạm Hồng Thái	Trưởng phòng TCKT	Ủy viên	
9	Ông Lương Phước Toàn	Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên	
10	Ông Lưu Văn Vĩnh	Trưởng phòng QT&TB	Ủy viên	
11	Ông Nguyễn Quý Đông	Trưởng phòng CTCTSV	Ủy viên	
12	Ông Huỳnh Quốc Huy	Giám đốc TT TT-TV	Ủy viên	
13	Ông Nguyễn Quốc Hậu	Phó viện trưởng Viện KH&HTQT	Ủy viên	
14	Ông Nguyễn Cao Phong	Bí thư Đoàn trường	Ủy viên	
15	Bà Nguyễn Thị Tâm Đan	Phụ trách BM Kiến trúc	Ủy viên	
16	Ông Huỳnh Trọng Nhân	Phụ trách BM Quản lý ĐT	Ủy viên	
17	Ông Trần Lê Vĩnh Trà	GV khoa Kiến trúc	Ủy viên	
18	Bà Lê Thị Bình Phương	Thư ký khoa Kiến trúc	Ủy viên	
19	Bà Huỳnh Gia Mẫn	Sinh viên lớp KT22D01	Ủy viên	

(Danh sách gồm 19 người)

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	3
DANH MỤC HÌNH ẢNH	6
DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ	7
PHẦN I. KHÁI QUÁT	8
1.1. Đặt vấn đề	8
1.2. Tổng quan chung.....	11
PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	19
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	19
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	30
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH	37
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	48
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	56
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	68
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	83
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	94
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	106
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng.....	117
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	132
Phần III. KẾT LUẬN.....	148
3.1. Những điểm mạnh của Chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục	148
3.2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục	153
3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.	155
3.4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo bậc đại học ngành KT đánh giá theo Thông tư số 04/2016.....	158
Phần IV. PHỤ LỤC.....	148
Phụ lục 1.	Error! Bookmark not defined.
Phụ lục 2.	Error! Bookmark not defined.
Phụ lục 3.....	Error! Bookmark not defined.
Phụ lục 4.....	Error! Bookmark not defined.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Chú thích
1	BGH	Ban Giám hiệu
2	BLQ	Ban liên quan
3	Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
4	CB	Cán bộ
5	CBVC, NLĐ	Cán bộ viên chức, người lao động
6	CĐ	Công đoàn
7	CĐR	Chuẩn đầu ra
8	CGCN	Chuyển giao công nghệ
9	CLB	Câu lạc bộ
10	CNTT	Công nghệ thông tin
11	CSDL	Cơ sở dữ liệu
12	CSGD	Cơ sở giáo dục
13	CSVC	Cơ sở vật chất
14	CTCTSV	Công tác chính trị sinh viên
15	CTDH	Chương trình dạy học
16	CTĐT	Chương trình đào tạo
17	CVHT	Cổ vấn học tập
18	DN	Doanh nghiệp
19	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
20	ĐBSCL	Đồng bằng Sông Cửu Long
21	ĐCCT	Đề cương chi tiết
22	ĐGN	Đánh giá ngoài
23	ĐH	Đại học
24	ĐHXDMT	Đại học Xây dựng Miền Tây

STT	Chữ viết tắt	Chú thích
25	ĐTN	Đoàn Thanh niên
26	GV, PGS, GS, TS, ThS	Giảng viên, Phó giáo sư, Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ
27	HĐT	Hội đồng trường
28	HP	Học phần
29	HTQT	Hợp tác quốc tế
30	KKT, KT	Khoa Kiến trúc, Kiến trúc
31	KQHT	Kết quả học tập
32	KT&ĐBCL	Khảo thí và đảm bảo chất lượng
33	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
34	KTX	Ký túc xá
35	KT-XH	Kinh tế - xã hội
36	KH&ĐT	Khoa học và đào tạo
37	KH&HTQT	Khoa học và Hợp tác quốc tế
38	KHCN	Khoa học công nghệ
39	NCKH	Nghiên cứu khoa học
40	NCKH&HTQT	Nghiên cứu khoa học và Hợp tác Quốc tế
41	NLĐ	Người lao động
42	NTD	Nhà tuyển dụng
43	NV	Nhân viên
44	NH	Người học
45	PO	Mục tiêu đào tạo
46	PPDH	Phương pháp dạy học
47	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
48	QLĐT	Quản lý đào tạo

STT	Chữ viết tắt	Chú thích
49	QT&TB	Quản trị và thiết bị
50	SV	Sinh viên
51	TC	Tín chỉ
52	TCHC	Tổ chức hành chính
53	TĐG	Tự đánh giá
54	TLGD	Triết lý giáo dục
55	TNXD&MT	Thí nghiệm xây dựng và môi trường
56	TT-TV	Thông tin - Thư viện
57	TVTS&HN	Tư vấn tuyển sinh và Hướng nghiệp
58	THPT	Trung học phổ thông

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 01. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường

Hình 02. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa

Hình 3.2.1. Sơ đồ tiến trình đào tạo Ngành Kiến trúc

Hình 3.3.1. Mối liên kết giữa các khối kiến thức

DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Bảng 1.1.1. Tính kết nối giữa Tầm nhìn, sứ mạng của Trường và tầm nhìn, sứ mạng của Khoa và Mục tiêu đào tạo của ngành KT

Bảng 6.1.1. Bảng thống kê số lượng GV KKT theo trình độ giai đoạn 2019-2024

Bảng 6.2.1. Tỷ lệ SV trên 1 GV qua từng năm học

Bảng 6.2.2 Thống kê số lượng GV Khoa theo trình độ trong giai đoạn 2019-2024

Bảng 6.7.1. Thống kê số lượng đề tài NCKH qua các năm

Bảng 6.7.2. Số lượng bài báo của GV qua từng năm

Bảng 6.7.3. Số lượng các đề tài NCKH ứng dụng vào công tác giảng dạy

Bảng 7.1. Kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và NH về các dịch vụ hỗ trợ NH

Bảng 8.1.1 Hình thức xét tuyển và điểm tuyển sinh ngành Kiến trúc qua các năm từ 2019-2024

Bảng 8.1.2 Thống kê số lượng chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển và số lượng NH nhập học

Bảng 10.1.1. Bảng mô tả yêu cầu của các bên liên quan làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH

Bảng 10.6.1. Quy trình thu thập thông tin phản hồi theo hệ thống

Bảng 11.1.1 Bảng thống kê các chỉ số về tốt nghiệp và thôi học

Bảng 11.1.2. Tỷ lệ NH tốt nghiệp ngành KT của 6 khoá gần nhất

Bảng 11.1.3 Tỷ lệ NH thôi học ngành Kiến trúc của 5 khoá gần nhất

Bảng 11.1.4. Đối sánh Tỷ lệ NH tốt nghiệp của 5 khoá gần nhất giữa ngành Kiến trúc với ngành kỹ thuật xây dựng

Bảng 11.3.1. Hiện trạng việc làm và thời gian có việc sau khi ra trường của NH Khoa Kiến trúc (%)

Bảng 11.3.2. Thống kê môi trường làm việc của NH Khoa KT tốt nghiệp (%)

Bảng 11.4.1. Bảng thống kê số lượng và loại hình NCKH của SV qua các năm

Bảng 11.4.2. Bảng đối sánh hoạt động NCKH của NH Trường ĐHXDMT với Trường ĐH Xây dựng Miền Trung

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

Trường Đại học Xây dựng Miền Tây (ĐHXDMT) được thành lập theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 06/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Xây dựng Miền Tây được cho phép đào tạo chuyên ngành Kiến trúc (KT) trình độ ĐH từ năm 2012, đến nay Trường đào tạo được 12 khóa và có 08 khóa đã tốt nghiệp ra Trường. Thông qua chương trình đào tạo (CTĐT), Trường ĐHXDMT đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Trong xu thế đổi mới cơ chế hoạt động theo hướng tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình trước xã hội, Nhà Trường viết báo cáo tự đánh giá (TĐG) các CTĐT, trong đó có CTĐT ngành KT trình độ ĐH. Nội dung báo cáo được khái quát như sau:

- Mục đích của công tác kiểm định, đánh giá chất lượng CTĐT nhằm giúp nhà trường, Khoa Kiến trúc (KKT) có được một bức tranh toàn cảnh về ngành KT. Từ đó, Nhà trường, KKT xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, tiến tới điều chỉnh mục tiêu CTĐT theo hướng đạt chuẩn khu vực Đông Nam Á trong giai đoạn tiếp theo. Để thực hiện công tác TĐG kiểm định chất lượng CTĐT, Nhà trường, KKT đã chọn đội ngũ CB cũng như các điều kiện cần thiết cho hoạt động TĐG. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tổ chức nhiều hội nghị tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) và kiểm định chất lượng trong giáo dục ĐH, cử CB tham dự các lớp tập huấn về công tác này.

- *Phần I:* Khái quát

- *Phần II:* Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục là: (1) Mô tả hiện trạng là phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch cải tiến chất lượng và (5) Tự đánh giá.

- *Phần III:* Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả TĐG.

- *Phần IV:* Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả TĐG CTĐT theo công văn số 2085 của BGD&ĐT, cơ sở dữ liệu gồm kiểm định chất lượng (KĐCL) CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo TĐG CTĐT ngành Kiến trúc trình độ ĐH dựa theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT theo 11 tiêu chuẩn,

với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, CĐR, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học (CTDH) và phương pháp tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học (NH); tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ CB, GV, nghiên cứu viên (CB, GV) và đội ngũ NV; tiêu chuẩn 8, tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến NH và hoạt động hỗ trợ NH; tiêu chuẩn 9, gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất (CSVCh) và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10, đưa ra những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và nghiên cứu khoa học (NCKH); và tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành KT.

Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và minh chứng (MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef; Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (MC của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).
- n: số thứ tự của hộp MC được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).
- ef: số thứ tự của MC theo từng tiêu chí (thông tin và MC thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...).

Ví dụ: H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Trường ĐHXDĐT viết báo cáo TĐG CTĐT ngành KT, trình độ ĐH dựa theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ giáo dục ĐH của Bộ GD&ĐT, ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Mục đích của viết báo cáo TĐG CTĐT nhằm giúp cho Khoa Kiến trúc (KKT) tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVCh, cũng như các vấn đề liên quan khác. KKT tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo để từng bước xây dựng ngành KT trở thành ngành có thế mạnh trong đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng vào công cuộc phát triển kinh tế của địa phương và hội nhập. Qua đó, việc đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu giúp KKT nhìn lại trong công tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ (CGCN) nhằm đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để từng bước

cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH và dịch vụ xã hội.

Hoạt động TĐG còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của KKT trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với Sứ mạng và Mục tiêu của Trường ĐHXDMT.

Ngoài ra, việc phân tích, so sánh kết quả hoạt động của CTĐT ngành KT theo các tiêu chuẩn, tiêu chí KĐCL ngành đào tạo và xác định mức độ đạt được giúp KKT phát huy những điểm mạnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế và xây dựng kế hoạch hành động đối với từng tiêu chí trong các tiêu chuẩn. Mục đích cuối cùng là đăng ký KĐCL ngành đào tạo với Trung tâm KĐCL giáo dục (KĐCLGD).

Quy trình TĐG được thực hiện, gồm 7 bước:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng TĐG KĐCL CTĐT ngành Kiến trúc
- Bước 2: Lập kế hoạch TĐG.
- Bước 3: Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng (MC).
- Bước 4: Đánh giá từng tiêu chí.
- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.
- Bước 6: Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá
- Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG.

Quá trình viết báo cáo TĐG được thực hiện từ tháng 6 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023. Phần tự đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chuẩn từ 1 đến 11. Trong từng tiêu chuẩn, các đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí. Trong mỗi tiêu chí lại trình bày theo các nội dung chính: 1. Mô tả; 2. Điểm mạnh; 3. Điểm tồn tại; 4. Kế hoạch hành động; 5. Tự đánh giá. Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch TĐG; thành lập các nhóm chuyên trách phụ trách những tiêu chuẩn khác nhau, cụ thể:

- + Nhóm 1: Bà Phạm Phi Phượng làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4;
- + Nhóm 2: Bà Nguyễn Thị Tâm Đan làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 5, 8, 10, 11;
- + Nhóm 3: Ông Huỳnh Trọng Nhân làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 6, 7;
- + Nhóm 4: Bà Phạm Phi Phượng làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 9;

Sau khi tham gia tập huấn viết báo cáo TĐG chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT do Trường tổ chức, KKT đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện đánh giá CTĐT ngành KT, tiến hành họp khoa để phổ biến kế hoạch và phân công công việc rõ ràng theo những công việc như: Thu thập thông tin liên lạc, lấy ý kiến NH năm cuối, cựu NH, NTD, GV, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập MC; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ MC.

Các thành viên được phân công trong các nhóm và hoàn thành công việc trên cơ

sở giao việc của nhóm trưởng. KKT giao cho CB phụ trách chính công tác kiểm định làm đầu mối xử lý thông tin và giúp Ban Lãnh đạo Khoa cập nhật báo cáo. Quá trình viết báo cáo có sự thống nhất và tham gia, nỗ lực hoàn thành công việc của tất cả các thành viên trong Khoa được thực hiện theo phương pháp tổng hợp, so sánh, đối chiếu.

Các thành viên Ban thư ký kiểm định đã tổng hợp thông tin, xử lý thông tin và phân tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Giới thiệu về Trường ĐHXDMT

Trường ĐHXDMT được thành lập theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg, ngày 06/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường CĐ Xây dựng Miền Tây. Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trình độ cao cho ngành Xây dựng, Kinh tế ở khu vực ĐBSCL và HTQT, phù hợp với xu thế phát triển đáp ứng cấp thiết cho ngành Xây dựng, Kinh tế nhằm phát triển KT-XH của khu vực ĐBSCL và cho cả nước.

Tiền thân của Trường ĐHXDMT là Trường Trung học Xây dựng số 8, đóng chân ở thị trấn Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang; được thành lập vào ngày 14/2/1976 theo Quyết định số 87/QĐ-BXD-TC của Bộ Xây dựng nhằm giải quyết nhu cầu cấp bách về đội ngũ CB ngành KT của khu vực ĐBSCL sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng. Đến tháng 7 năm 1995, Bộ Xây dựng cho phép Nhà trường đổi tên thành Trường Trung học Xây dựng Miền Tây nhằm gắn kết tên Trường với khu vực tuyển sinh đào tạo. Ngày 09/01/2003, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã ban hành Quyết định số 72/QĐ-BGD&ĐT-TCCB nâng cấp Trường Trung học Xây dựng Miền Tây thành Trường Cao đẳng Xây dựng Miền Tây. Sau gần 34 năm phấn đấu và nỗ lực không ngừng, đến năm 2011, Nhà trường đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép nâng cấp thành Trường ĐHXDMT.

Hơn 48 năm xây dựng và phát triển, dưới sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Bộ Xây dựng, Bộ GD&ĐT, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và sự quan tâm giúp đỡ của Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Thành phố Vĩnh Long, của Đảng bộ, nhân dân Phường 3 và các ban ngành đoàn thể trong tỉnh; sự tạo điều kiện hỗ trợ của các tỉnh thành trong khu vực và các ĐH trên toàn quốc; Nhà trường đã nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thử thách, nỗ lực phấn đấu phát triển Nhà trường ngày càng lớn mạnh.

Sứ mạng của Trường: "Trường ĐHXDMT là CSGD công lập, đào tạo nguồn nhân lực Xây dựng chất lượng cao theo định hướng ứng dụng; Là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, NCKH, ứng dụng và CGCN; Có vai trò quan trọng trong phát triển KT-XH cho khu vực ĐBSCL và cả nước".

Tầm nhìn: "Đến năm 2025, Trường ĐHXDMT hoàn thành mục tiêu trở thành

trường ĐH trọng điểm của Bộ Xây dựng tại khu vực ĐBSCL; Đến năm 2030, phát triển ngang tầm các trường chất lượng cao trong nước và quốc tế; Bảo đảm SV sau tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh, đáp ứng thị trường lao động trong nước và quốc tế."

Giá trị cốt lõi: “Chất lượng - Năng động - Phát triển - Hội nhập”

Triết lý giáo dục: Môi trường thân thiện - Tri thức khoa học - Ứng dụng thực tế.

Triết lý giáo dục trên đây của Trường ĐHXDMT được chuyển tải cụ thể vào CTĐT ngành KT thể hiện ở bảng sau:

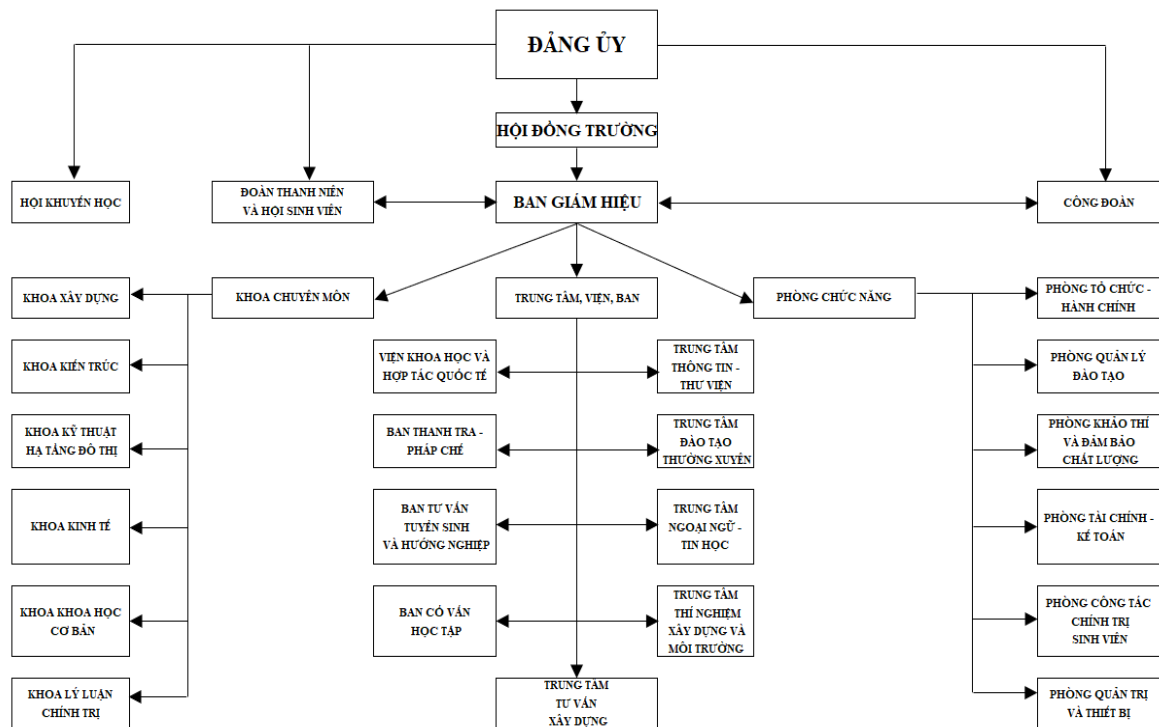
Bảng 1: Triết lý giáo dục của Trường ĐHXDMT được chuyển tải cụ thể vào CTĐT ngành KT

CTĐT ngành KT		TLGD của Trường ĐHXDMT			
		A	B	C	D
Khối kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh	x			
	Kiến thức Ngoại ngữ		x	x	x
	Kiến thức Lý luận chính trị	x		x	
	Kiến thức giáo dục đại cương khác	x	x		
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	Kiến thức cơ sở ngành	x	x	x	x
	Kiến thức ngành	x	x	x	x

Trải qua hơn 48 năm hình thành và phát triển, Nhà trường có nhiều thành tựu trong nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo 08 ngành ĐH, 01 ngành sau ĐH, thiết kế CTĐT theo hướng ứng dụng, chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu của NH. Trường ĐHXDMT áp dụng các CTĐT đạt chuẩn và hệ thống văn bản chính quy.

Cơ cấu tổ chức Trường ĐHXDMT, gồm Hội đồng trường, Đảng ủy và các đoàn thể, BGH (01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng), các phòng ban chức năng, Khoa chuyên môn, đơn vị phục vụ đào tạo, nghiên cứu. (xem Hình 01)

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY



Hình 01. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường

Về nhân lực, tính đến ngày 30/4/2024, Trường có 220 cán bộ, viên chức, người lao động, trong đó có 162 GV, 58 chuyên viên và NV phục vụ; đội ngũ GV của Trường có 01GS, 02 PGS (tỷ lệ 1,8%), 32 tiến sĩ (tỷ lệ 19,7%), 127 thạc sĩ (tỷ lệ 78,5%) đang giảng dạy 01 CTĐT trình độ ThS và 08 CTĐT trình độ đại học, với số lượng 1.574 NH chính quy, 51 học viên (HV) cao học.

Về đào tạo, Trường đào tạo đa ngành, đa cấp độ. Đào tạo ĐH gồm 08 ngành, đào tạo thạc sĩ 01 chuyên ngành. Công tác quản lý đào tạo hệ chính quy của Trường được giao cho đơn vị đầu mối là Phòng QLĐT.

Về Cơ sở vật chất, Trường có 02 cơ sở, cơ sở chính tại 20B Phó Cơ Điều, Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; có đủ giảng đường, phòng học, phòng thực hành máy tính, phòng thực hành với trang thiết bị và phương tiện hiện đại phục vụ giảng dạy; có bộ phận y tế chăm sóc sức khỏe; thư viện phục vụ nhu cầu của NH, GV.

Về tài chính, Trường là đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc Bộ Xây dựng Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính được thực hiện theo quy định. Các nguồn thu hợp pháp của Trường đều tuân thủ theo đúng quy định tại các văn bản của Bộ Tài chính và các quy định của Hiệu trưởng về mức thu và đối tượng thu.

Về nghiên cứu khoa học, Trường đầu tư cấp kinh phí cho hoạt động NCKH theo quy định; có chế độ khuyến khích viên chức, GV NCKH; hằng năm tham gia đấu thầu

và thực hiện các đề tài cấp Bộ, Sở ban ngành, địa phương; Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường đã công bố khoảng 64 bài báo khoa học quốc tế thuộc hạng ISI, Scopus, SCI và SCIE; các sản phẩm NCKH của GV phục vụ tốt cho quá trình giảng dạy như giáo trình, tài liệu.

Về hợp tác quốc tế, Trường đang hợp tác với 34 ĐH, tổ chức trên toàn thế giới. Một số đối tác quan trọng đến từ Nhật bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Lào, Đài Loan,... Hằng năm, một số nhà khoa học có uy tín của các đối tác quốc tế đến trường để giảng dạy, thực hiện các dự án NCKH, tư vấn xây dựng CTDH.

Về hợp tác trong nước, ngoài đào tạo chính quy, trong nhiều năm liền, Trường và KKT là đơn vị hàng đầu về đào tạo ngắn hạn theo nhu cầu xã hội. Trường và KKT đã liên kết chặt chẽ và đào tạo cho nhiều cán bộ, kỹ sư của các công ty về lĩnh vực KT. Số lượng NH đào tạo tại DN ngày càng tăng và các khóa học đều được đánh giá cao.

Về bảo đảm chất lượng, Với quan điểm “*chất lượng là yếu tố cốt lõi cho sự tồn tại và phát triển bền vững*”, Trường luôn quan tâm và chú trọng công tác Đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng. Năm 2012, Nhà trường thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (KT&ĐBCL) theo Quyết định số 75/QĐ-ĐHXDMT ngày 19/03/2012. Mạng lưới đảm bảo chất lượng (ĐBCL) được thiết lập từ Ban Giám hiệu đến các phòng, ban, trung tâm, viện và các khoa. Trong đó, đơn vị đầu mối là Phòng KT&ĐBCL chịu trách nhiệm đề xuất các mục tiêu chất lượng, xây dựng các chương trình, kế hoạch, chiến lược ĐBCL của Trường trong từng năm học.

Thường trực công tác TĐG và kiểm định chất lượng của trường; đầu mối quan hệ với các tổ chức kiểm định trường ĐH trong và ngoài nước để thực hiện đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

Theo dõi, hướng dẫn, tư vấn và phối hợp với các đơn vị trong trường triển khai thực hiện các công tác ĐBCL: khảo sát ý kiến các bên có liên quan trong quá trình đào tạo; đánh giá chất lượng giảng dạy; đánh giá chất lượng chương trình và cơ sở đào tạo.

Công tác tự đánh giá là khâu quan trọng trong hoạt động ĐBCL được nhà trường thực hiện nghiêm túc theo Quy định và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã xây dựng nhiều kế hoạch, hoạt động theo hướng chú trọng văn hóa chất lượng, ưu tiên phát triển chương trình đào tạo, cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo chất lượng khác qua việc kiện toàn các Hội đồng tự đánh giá cơ sở và CTĐT, các Quy chế, Quy định có liên quan, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa nhằm chuyên nghiệp hóa tất cả các hoạt động quản lý, đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các Kế hoạch đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục Đại học và chương trình đào tạo. Chú trọng Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, hoàn thành các chỉ số KPIs hằng năm. Thực

hiện tốt việc khảo sát và sử dụng ý kiến phản hồi từ các bên liên quan nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể:

Năm 2020, trường đã ban hành Sổ tay Đảm bảo chất lượng Trường ĐHXDMT. Trong đó, thể hiện rõ các nội dung sau: Thông tin về Trường, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Giám hiệu. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và công tác ĐBCL giáo dục. Cam kết, yêu cầu, chính sách, mục tiêu của Trường ĐHXDMT. Bảng chỉ số đo lường hiệu quả (Key Performance Indicators-KPIs) của Trường về các nội dung sau: Các chỉ số cơ bản về công chức, viên chức; Các chỉ số cơ bản về hoạt động đào tạo; Các chỉ số cơ bản về nghiên cứu khoa học; Các chỉ số cơ bản về quan hệ quốc tế; Các chỉ số cơ bản về PVCĐ; Các chỉ số cơ bản về hỗ trợ, giám sát NH; Các chỉ số chính về đo lường, khảo sát, đánh giá; Các chỉ số cơ bản về tài chính; Các chỉ số cơ bản về CSVC.

Trong tháng 8 năm 2019, Trường đã ban hành Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2019-2020 (số 122/KH-ĐHXDMT ngày 26/8/2019). Tiếp đó, ban hành Quy định đảm bảo chất lượng Trường ĐHXDMT (số 109/QĐ-ĐHXDMT ngày 29/4/2020). Đến tháng 9 năm 2020, Nhà trường ra Quyết định Ban hành Quy định lấy ý kiến các bên liên quan về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục (số 319/QĐ-ĐHXDMT, ngày 29/9/2020) thông qua các đường link khảo sát đăng tải trên website của trường và các đơn vị trong trường.

Năm 2022, Trường ban hành Kế hoạch tự đánh giá Trường ĐHXDMT (số 180/KH-ĐHXDMT ngày 06/10/2022). Tháng 02/2024, Nhà trường hoàn thành tự đánh giá và đánh giá ngoài CSGD, được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo Quyết định số 95/QĐ-CEA.UD ngày 28/02/2024.

Đến năm 2024, hoàn thành thực hiện kiểm định chất lượng Nhà trường (đánh giá ngoài) theo các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Hướng đến thực hiện kiểm định quốc tế mà cụ thể là theo tiêu chuẩn và được công nhận bởi mạng lưới các trường Đại học Đông Nam Á (AUN-QA). Đến năm 2030, 50% các chương trình đào tạo Đại học và 50% chương trình đào tạo cao học được kiểm định chất lượng và đánh giá chất lượng theo các bộ tiêu chuẩn trong nước và hướng đến quốc tế. Trên 80% SV thực hiện văn hóa chất lượng PDCA từ khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra - đánh giá, vận hành và điều chỉnh (đặc biệt tuân thủ tiến độ và hiệu quả) trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của trường.

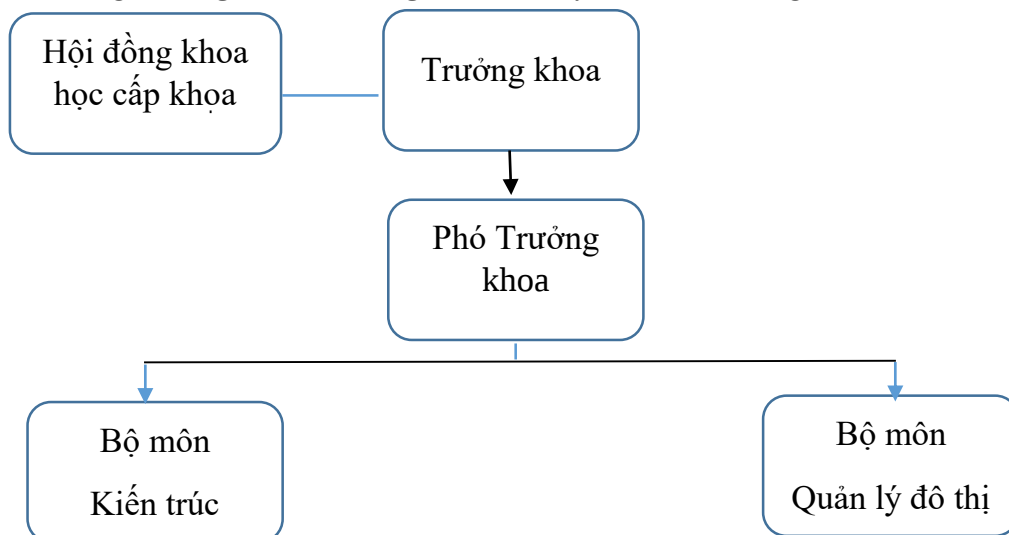
1.2.2. Giới thiệu về Khoa Kiến trúc

Khoa Kiến trúc tiền thân là Bộ môn KT trực thuộc Trường Cao đẳng Xây dựng Miền Tây với trưởng Bộ môn là Thầy Trần Hữu Cần, nhiệm vụ chủ yếu là phụ trách

những HP thuộc chuyên ngành KT cho SV ngành kỹ thuật xây dựng được đào tạo 2 hệ Trung cấp và Cao đẳng cho khu vực ĐBSCL.

Căn cứ vào quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHXDMT; Căn cứ vào Quyết định số 207/QĐ-BXD ngày 08/3/2012 của Bộ Xây dựng về việc Phê duyệt cơ cấu tổ chức, bộ máy của Trường ĐHXDMT; Căn cứ vào Công văn số 1055/BXD-TCCB ngày 29/6/2012 của Bộ Xây Dựng về việc đồng ý để Trường ĐHXDMT thành lập KKT trên cơ sở Bộ môn KT thuộc Trường; Căn cứ vào Quyết định số 02/QĐ-ĐHXDMT ngày 03/01/2012 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường ĐHXDMT; Căn cứ vào Quyết định số 337/QĐ-ĐHXDMT ngày 10/8/2012 thành lập KKT trên cơ sở Bộ môn KT trực thuộc Trường ĐHXDMT với Trường Khoa là Thầy Ngô Hồng Năng.

Từ tháng 9/2012, KKT được giao nhiệm vụ đào tạo ĐH ngành KT với mã ngành ĐH chính quy (7580101). Từ tháng 9/2014, KKT được giao nhiệm vụ đào tạo ĐH ngành Quản lý đô thị và công trình với mã ngành ĐH chính quy (7580106). Hiện nay, KKT đào tạo 02 ngành: ngành KT và ngành Quản lý đô thị và Công trình.



Hình 02. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa

Khoa Kiến trúc có chức năng: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ ĐH phục vụ sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước. NH sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, KKT thực hiện những nhiệm vụ sau:

- + Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.
- + Đào tạo KT sư đáp ứng nhu cầu xã hội.
- + Nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo, NCKH gắn liền với phát triển KT-XH của địa phương và đất nước.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Khoa đã và đang tham gia đào tạo ĐH

chính quy. Đây chính là nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho khu vực ĐBSCL và cả nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển KT-XH của cả nước cũng như Trường ĐHXĐMT.

Trong giai đoạn 05 năm từ 2019 đến 2023, Trường ĐHXĐMT đã có nhiều hoạt động và đề ra các giải pháp cải tiến chất lượng đào tạo. Vào đầu mỗi năm học Trường đều ra thông báo và phê duyệt mua sắm tăng cường một số trang thiết bị sử dụng cho thực hành thực tập và NCKH. Thư viện, CSVC, thiết bị của Trường ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo, thực tập, thực hành và hoạt động NCKH. Thư viện của Trường được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện và mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, NH có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, KTX đã được xây dựng đúng quy hoạch và có chất lượng. Trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Khoa.

Trường luôn khuyến khích NH và GV thực hiện nghiên cứu khoa học ở cấp khoa, cấp trường, cấp tỉnh hoặc cấp nhà nước. Số lượng đề tài nghiên cứu hằng năm có xu hướng tăng dần lên là điều rất đáng ghi nhận.

Trường đã hoàn thành công tác đánh giá ngoài (ĐGN) CSGD chu kỳ 2, đạt tiêu chuẩn KĐCL giáo dục theo Quyết định số 95/QĐ-CEA.UD ngày 28/02/2024 do Trung tâm KĐCL giáo dục ĐH Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận.

Trường đã xây dựng kế hoạch khắc phục những tồn đọng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và ý kiến của Hội đồng KĐCL giáo dục theo hướng dẫn của Trung tâm KĐCL giáo dục ĐH Đà Nẵng. Trên cơ sở đó, các hoạt động về quản lý, giảng dạy, học tập, NCKH, HTQT và các lĩnh vực khác của trường hoạt động chất lượng, hiệu quả hơn, CSVC được trang bị nhiều hơn, đáp ứng nhu cầu cho CB, GV và NH.

Hiện nay, Trường đã triển khai viết báo cáo TĐG chất lượng nhiều CTĐT, trong đó có CTĐT ĐH ngành KT. Bản “Báo cáo tự đánh giá CTĐT ĐH ngành KT” được hoàn thành bởi công sức và trí tuệ của Đảng ủy, BGH (BGH), Hội đồng trường, Khoa KKT, các thành viên trong Hội đồng TĐG và Ban thư ký, có sự đóng góp ý kiến của các tập thể và cá nhân trong và ngoài trường. “Báo cáo tự đánh giá” đã được công bố công khai trong nội bộ Trường, đồng thời gửi đăng ký kiểm định chất lượng ngành đào tạo đến Bộ GD&ĐT và Trung tâm KĐCL giáo dục.

Về công tác ĐBCL, Khoa đã thực hiện theo các thông báo và đề ra nhiều hoạt động ĐBCL đào tạo các ngành thuộc Khoa quản lý. Khoa KKT có đội ngũ CB, viên chức ĐBCL, có cơ cấu tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Hiện nay, tổng số GV của Khoa là 21 GV cơ hữu và 01 thư ký Khoa (05 GV

đảm nhiệm chức vụ khác tại các Phòng, Ban trong trường). Trong đó, Tiến sĩ 03 GV, Thạc sĩ 19 GV (với 01 GV đang thực hiện NCS tiến sĩ) và ĐH 01 NV. Ngoài ra, Khoa đã cử một số GV tham gia chương trình tập huấn ngắn hạn trong nước và nước ngoài, tham dự các hội thảo chuyên ngành nhằm nâng cao trình độ và cập nhật thông tin chuyên ngành cho GV.

Chương trình đào tạo ĐH ngành KT được thiết kế dựa trên 03 khối kiến thức (khối kiến đại cương, khối kiến thức cơ sở và khối kiến thức chuyên ngành). Chương trình được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn của quy định của Bộ GD&ĐT, được định kì rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, cựu NH), NH tốt nghiệp chương trình ĐH ngành KT có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học kỹ thuật và kiến thức chuyên sâu; năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động nghiên cứu, sản xuất của các cơ quan, DN, thích ứng với khuynh hướng hội nhập quốc tế.

Chương trình đào tạo ĐH ngành KT ban hành vào năm 2019, 2021, 2023 có nhiều điểm cải tiến. Một số HP được thay thế bổ sung, hoặc thay đổi phương pháp dạy và học, thay đổi cách đánh giá kết quả học tập của NH cũng đã được Khoa thực hiện trong thời gian vừa qua. Điểm quá trình của mỗi HP từ 30% lên 40% tổng điểm HP nhằm gia tăng trọng số của việc đánh giá kết quả thường xuyên NH, giúp NH phấn đấu và chủ động hơn trong việc thu nhận kiến thức.

Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung, thông tin, được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan ít nhất 2 năm 1 lần. Tất cả đề cương các HP trong CTĐT có đầy đủ thông tin bao gồm thông tin GV, mô tả HP, nội dung giảng dạy HP, hình thức tổ chức dạy học và KTĐG. Đề cương HP được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các HP, danh mục tài liệu hằng năm. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các HP trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

Mỗi CTĐT trước khi ban hành đều được đối sánh với CTĐT cùng ngành ở các Trường khác để cập nhật và cải thiện chất lượng giáo dục, CTĐT sau đó được tiếp tục thẩm định của các chuyên gia, của hội đồng khoa học Khoa và hội đồng KH&ĐT Trường. Bên cạnh đó, Khoa cũng đã thực hiện một số khảo sát hoặc tổ chức hội thảo để lấy ý kiến của các BLQ về CĐR hoặc chất lượng của NH sau khi tốt nghiệp. Các kết quả khảo sát này được dùng để làm căn cứ tham khảo trong việc sửa đổi, cải tiến các CTĐT ban hành ở các năm tiếp theo.

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu và CDR của một CTĐT là một trong các thông số thể hiện sự gắn kết trường ĐH, ngành đào tạo với nhu cầu đào tạo của xã hội. Do đó, mục tiêu và CDR của CTĐT ngành được xây dựng dựa trên sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, TLGD, chiến lược dài hạn của Nhà trường và Khoa, cùng mục tiêu chung của giáo dục ĐH đã quy định tại Luật Giáo dục ĐH, và nhu cầu các BLQ. Các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà NH phải đạt được sau khi ra Trường được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt; phản ánh được yêu cầu các BLQ trong CDR này. Mục tiêu và CDR của CTĐT ngành được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Ngành KT được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo theo Quyết định số 534/QĐ-BGDĐT ngày 10/02/2012 và được chuyển đổi tên, mã số ngành theo tên và mã số ngành đào tạo được quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT theo Quyết định số 890/QĐ-BGDĐT ngày 13/03/2018 **[H1.01.01.01(1)]**. Trên cơ sở điều chỉnh từ các CTĐT đã được ban hành theo Quyết định số 188/QĐ-ĐHXDMT ngày 11/6/2019 **[H1.01.01.01(2)]**; Quyết định số 380/QĐ-ĐHXDMT ngày 28/9/2021 **[H1.01.01.01(3)]**; Quyết định số 184/QĐ-ĐHXDMT ngày 12/4/2023 **[H1.01.01.01(4)]**. CTĐT ngành KT hiện nay (áp dụng từ Khóa 2024) bao gồm 150 tín chỉ (TC) được ban hành theo Quyết định số 41/QĐ-ĐHXDMT ngày 24 /01/2024 **[H1.01.01.01(5)]**.

Mục tiêu của CTĐT ngành KT được xác định rõ ràng, thể hiện rõ trong Quyết định ban hành CTĐT ngành KT của Hiệu trưởng Trường ĐHXDMT **[H1.01.01.01(2-5)]** và các bản mô tả CTĐT **[H1.01.01.02(1)]**. Các mục tiêu này được cụ thể hóa trong mục tiêu của từng HP **[H1.01.01.02(2)]** và sự đóng góp của từng HP đối với mục tiêu của CTĐT thể hiện trong ma trận kỹ năng **[H1.01.01.03]**. Mục tiêu của CTĐT ngành KT được rà soát và điều chỉnh 3 lần vào năm 2019, 2021, 2024. Năm 2019, mục tiêu của CTĐT phân biệt rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Đến năm 2021, mục tiêu cụ thể của CTĐT có điều chỉnh nội dung cho phù hợp với CTĐT có thêm 3 chuyên ngành mới, bổ sung khả năng ứng dụng CNTT trong thiết kế kiến trúc. Gần đây nhất là năm 2024, mục tiêu của CTĐT có bổ sung, nhấn mạnh mục tiêu chung về đào tạo theo định

hướng ứng dụng và mục tiêu cụ thể về cơ bản vẫn dựa trên mục tiêu cụ thể năm 2021 và 2023, nhưng ngắn gọn, súc tích với 03 mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Cụ thể, mục tiêu của CTĐT ngành KT hiện nay (áp dụng từ Khóa 2024) được xác định như sau:

Về mục tiêu chung: CTĐT ngành KT tại Trường ĐHXDMT là CTĐT theo định hướng ứng dụng. Mục tiêu chung của chương trình là đào tạo kiến trúc sư có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe; có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực KT; có khả năng nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ, có khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có trách nhiệm nghề nghiệp với cộng đồng và xã hội.

Mục tiêu cụ thể:

i) Về kiến thức: (PO1) Trang bị kiến thức khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành KT vào hoạt động nghề nghiệp.

ii) Về kỹ năng: (PO2) Phát triển kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và CNTT, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng truyền đạt vấn đề, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và giải quyết vấn đề, kỹ năng thiết kế, lập và quản lý dự án KT.

iii) Về mức độ tự chủ trách nhiệm nghề nghiệp: (PO3) Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, kỷ luật, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tự định hướng học tập, thích nghi các môi trường nghề nghiệp ngành KT.

Mục tiêu của CTĐT ngành KT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện mục tiêu của CTĐT ngành KT, Hội đồng Khoa học của Khoa KT đã bám sát vào tầm nhìn, sứ mạng của Trường và của Khoa để đảm bảo hiệu quả việc thực hiện mục tiêu của CTĐT **[H1.01.01.04(1-3)]**. Trong đó, mục tiêu của CTĐT ngành KT cập nhật năm 2024 xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của Trường là “CSGD công lập, đào tạo nguồn nhân lực Xây dựng chất lượng cao theo định hướng ứng dụng; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, NCKH, ứng dụng và CGCN” và phù hợp với tầm nhìn của Trường là “trở thành trường ĐH trọng điểm của Bộ Xây dựng tại khu vực ĐBSCL vào năm 2025, phát triển ngang tầm với các trường chất lượng cao trong nước và quốc tế vào năm 2030”. Mục tiêu của CTĐT ngành KT phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của KKT là “phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ cho khu vực ĐBSCL và cả nước, trong đó chú trọng đào tạo đội ngũ Kiến trúc sư làm việc trong lĩnh vực KT và hướng đến mục tiêu là một đơn vị đào tạo và nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ đạt trình độ phát triển ngang tầm với các trường có đẳng cấp trong nước và quốc tế”. Tính kết nối giữa Tầm nhìn, sứ mạng của Trường, Khoa và mục tiêu đào tạo của ngành KT được thể hiện ở Bảng 1.1.1 và **Bảng 1.1 (Phụ lục 4)**.

**Bảng 1.1.1. Tính kết nối giữa Tầm nhìn, sứ mạng của Trường
và tầm nhìn, sứ mạng của Khoa và Mục tiêu đào tạo của ngành KT**

	Trường ĐHXDMT	KKT	Mục tiêu đào tạo ngành KT
Sứ mạng	Trường ĐHXDMT là CSGD công lập, đào tạo nguồn nhân lực Xây dựng chất lượng cao theo định hướng ứng dụng; Là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, NCKH, ứng dụng và CGCN; Có vai trò quan trọng trong phát triển KT-XH cho khu vực ĐBSCL và cả nước	KKT có trách nhiệm thực hiện sứ mạng của trường ĐHXDMT đó là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ cho khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long và cả nước; trong đó chú trọng đào tạo đội ngũ Kiến trúc sư, kỹ sư Quản lý đô thị làm việc trong lĩnh vực KT; Quản lý đô thị thực hiện các nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu khoa học hiệu quả để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đất nước và hội nhập quốc tế.	1. Mục tiêu đào tạo chung CTĐT Kiến trúc sư tại Trường ĐHXDMT là CTĐT theo định hướng ứng dụng. Mục tiêu chung của chương trình là đào tạo kiến trúc sư có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe; có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực KT; có khả năng nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ, có khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có trách nhiệm nghề nghiệp với cộng đồng và xã hội. 2. Mục tiêu đào tạo cụ thể a. Trang bị kiến thức khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành KT vào hoạt động nghề nghiệp. b. Phát triển kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và CNTT, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng truyền đạt vấn đề, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và giải quyết vấn đề, kỹ năng thiết kế, lập và quản lý dự án KT.
Tầm nhìn	Đến năm 2025, Trường ĐHXDMT hoàn thành mục tiêu trở thành trường ĐH trọng điểm của Bộ Xây dựng tại khu vực ĐBSCL; Đến năm 2030, phát triển ngang tầm với các	Đến năm 2030, KKT - ĐHXDMT là một đơn vị đào tạo và nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ đạt trình độ phát triển ngang bằng với các trường ĐH có đẳng cấp	

	Trường ĐHXDMT	KKT	Mục tiêu đào tạo ngành KT
	trường chất lượng cao trong nước và quốc tế; Bảo đảm NH sau tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh, đáp ứng thị trường lao động trong nước và quốc tế.	trong nước và quốc tế.	c. Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, kỷ luật, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tự định hướng học tập, thích nghi các môi trường nghề nghiệp ngành KT.

Mục tiêu của CTĐT ngành KT phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại Luật giáo dục ĐH. Sự phù hợp giữa mục tiêu của CTĐT ngành KT với mục tiêu GDĐH của Luật GDĐH được thể hiện ở cả mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể:

Đối với mục tiêu chung trong Luật Giáo dục ĐH là “*Đào tạo NH có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.*” thì mục tiêu chung CTĐT ngành KT là “*Đào tạo kiến trúc sư có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe; có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực KT; có khả năng nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ, có khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có trách nhiệm nghề nghiệp với cộng đồng và xã hội.*”

Đối với mục tiêu cụ thể theo Luật Giáo dục ĐH là “*Đào tạo trình độ ĐH để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo*” được cụ thể hóa thành 03 mục tiêu cụ thể trong CTĐT ngành KT từ (PO1) đến (PO3) gồm: (PO1) Trang bị kiến thức khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, CNTT, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành KT vào hoạt động nghề nghiệp; (PO2) Phát triển kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và CNTT, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng truyền đạt vấn đề, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và giải quyết vấn đề, kỹ năng thiết kế, lập và quản lý dự án KT; (PO3) Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, kỷ luật, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tự định hướng học tập, thích nghi các môi trường nghề nghiệp ngành KT. Sự tương thích giữa mục tiêu đào tạo ngành KT, tầm nhìn, sứ mạng của Trường với Luật Giáo dục ĐH và Khung năng lực trình độ quốc gia Việt Nam được thể hiện chi tiết ở **Bảng 1.2 (Phụ lục 4)**.

Mục tiêu của CTĐT ngành KT được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với chiến

lược phát triển của trường và Luật Giáo dục ĐH đồng thời đáp ứng nhu cầu thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành KT **[H1.01.01.05]**. Trong quá trình rà soát và điều chỉnh CTĐT, KKT và các đơn vị đã phối hợp khảo sát ý kiến các BLQ (GV, NH, NTD) để hoàn thiện mục tiêu đào tạo và xây dựng định hướng đúng đắn cho quá trình đào tạo của KKT **[H1.01.01.06(1-2)]**. Mục tiêu của CTĐT cũng được đối sánh với các trường ĐH uy tín trong nước và nước ngoài như ĐH KT Thành phố Hồ Chí Minh, ĐH Xây dựng Miền Trung, ĐH Quốc gia Singapore **[H1.01.01.07]**. Qua đó, mục tiêu của CTĐT được cập nhật và điều chỉnh qua các năm để phù hợp với tình hình thực tế **[H1.01.01.08]**. Mục tiêu của CTĐT ngành KT qua các phiên bản được thể hiện chi tiết ở **Bảng 1.3 (Phụ lục 4)**.

Mục tiêu của CTĐT ngành KT đã được cập nhật theo quy trình xây dựng, cập nhật và quản lý CTĐT. Trường đã thành lập Ban chỉ đạo rà soát, cập nhật, đánh giá CTĐT trình độ ĐH theo Quyết định số 86/QĐ-ĐHXDMT ngày 01/04/2020 **[H1.01.01.09]** và thành lập Hội đồng đánh giá cập nhật CTĐT, các tổ soạn thảo CTĐT ngành KT theo Quyết định số 345/QĐ-ĐHXDMT ngày 09/8/2021 và Quyết định số 65/QĐ-ĐHXDMT ngày 02/02/2023 **[H1.01.01.10]**. CTĐT được thẩm định và thông qua bởi Hội đồng KH&ĐT của Trường được thành lập theo Quyết định số 314/QĐ-ĐHXDMT ngày 08/8/2018 và điều chỉnh thành viên theo Quyết định số 538/QĐ-ĐHXDMT ngày 13/9/2023 **[H1.01.01.10]**. Sau khi CTĐT được thẩm định, Hiệu trưởng Nhà trường ký quyết định ban hành để triển khai vào thực tiễn và mục tiêu của CTĐT được công bố công khai trên trang điện tử của Trường và Khoa để NH tham khảo **[H1.01.01.11]**.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành KT được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn đã được tuyên bố; phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại Luật Giáo dục ĐH hiện hành và Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Mục tiêu của CTĐT ngành KT được thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến các BLQ đặc biệt là các nhà khoa học và NTD còn hạn chế về số lượng, tính đại diện của mẫu khảo sát chưa cao, thiếu các câu hỏi mở để nhận được ý kiến cụ thể về mục tiêu của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Khoa Kiến trúc tiếp tục rà soát, điều chỉnh mục tiêu đào tạo định kỳ cho phù hợp với chiến lược phát triển của trường, luật giáo dục ĐH và nhu cầu thị trường lao động, cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT tiến hành khảo sát ý kiến các BLQ về mục tiêu đào tạo ngành KT, đa dạng đối tượng, hình thức và tăng số lượng khảo sát để tăng tính đại diện của mẫu, làm cơ sở để rà soát, điều chỉnh mục tiêu đào tạo định kỳ.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành Chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KT được xây dựng và công bố theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT tại Công văn số 2196/BGDĐT ngày 22/4/2010 [H1.01.02.01]. CĐR ngành KT cũng phản ánh rõ tầm nhìn, sứ mạng của Trường và của KKT [H1.01.02.02(1-3)]. Việc xây dựng và điều chỉnh CĐR của ngành KT thực hiện theo Quy trình xây dựng, cập nhật và quản lý CTĐT của Trường được ban hành theo Quyết định số 331/QĐ-ĐHXDMT ngày 12/7/2021 [H1.01.02.03(1)], Kế hoạch điều chỉnh CTĐT [H1.01.02.03(2)], Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, cập nhật, đánh giá CTĐT trình độ ĐH số 86/QĐ-ĐHXDMT ngày 01/04/2020 [H1.01.02.03(3)], các quyết định thành lập Hội đồng đánh giá cập nhật chương trình đào tạo và các tổ soạn thảo CTĐT ngành KT [H1.01.02.03(4)]. CĐR trình độ ĐH hệ chính quy của Trường được công bố theo Quyết định số 432/QĐ-ĐHXDMT ngày 12/10/2018. Sau đó, CĐR trình độ ĐH hệ chính quy được điều chỉnh và ban hành năm 2019, 2021 cho từng nhóm ngành theo Quyết định số 277/QĐ-ĐHXDMT ngày 19/8/2019 và 355/QĐ-ĐHXDMT ngày 25/8/2021 [H1.01.02.03(5)].

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KT được xác định rõ ràng, thể hiện chi tiết trong các bản mô tả CTĐT được ban hành theo Quyết định số 188/QĐ-ĐHXDMT ngày 11/6/2019; Quyết định số 60/QĐ-ĐHXDMT ngày 24/2/2022; Quyết định số 604/QĐ-ĐHXDMT ngày 10/10/2023 và Quyết định số 41/QĐ-ĐHXDMT ngày 24 /01/2024 [H1.01.02.04(1)] và ĐCCT các HP [H1.01.02.04(2)]. CĐR của ngành KT được thiết kế có tính thống nhất với mục tiêu của CTĐT ngành KT, theo 2 cấp độ gồm: CĐR cấp độ CTĐT (kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ và trách nhiệm) và CĐR cấp độ HP. Năm 2019, CTĐT ngành KT có 15 CĐR gồm: 05 CĐR về kiến thức, 05 CĐR về kỹ năng và 05 về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Đến năm 2021, CĐR ngành KT được bổ sung thêm 01 CĐR về khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin. Trong lần điều chỉnh năm 2024, CĐR ngành KT được rút gọn còn 14 CĐR, trong đó kỹ năng sử dụng ngoại ngữ & CNTT được tách riêng thành 02 CĐR và rút gọn chỉ có 02 CĐR về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, 04 CĐR này cùng với 03 CĐR về kiến thức giáo dục đại cương là các CĐR chung cho tất cả các ngành đào tạo trong Trường.

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KT có đầy đủ nội dung quy định theo Công văn số 2196/BGDĐT ngày 22/4/2010, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017, Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 gồm: a). Tên ngành đào tạo, b). Trình độ đào tạo, c). Yêu cầu kiến thức (tri thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp...), d). Yêu cầu về kỹ năng (kỹ năng cứng và kỹ năng mềm), e). Yêu cầu về thái độ, f). Vị trí làm việc của NH sau khi tốt nghiệp, g). Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; h). Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo.

CĐR CTĐT ngành KT nêu cụ thể kiến thức (bao gồm kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành); kỹ năng (bao gồm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm); và mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp, chi tiết CĐR năm 2024 như sau:

(1) Về kiến thức gồm 05 CĐR: PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học xã hội vào các hoạt động nhận thức, hoạt động chuyên môn; PLO2. Vận dụng được kiến thức về khoa học tự nhiên vào việc tiếp thu các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; PLO3. Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ, CNTT trong học tập, nghiên cứu các vấn đề chuyên môn; PLO4. Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành vào việc phát triển khả năng tư duy thiết kế và thẩm mỹ kiến trúc; PLO5. Vận dụng được kiến thức chuyên ngành trong thiết kế kiến trúc công trình, lập và quản lý các dự án kiến trúc công trình;

(2) Về kỹ năng gồm 07 CĐR: PLO6. Thực hành được các kỹ năng ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (hoặc tương đương B1 Khung Châu Âu), đồng thời sử dụng được ngoại ngữ trong môi trường làm việc; PLO7. Thực hành được các kỹ năng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và sử dụng được các phần mềm hỗ trợ thiết kế kiến trúc; PLO8. Tổ chức, quản lý được hoạt động nhóm, tham gia làm việc nhóm; PLO9. Truyền đạt được các vấn đề, ý tưởng, giải pháp thiết kế bằng lời nói, văn bản, tài liệu kỹ thuật; PLO10. Phân tích, tổng hợp, đánh giá và giải quyết được các vấn đề trong thiết kế kiến trúc; nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ mới phù hợp với điều kiện thực tế của lĩnh vực kiến trúc; PLO11. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; PLO12. Lập và quản lý dự án kiến trúc, đánh giá, cải thiện hiệu quả các hoạt động trong thực hiện các dự án kiến trúc công trình.

(3) Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm gồm 02 CĐR: PLO13. Tuân thủ pháp luật, kỷ luật, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; PLO14. Tự định hướng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và thích nghi các môi trường nghề nghiệp ngành KT.

Bên cạnh việc nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp, CĐR của CTĐT còn mô tả cụ thể triển vọng việc làm trong tương lai cho NH sau khi tốt nghiệp, cụ thể như: Kiến trúc sư hành nghề độc lập hoặc làm việc

trong các tổ chức tư vấn thiết kế; Nghiên cứu viên trong các cơ quan nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; Chuyên viên trong các cơ quan quản lý liên quan đến lĩnh vực KT; GV trong các cơ sở đào tạo có liên quan đến chuyên ngành KT và khả năng theo học tiếp tục ở bậc học cao hơn của ngành KT và các ngành liên quan khác như: Quản lý đô thị, Quy hoạch.

Nhìn chung, CĐR của ngành KT phản ánh được mục tiêu đào tạo của ngành, thể hiện rõ ràng trong ma trận mục tiêu đào tạo với CĐR của CTĐT **[H1.01.02.05(1)]**. Mỗi CĐR được đo lường và xác định rõ ràng. Các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt đối với NH được xác định dưới dạng các tiêu chí và các động từ chỉ hành vi có thể quan sát và đo lường được. Trong quá trình xây dựng CĐR năm 2024, Khoa được tập huấn cách viết CĐR theo thang năng lực nhận thức, kỹ năng và thái độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm để đảm bảo CĐR đo lường được. CĐR của CTĐT được cụ thể hóa thành CĐR các HP, được thực hiện thông qua việc đạt được các CĐR HP. CĐR của HP thể hiện đúng cấu trúc, gồm thành phần bắt buộc là động từ chỉ hành động và đối tượng của hành động, có thể thêm bối cảnh và mức độ, do đó đo lường được, góp phần thực hiện việc đo được CĐR của CTĐT. Mỗi HP đều có đóng góp nhất định vào việc đạt CĐR của CTĐT, mức độ đóng góp của từng HP được xác định rõ trong ma trận các kỹ năng **[H1.01.02.05 (2)]**.

Chuẩn đầu ra được công bố công khai trong các tài liệu tuyển sinh, tài liệu sinh hoạt công dân đầu khóa và sổ tay SV **[H1.01.02.06(1-3)]** cũng như trên trang điện tử của Trường và Khoa để NH tham khảo **[H1.01.02.07(1-2)]**. KKT đã phối hợp với phòng CTCTSV khảo sát nhu cầu của thị trường lao động **[H1.01.02.08]** và lấy ý kiến của các BLQ về CĐR khi xây dựng CĐR CTĐT **[H1.01.02.09]**. Thông qua các biên bản đóng góp ý kiến, KKT rà soát, cập nhật CTĐT đáp ứng CĐR phù hợp. Qua đó giúp GV, NH và NTD hiểu rõ hơn, đánh giá đúng chất lượng đào tạo bậc ĐH ngành KT của trường ĐHXDMT. Ngoài ra, Khoa KT đối sánh CĐR với các trường ĐH uy tín trong nước và nước ngoài như ĐH KT Thành phố Hồ Chí Minh, ĐH Xây dựng Miền Trung, ĐH Quốc gia Singapore. Kết quả đối sánh cho thấy sự tương thích khá nhiều về CĐR **[H1.01.02.10]**. Những cập nhật, điều chỉnh về CĐR ngành KT được thể hiện trong bản đối sánh CĐR qua các năm **[H1.01.02.11]**, và thể hiện chi tiết ở **Bảng 1.4 (Phụ lục 4)**.

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT bậc ĐH ngành KT được xác định rõ ràng, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng NH học cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT; CĐR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa, của Trường; chỉ rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của SV sau khi tốt nghiệp; được xây dựng nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT chưa chủ động khảo sát ý kiến phản hồi của cựu NH, GV, chuyên gia và NTD về CDR của CTĐT ngành KT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Khoa KT tiếp tục đánh giá và điều chỉnh CTĐT ngành KT theo định kỳ 2 năm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với CDR.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT phối hợp với các phòng chức năng khảo sát ý kiến các BLQ, mở rộng đối tượng lấy ý kiến trong quá trình khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan tới CDR của CTĐT để nhận được nhiều thông tin hữu ích giúp việc xây dựng, điều chỉnh CDR

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

Việc rà soát, điều chỉnh CDR ngành KT được thực hiện theo kế hoạch định kỳ của Nhà trường, lần gần nhất là đầu năm 2024. Quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CDR ngành KT có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các BLQ (GV, NH, cựu NH, NTD). KKT đã phối hợp với các đơn vị tổ chức lấy ý kiến các BLQ khi xây dựng, điều chỉnh CDR của CTĐT theo Kế hoạch khảo sát các BLQ [H1.01.03.01(1)] bằng nhiều hình thức như phiếu khảo sát/ý kiến, đóng góp trực tiếp tại các cuộc họp Khoa/Bộ môn, hội thảo CTĐT. Riêng năm 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid, KKT lấy ý kiến của các BLQ về CDR của CTĐT bằng phiếu khảo sát, phiếu ý kiến trực tuyến H1.01.03.01(2). Tất cả các kết quả của việc rà soát, cập nhật, chỉnh sửa được thể hiện bằng biên bản [H1.01.03.01(3-4)], được Khoa sử dụng làm căn cứ xây dựng CDR của CTĐT, gửi về Phòng QLĐT, trình qua Hội đồng KH&ĐT Trường hợp thông qua và trình Hiệu trưởng ký ban hành công khai bằng nhiều hình thức đến các Khoa, đơn vị, GV, NH thực hiện.

Chuẩn đầu ra của CTĐT bậc ĐH ngành KT phản ánh được yêu cầu của các BLQ. CDR được xây dựng trên tài liệu khảo sát nhu cầu nhân lực của thị trường lao động liên quan đến ngành KT và sự tham gia đóng góp ý kiến của các chuyên gia, GV, NH và DN bao gồm ba mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị sử dụng lao động [H1.01.03.01(1-4)]. Các ý kiến về CDR được thu nhận từ các BLQ thông qua các phiếu khảo sát, các phiếu góp ý, các trao đổi trực tiếp, các phiếu nhận xét thực tập của cơ quan/doanh nghiệp, các cuộc họp. Ý kiến đóng góp từ NTD và cựu NH có sự thống nhất về việc cần nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) của NH, bổ sung thêm khả năng sử dụng ngoại ngữ khác (tiếng

Nhật), nâng cao khả năng sử dụng nhiều phần mềm hỗ trợ thiết kế kiến trúc và khả năng triển khai hồ sơ thiết kế kỹ thuật. Các ý kiến đó đã được tiếp thu trong đợt điều chỉnh CĐR năm 2019, 2021. Bên cạnh việc lấy ý kiến NH và NTD, KKT chú ý tập trung việc lấy ý kiến các chuyên gia về CĐR của CTĐT và thiết kế các HP trong CTDH đảm bảo tính phù hợp trong mối liên hệ giữa CĐR của các HP với CĐR của CTĐT, hướng tới đáp ứng được CĐR ngành đào tạo. KKT tiếp thu ý kiến đóng góp từ các chuyên gia để điều chỉnh CĐR của CTĐT năm 2024 như: bố cục 03 CĐR về kiến thức khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và ngoại ngữ, CNTT, 02 CĐR về kỹ năng ngoại ngữ & CNTT và 02 CĐR về mức độ tự chủ và trách nhiệm thống nhất chung cho các ngành đào tạo trong Trường; sử dụng động từ tương ứng với các mức độ về nhận thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm; mô tả CĐR ngắn gọn, súc tích hơn. Trong đợt rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT năm 2024, KKT khảo sát cựu NH và NTD về mức độ đáp ứng “Các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm so với nhu cầu thị trường lao động”, kết quả khảo sát từ NTD (mức khá trở lên) đạt 90.3% (trong đó 54.2% khá và 36.1% tốt); từ cựu NH đạt 75% (trong đó 44.6% khá, 30.4% tốt). Về mức độ đồng ý “CĐR của CTĐT rõ ràng và phù hợp với nhu cầu xã hội” và “Nội dung của CTĐT phản ánh rõ mục tiêu và chuẩn đầu ra”, kết quả khảo sát thu được từ NTD (mức đồng ý trở lên), NH và cựu NH đều đạt 100% cho cả 2 nội dung **[H1.01.03.02]**.

Chuẩn đầu ra của CTĐT bậc ĐH ngành KT được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo kế hoạch cập nhật chỉnh sửa CTĐT **[H1.01.03.03(1)]** với những nội dung được biên soạn theo thông báo của Trường và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Trong quá trình rà soát, cập nhật, CĐR có thể thay đổi hoặc giữ nguyên nội dung cơ bản theo CĐR đã ban hành trước đó **[H1.01.03.03(2)]**, cụ thể như CĐR ngành KT năm 2021 có thay đổi so với năm 2019 về số lượng và nội dung mô tả một số CĐR; CĐR năm 2023 vẫn giữ nguyên nội dung cơ bản theo CĐR năm 2021; CĐR năm 2024 thay đổi so với năm 2021, 2023 về nội dung mô tả súc tích, ngắn gọn hơn và giảm còn 14 CĐR. Sau khi tiến hành rà soát, cập nhật lại CĐR theo yêu cầu, KKT gửi về Phòng QLĐT, trình qua Hội đồng KH&ĐT Trường họp thông qua **[H1.01.03.03(3)]** và trình Hiệu trưởng ký ban hành. CĐR CTĐT ngành KT (áp dụng từ khóa 2024) được ban hành trong bản mô tả CTĐT theo Quyết định số 41/QĐ-ĐHXDMT ngày 24 /01/2024. Trước đó, vào các năm 2019, 2021, 2023, CĐR ngành KT được điều chỉnh và ban hành theo Quyết định số 188/QĐ-ĐHXDMT ngày 11/6/2019; Quyết định số 60/QĐ-ĐHXDMT ngày 24/2/2022; Quyết định số 604/QĐ-ĐHXDMT ngày 10/10/2023. Khoa KT đã cụ thể hóa CĐR của CTĐT các năm vào ĐCCT HP **[H1.01.03.04]**, đồng thời tổ chức rà soát bảng ma trận của các HP với CĐR để khẳng định sự phù hợp của CĐR với mục tiêu của CTĐT **[H1.01.03.05]**. Ngoài ra, KKT đối sánh CĐR với các trường ĐH uy tín trong nước và

nước ngoài như ĐH KT Thành phố Hồ Chí Minh, ĐH Xây dựng Miền Trung, ĐH Quốc gia Singapore. Kết quả đối sánh cho thấy sự tương thích khá nhiều về CĐR, được thể hiện ở Bản đối sánh CĐR của CTĐT các Trường ĐH trong nước và ngoài nước [H1.01.03.06] và thể hiện chi tiết ở **Bảng 1.5 (Phụ lục 4)**.

Chuẩn đầu ra của CTĐT bậc ĐH ngành KT được cập nhật trong tài liệu tuyển sinh [H1.01.03.07(1)], tài liệu sinh hoạt công dân đầu khóa [H1.01.03.07(2)] và sổ tay SV [H1.01.03.07(3)], đồng thời được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường [H1.01.03.08(1)] và của Khoa [H1.01.03.08(2)] để NH biết các yêu cầu kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, cũng như vị trí việc làm mà NH có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp. Việc công khai CĐR là cam kết của Nhà trường với xã hội về chất lượng đào tạo, đồng thời để CB quản lý, GV và NH nỗ lực đổi mới phương pháp và cập nhật các vấn đề mới vào công tác giảng dạy và học tập, đổi mới công tác quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp KTĐG và đổi mới phương pháp học tập của NH tương ứng với bậc học cao hơn.

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo định hướng tích hợp kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp, có lấy ý kiến các BLQ. CĐR được công bố công khai trên website Trường, website Khoa, cổng thông tin đào tạo và thể hiện cụ thể trong từng năm học ở từng HP.

3. Điểm tồn tại

Quá trình xây dựng CĐR của CTĐT chưa lấy ý kiến nhiều DN, NTD. Việc tổ chức lấy ý kiến các BLQ có thực hiện nhưng chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Khoa KT tiếp tục rà soát và hoàn thiện CĐR CTĐT theo hướng tiếp cận của Bộ GD&ĐT.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT mời chuyên gia có kinh nghiệm trong quản lý giáo dục, DN, NTD tham gia xây dựng, đánh giá CĐR CTĐT và kết quả đầu ra của NH.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Mục tiêu đào tạo của ngành KT được xác định rõ ràng bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Nhà trường/Khoa và phù hợp với mục tiêu giáo dục ĐH của luật giáo dục ĐH. Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành KT được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo tiến trình chung của Trường ĐHXDĐT. CĐR

của ngành KT được xác định rõ ràng, phân thành 3 nhóm: kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của NH khi ra trường, bao quát được yêu cầu chung và một số yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp và phản ánh ý kiến của các BLQ. CDR được công bố công khai trên website Trường, website Khoa, cổng thông tin đào tạo và được thể hiện cụ thể trong từng năm học ở từng HP.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu và CDR, CTĐT có thực hiện khảo sát lấy ý kiến các BLQ nhưng chưa thường xuyên, còn hạn chế về số lượng, đối tượng khảo sát, đặc biệt là các nhà khoa học, NTD nên tính đại diện của mẫu khảo sát chưa cao.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,0 điểm. Số tiêu chí đạt: 3/3. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành KT được xây dựng trên cơ sở đảm bảo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường và KKT gắn với nhu cầu của NH, nhu cầu xã hội. Bản mô tả CTĐT thể hiện mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ ĐH, cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CDR của chương trình và của từng HP cụ thể, bản tổng hợp các HP, tiêu chí tuyển sinh, đề cương HP cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy và học, Phương pháp KT&G kết quả học tập của NH. Bản mô tả CTĐT và đề cương HP được cập nhật thường xuyên và công bố công khai cho các BLQ.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Ngành KT được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo từ năm 2012 theo Quyết định số 534/QĐ-BGDĐT ngày 10/02/2012 và được chuyển đổi tên, mã số ngành theo tên và mã số ngành đào tạo được quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT theo Quyết định số 890/QĐ-BGDĐT ngày 13/03/2018 **[H2.02.01.01(1)]**. CTĐT ngành KT được điều chỉnh vào các năm 2019, 2021, 2023, 2024 để phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT **[H2.02.01.01(2-5)]**. Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh và ban hành cùng với CTĐT theo Quyết định số 188/QĐ-ĐHXDMT ngày 11/6/2019; Quyết định số 60/QĐ-ĐHXDMT ngày 24/2/2022; Quyết định số 604/QĐ-ĐHXDMT ngày 10/10/2023 và Quyết định số 41/QĐ-ĐHXDMT ngày 24/01/2024 **[H2.02.01.02]**.

Bản mô tả CTĐT ngành KT có đầy đủ các nội dung quy định theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016, gồm các nội dung chính như sau **[H2.02.01.02]**: Tên CSGD; Tên gọi của văn bằng; Tên CTĐT; Thời gian đào tạo; Mục

tiêu, CDR của CTĐT; Tiêu chí tuyển sinh; Cấu trúc và nội dung CTĐT; Ma trận kỹ năng; Đề cương các HP; Thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

Bản mô tả CTĐT được công bố trên các tài liệu tuyển sinh như tờ rơi tuyển sinh, cẩm nang tuyển sinh và trang thông tin điện tử của Khoa, Trường để thuận tiện cho NH tiếp cận các thông tin cần thiết về CTĐT và được phổ biến cho NH ngay từ đầu năm học **[H2.02.01.03]**, **[H2.02.01.04]**. Qua đó, các BLQ (GV, NH, NTD) có thể tiếp cận và đóng góp các ý kiến xây dựng thiết thực **[H2.02.01.05]**.

Quy trình rà soát và điều chỉnh bản mô tả CTĐT ngành KT được thực hiện theo Quyết định số 331/QĐ-ĐHXDMT ngày 12/7/2021 về ban hành Quy định Xây dựng, cập nhật và quản lý CTĐT của Trường **[H2.02.01.06(1)]**. Quy trình cập nhật và điều chỉnh CTĐT **[H2.02.01.06(2)]** gồm 12 bước: (1) Khoa đề xuất/ Hiệu trưởng thông báo đánh giá, cập nhật CTĐT; (2) Lập và ban hành các văn bản pháp lý cho việc đánh giá, cập nhật CTĐT; (3) Thu thập minh chứng và tổ chức đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo hiện hành; (4) Xây dựng dự thảo CTĐT cập nhật; (5) HĐKHĐT cấp khoa thông qua dự thảo CTĐT cập nhật; (6) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo điều chỉnh dự thảo CTĐT cập nhật theo ý kiến đóng góp của HĐKHĐT cấp Khoa; (7) Biên soạn ĐCCT các học phần theo CTĐT đã xác định; (8) Hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT cập nhật và ĐCCT các học phần trong CTĐT cập nhật; (9) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo điều chỉnh theo ý kiến đóng góp tại Hội thảo; (10) HĐKHĐT cấp Trường thông qua dự thảo CTĐT, hoặc đề nghị lập Hội đồng thẩm định CTĐT Điều 14 của Quy định này; (11) Quyết định ban hành CTĐT; (12) Công khai CTĐT trên Website của trường; Theo quy trình cập nhật và điều chỉnh CTĐT, kết quả của các cuộc họp, hội thảo rà soát, cập nhật, chỉnh sửa bản mô tả CTĐT được thể hiện bằng biên bản, làm căn cứ xây dựng bản mô tả CTĐT **[H2.02.01.06(3)]**.

Bản mô tả CTĐT ngành KT được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan; được rà soát và cập nhật các nội dung mới nhất về mục tiêu đào tạo, CDR, cấu trúc CTĐT và ma trận kỹ năng **[H2.02.01.06(4)]**. Từ năm 2019 đến nay, KKT đã có 4 phiên bản mô tả CTĐT các năm 2019, 2021, 2023, 2024.

Từ năm 2012 đến năm 2018, CTĐT ngành KT được xây dựng và áp dụng đào tạo nhưng chưa có bản mô tả thể hiện dưới dạng một văn bản riêng, tuy nhiên CTĐT đã được ban hành thể hiện đầy đủ các nội dung như yêu cầu của bản mô tả CTĐT, bao gồm: (i) Mục tiêu đào tạo; (ii) CDR; (iii) Thời gian đào tạo; (iv) Khối lượng kiến thức toàn khóa; (v) Đối tượng tuyển sinh; (vi) Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp; (vii) Thang điểm; (viii) Cấu trúc và nội dung CTĐT; (ix) Kế hoạch giảng dạy, (x) ĐCCT các HP. Năm 2019, Khoa cập nhật, điều chỉnh CTĐT có đủ nội dung quy định theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016, trong đó bổ sung một số nội dung

như: vị trí việc làm sau tốt nghiệp; CDR thiết kế theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra và cập nhật tên, mã ngành đào tạo theo Quyết định số 890/QĐ-BGDĐT ngày 13/3/2018.

Năm 2021, Khoa cập nhật, điều chỉnh CTĐT phù hợp với Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021, đảm bảo khối lượng học tập của CTĐT là 150 TC, khối lượng thực tập 8 TC, bắt đầu xây dựng và ban hành bản mô tả CTĐT dưới dạng một văn bản riêng. Đầu năm 2024, Khoa tiếp tục rà soát, cập nhật CTĐT, bổ sung nội dung về chuẩn đầu vào, định hướng đào tạo, TLGD, sứ mạng tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của Trường ĐHXDMT vào bản mô tả CTĐT.

Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh, triển khai theo kế hoạch của Trường **[H2.02.01.07]**. Trong quá trình điều chỉnh, bổ sung Bản mô tả CTĐT ngành KT, Khoa đã tham khảo ý kiến các BLQ (GV, NH, NTD), đối sánh với CTĐT qua các lần điều chỉnh, đối sánh với CTĐT của các trường trong nước và nước ngoài như ĐH KT Thành phố Hồ Chí Minh, ĐH Xây dựng Miền Trung, ĐH Quốc gia Singapore **[H2.02.01.08]**. Kết quả khảo sát ý kiến các BLQ khi điều chỉnh CTĐT năm 2024 cho thấy 100% NTD, NH, cựu NH đồng ý “Nội dung CTĐT được cập nhật, đổi mới, phù hợp nhu cầu thị trường lao động”. Kết quả đối sánh với CTĐT của các trường trong nước và nước ngoài cho thấy khá tương đồng: Tổng số tín chỉ của CTĐT là 150 TC (so với tổng số TC của các CTĐT đối sánh là 153 TC, 159 TC, 160 TC).

2. Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT ngành KT thể hiện đầy đủ nội dung và thông tin cần thiết theo quy định, được ban hành chính thức. Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh, cập nhật định kỳ theo kết quả rà soát định kỳ và ý kiến phản hồi của các BLQ.

3. Điểm tồn tại:

Tiến trình đào tạo được mô tả trong bản mô tả chương trình còn chưa đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của NH.

4. Kế hoạch hành động:

Phát huy điểm mạnh:

Khoa sẽ chỉ đạo Hội đồng khoa học Khoa tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT, ma trận CDR theo định kỳ trên cơ sở ý kiến các BLQ. Bản mô tả CTĐT, ma trận CDR thường xuyên được cập nhật gắn liền với yêu cầu thực tiễn.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa cải tiến và cập nhật CTĐT theo hướng linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của NH.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Đầu năm 2024, ĐCCT HP ngành KT được điều chỉnh và ban hành theo Quyết định số 41/QĐ-ĐHXDMT ngày 24/01/2024. Trước đó, vào các năm 2019, 2021, 2023, ĐCCT HP ngành KT ban hành theo Quyết định số 323/QĐ-ĐHDMT ngày 09/09/2019; Quyết định số 641/QĐ-ĐHDMT ngày 29/12/2021; Quyết định số 357/QĐ-ĐHDMT ngày 12/7/2023 **[H2.02.02.01]**.

Tất cả (100%) đề cương HP cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan: tên đơn vị/tên GV đảm nhận giảng dạy; tên môn học/học phần; số tín chỉ; mục tiêu, CDR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo **[H2.02.02.01]**. ĐCCT các HP luôn được xây dựng, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với CDR CTĐT **[H2.02.02.02]**.

Tất cả (100%) đề cương các HP trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Trường. Việc rà soát và điều chỉnh HP của ngành KT được thực hiện theo Quy trình cập nhật và điều chỉnh CTĐT, được ban hành kèm theo Quyết định số 331/QĐ-ĐHXDMT ngày 12/7/2021 về ban hành Quy định Xây dựng, cập nhật và quản lý CTĐT của Trường **[H2.02.02.03(1-2)]**. Theo quy trình này, sau khi Dự thảo CTĐT lần 2 được thông qua, Khoa phân công GV biên soạn ĐCCT các HP theo CTĐT. Sau đó, Khoa phối hợp với phòng QLĐT tổ chức hội thảo xin ý kiến các bên liên quan về CTĐT và ĐCCT. Hội đồng xây dựng CTĐT điều chỉnh theo ý kiến đóng góp tại Hội thảo trước khi thông qua Hội đồng KH&ĐT Trường và trình Hiệu trưởng ký ban hành công khai bằng nhiều hình thức đến các Khoa, các đơn vị, GV, NH thực hiện. Trong chu kỳ đánh giá, các HP của CTĐT ngành KT được rà soát, điều chỉnh 4 lần vào các năm 2019, 2021, 2023 và 2024 theo Kế hoạch về việc cập nhật, điều chỉnh CTĐT các năm **[H2.02.02.03(3)]**. Việc biên soạn, điều chỉnh đề cương chi tiết các HP ở Khoa được thể hiện trong Biên bản họp rà soát đề cương học phần các năm kèm theo theo bảng phân công GV thực hiện **[H2.02.02.04]**. Trong quá trình thực hiện, bộ môn tổ chức các buổi họp góp ý nội dung ĐCCT. Sau khi GV hoàn tất, Trưởng BM tổng hợp các ĐCCT và gửi bản tổng hợp cho Khoa để gửi về Phòng QLĐT tổ chức hội thảo xin ý kiến, thông qua và ký ban hành.

Đề cương chi tiết 2019 có 14 mục: 1. Tên học phần; 2. Số tín chỉ; 3. Phân biệt học phần; 4. Phân phối thời gian; 5. Điều kiện tiên quyết; 6. Mô tả tóm tắt học phần; 7. Mục tiêu học phần; 8. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần; 9. Tài liệu học tập; 10. Nhiệm vụ của sinh viên; 11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên; 12. Tỷ lệ phần trăm các thành phần điểm và các loại hình đánh giá; 13. Nội dung chi tiết học phần; 14. Thành phần nhóm

soạn thảo. Đến năm 2021, ĐCCT có 16 mục, có bổ sung 02 mục là Mức độ liên hệ của học phần với Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo và Giảng viên phụ trách học phần. ĐCCT năm 2023 vẫn giữ cấu trúc như ĐCCT năm 2021. So với phần rà soát, điều chỉnh năm 2021, 2023 thì ĐCCT lần rà soát điều chỉnh năm 2024 đã có nhiều thay đổi. Về cấu trúc có 17 mục, trong đó: bổ mục Mô tả tóm tắt học phần; đổi tên mục Tỷ lệ phần trăm các thành phần điểm và các loại hình đánh giá thành Kế hoạch thực hiện đánh giá kết quả học tập; bổ sung thêm một số mục đảm bảo quy định của Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng- Bộ GD&ĐT là Rubric đánh giá điểm học phần và Mức độ liên hệ CLO học phần với hoạt động dạy - học và kiểm tra đánh giá. Về nội dung, tập trung thực hiện đối với CĐR; bổ sung mức độ đáp ứng CĐR trong ma trận giữa CĐR của HP với CĐR của CTĐT; điều chỉnh điều kiện tiên quyết; chỉnh sửa về hình thức trình bày; xác định rõ HP tiên quyết, học trước, học song hành cho từng HP; xác định rõ phương pháp giảng dạy - học tập; điều chỉnh nguồn học liệu (tài liệu chính, tài liệu tham khảo); làm rõ, cụ thể hơn về cách thức KTĐG HP (hình thức kiểm tra; nội dung; thời điểm; chỉ báo thực hiện; tỷ trọng điểm, ...); bổ sung ma trận liên hệ học phần với hoạt động dạy - học và kiểm tra đánh giá; bổ sung Rubric đánh giá HP **[H2.02.02.05]**.

Việc điều chỉnh và cập nhật đề cương HP yêu cầu GV phải thường xuyên nghiên cứu nắm bắt những yêu cầu mới của HP, cập nhật những kiến thức, giáo trình mới, và tạo điều kiện cho NH được học những kiến thức mới, đáp ứng yêu cầu của công việc. Trong quá trình điều chỉnh và cập nhật đề cương HP, Khoa đã tham khảo ý kiến các BLQ **[H2.02.02.06]**, tham khảo, đối sánh với CTĐT qua các lần điều chỉnh, đối sánh với các trường trong nước ĐH KT Thành phố Hồ Chí Minh, ĐH Xây dựng Miền Trung, ĐH Quốc gia Singapore **[H2.02.02.07]**. Kết quả khảo sát ý kiến các BLQ khi điều chỉnh CTĐT năm 2024 cho thấy 100% NTD, NH, cựu NH đồng ý: “Các HP trong CTĐT có sự gắn kết, thiết kế logic”. Kết quả đối sánh với CTĐT của các trường trong nước và nước ngoài cho thấy khá tương đồng: Tổng số học phần tương đồng với ĐH KT Thành phố Hồ Chí Minh là 65 HP (75%), ĐH Xây dựng Miền Trung là 60 HP (70%), ĐH Quốc gia Singapore là 28 HP (33%): Các học phần tương đồng chủ yếu là các học phần đại cương (các chương trình trong nước), các học phần về nguyên lý thiết kế KT, lịch sử KT, tin học chuyên ngành và các học phần đồ án KT.

Tất cả CTĐT, các ĐCCT HP, các kế hoạch giảng dạy được Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành và được công bố trên các tài liệu tuyển sinh như tờ rơi tuyển sinh, cẩm nang tuyển sinh; tài liệu sinh hoạt công dân NH đầu khóa; trên website của Trường, Khoa và gửi trực tiếp cho NH qua cổng thông tin **[H2.02.02.08]**, **[H2.02.02.09]**.

2. Điểm mạnh

Đề cương chi tiết HP có đầy đủ các thông tin được yêu cầu, trong đó thể hiện rõ CDR môn học gắn kết với CDR của CTĐT. Các đề cương HP được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các HP, danh mục tài liệu tham khảo, đáp ứng xu thế hiện nay về lĩnh vực ngành KT. Mọi thông tin liên quan đến HP, cấu trúc, nội dung, phương pháp KTĐG của HP đều được cung cấp đầy đủ để NH đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các BLQ đối với ĐCCT HP chỉ chú trọng vào GV và NH mà chưa thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ NTD và mẫu khảo sát còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

KKT tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật ĐCCT HP phù hợp với mục tiêu của CTĐT và yêu cầu thực tiễn.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm 2024 - 2025, KKT tổ chức khảo sát lấy ý kiến đối với người sử dụng lao động các nội dung liên quan đến đề cương các HP có phù hợp với nhu cầu tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả Chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT được công bố công khai năm 2019 theo Quyết định số 188/QĐ-ĐHXDMT ngày 11/6/2019. Sau đó, Bản mô tả CTĐT tiếp tục được cập nhật và công bố theo Quyết định số 60/QĐ-ĐHXDMT ngày 24/2/2022; Quyết định số 604/QĐ-ĐHXDMT ngày 10/10/2023; Quyết định số 41/QĐ-ĐHXDMT ngày 24 /01/2024. ĐCCT HP cũng được công bố cùng lúc với Bản mô tả CTĐT theo Quyết định số 323/QĐ-ĐHDMT ngày 09/09/2019; Quyết định số 641/QĐ-ĐHDMT ngày 29/12/2021; Quyết định số 357/QĐ-ĐHDMT ngày 12/7/2023. Đầu năm 2024, Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP cùng được công bố theo quyết định số 41/QĐ-ĐHXDMT ngày 24 /01/2024 [H2.02.03.01].

Bản mô tả CTĐT được công khai bằng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau, bao gồm cả hình thức trực tiếp và gián tiếp như: phát tờ rơi tuyển sinh, phổ biến qua tài liệu sinh hoạt NH đầu khóa hoặc công bố thông qua website của Trường và Khoa (gián tiếp). Đối với các HP, tất cả ĐCCT HP được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. ĐCCT được đăng ở dạng file điện tử trên cổng thông tin của Trường và NH có thể truy cập bằng tài khoản là email do Trường cung cấp. Qua đó, NH có thể tham

khảo nội dung của HP để lựa chọn HP phù hợp và chuẩn bị các tài liệu cần thiết cho môn học. Đồng thời, ĐCCT HP được giới thiệu trực tiếp cho NH ngay buổi đầu tiên của mỗi HP để NH dễ dàng tiếp cận và định hướng học tập cho từng HP cụ thể **[H2.02.03.02]**.

Trường đã ban hành Quyết định công bố Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP vào các năm 2019, 2021, 2023, 2024 **[H2.02.03.03]**. Hệ thống CNTT được ứng dụng để đăng tải Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa để NH có thể tự tham khảo trong quá trình học tập **[H2.02.03.04]**. Điều này giúp NH có thể chủ động tìm kiếm các tài liệu tham khảo liên quan đến môn học và tự học tại nhà.

Các BLQ gồm cơ quan quản lý, NTD, GV, NH, NH đã tốt nghiệp đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Bản mô tả CTĐT ngành KT được công bố một phần trong tài liệu tuyển sinh để giới thiệu đến học sinh, phụ huynh và các bên liên quan quan tâm. Trong tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa, các nội dung của bản mô tả CTĐT cũng được hướng dẫn cụ thể để SV dễ tra cứu và tìm hiểu **[H2.02.03.05]**.

Bên cạnh đó, Bản mô tả CTĐT và ĐCCT tất cả HP ngành KT đều được lưu trữ tại Khoa để GV phụ trách môn học thuận tiện theo dõi và xây dựng phương pháp giảng dạy phù hợp. Vì vậy, GV và NH có tiếp cận dễ dàng và thuận tiện với Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP **[H2.02.03.06]**.

Hàng năm, Trường, Khoa khảo sát ý kiến của GV, NH về CTĐT. Kết quả khảo sát ý kiến GV, NH về hoạt động giảng dạy của GV học kỳ I năm học 2023-2024 cho thấy, 100% GV được hỏi đồng ý với nhận định “Bản mô tả CTĐT phổ biến công khai cho các BLQ”; 100% NH được hỏi đều đồng ý với nhận định “GV giới thiệu đề cương học phần ngay từ buổi học đầu tiên” **[H2.02.03.07]**.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP được công bố công khai, đầy đủ với nhiều hình thức khác nhau giúp cho các BLQ dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và DN trong đào tạo và sử dụng nhân lực, đáp ứng yêu cầu của các BLQ. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP dễ dàng tiếp cận giúp cho NH nắm được các HP để xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT ngành KT chưa đầy đủ đối với NTD và cựu NH; chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Người học được tiếp cận CTĐT, ĐCCT các HP thông qua nhiều kênh truyền thông

khác nhau.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng QLĐT và KKT sẽ tăng cường tìm kiếm các kênh truyền thông để công khai bản mô tả CTĐT đối với NTD và cựu NH, đồng thời xây dựng cơ chế đánh giá mức tiếp cận của các BLQ.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Bản mô tả CTĐT và bản mô tả HP ngành KT đầy đủ thông tin, rõ ràng và được điều chỉnh, cập nhật. Đề cương các HP được thiết kế và chuẩn hoá đúng quy định; các đề cương HP liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển của xã hội. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP đều được xây dựng, điều chỉnh, cập nhật dựa vào sự đóng góp của Hội đồng khoa học cấp trường, cấp khoa, GV, cựu NH, đơn vị tuyển dụng và nhà chuyên môn.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Việc lấy ý kiến khảo sát của cựu NH, NTD trong quá trình cập nhật Bản mô tả CTĐT và ĐCCT còn ít và chưa đa dạng.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,0 điểm. Số tiêu chí đạt: 3/3. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH

Mở đầu

Chương trình dạy học trình độ ĐH ngành KT được cấu trúc hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Bộ GD&ĐT, Trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của ngành KT trình độ ĐH, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các phương pháp dạy và học, KT&DG NH được sử dụng để nhằm đảm bảo đạt các CDR chung của CTDH và các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của từng HP. Chủ đề và nội dung các HP được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTDH. Đồng thời, CTDH của ngành KT được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích hợp, cập nhật ở từng HP cụ thể và ở CTDH tổng thể.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học ngành KT được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. CTDH phù hợp với Quy chế đào tạo ĐH của Bộ GD&ĐT và Quy định đào tạo trình độ ĐH của Trường được ban hành vào các

năm 2019, 2021, 2023 theo Quyết định số 320/QĐ-ĐHXDMT ngày 03/9/2019; Quyết định số 465/QĐ-ĐHXDMT ngày 15/10/2021; Quyết định số 183/QĐ-ĐHXDMT ngày 12/4/2023 **[H3.03.01.01]**. CTDH ngành KT được ban hành năm 2019 theo quyết định số 345/QĐ-ĐHXDMT ngày 20/9/2019. Sau đó, vào năm 2021, 2023, CTDH được điều chỉnh và ban hành theo Quyết định số 641/QĐ-ĐHXDMT ngày 29/12/2021 và 357/QĐ-ĐHXDMT ngày 12/7/2023. Đến năm 2024, CTDH tiếp tục được điều chỉnh và ban hành theo Quyết định số 41/QĐ-ĐHXDMT ngày 24 /01/2024 **[H3.03.01.02(1)]**. CTDH ngành KT được xây dựng nhằm giúp NH đạt được các CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm sau khi tốt nghiệp. Tương ứng với từng yêu cầu của CĐR, CTDH được phân bổ thành các khối cụ thể như: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp, được thể hiện cụ thể trong các bản mô tả CTDH **[H3.03.01.02(1)]** và ĐCCT các HP **[H3.03.01.02(2)]**.

Trong CTDH, các khối kiến thức và HP trong các khối kiến thức có vai trò nhất định để góp phần đạt được CĐR của CTĐT **[H3.03.01.03]**. Mức độ đóng góp của các khối kiến thức thể hiện trong ma trận liên hệ giữa các khối kiến thức và CĐR của CTĐT **[H3.03.01.04(1)]** và mức độ đóng góp của mỗi HP thể hiện trong ma trận kỹ năng (Ma trận liên hệ giữa các HP với CĐR của CTĐT) có trong bản mô tả CTDH **[H3.03.01.04(2)]**. Ngoài ra, mức độ đóng góp của mỗi HP thể hiện chi tiết trong ma trận liên hệ giữa CĐR của HP với CĐR của CTĐT, trong ĐCCT các HP.

Cụ thể, CTDH áp dụng từ khóa 2024 được thiết kế để đáp ứng 14 CĐR của CTĐT ngành KT bao gồm: 05 CĐR về kiến thức (Kiến thức đại cương – 03 CĐR, kiến thức cơ sở ngành – 01 CĐR, kiến thức chuyên ngành – 01 CĐR); 07 CĐR về kỹ năng (Kỹ năng cứng – 02 CĐR, kỹ năng mềm – 05 CĐR); 02 CĐR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm và đảm bảo tỉ lệ cân đối giữa các khối kiến thức trên cơ sở CĐR. Theo đó, CTDH năm 2024 gồm 86 HP với 150 tín chỉ (không bao gồm HP điều kiện), trong đó:

- Kiến thức đại cương	: 32 tín chỉ	Tỉ lệ: 21,3 %
- Kiến thức chuyên nghiệp	: 100 tín chỉ	Tỉ lệ: 66,7 %
+ Kiến thức cơ sở ngành	: 42 tín chỉ	Tỉ lệ: 28,0 %
+ Kiến thức chuyên ngành	: 58 tín chỉ	Tỉ lệ: 38,7 %
- Tốt nghiệp	: 18 tín chỉ	Tỉ lệ: 12,0 %
+ Thực tập	: 08 tín chỉ	Tỉ lệ: 5,3 %
+ Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp	: 10 tín chỉ	Tỉ lệ: 6,7 %

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH của 100% các HP trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR. CTDH ngành KT được xây dựng theo hướng phát triển năng lực của NH. Đặc

biệt, trong quá trình xây dựng CTDH, Khoa xác định “*hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu của Khoa KT gắn liền với hoạt động thực tiễn thiết kế KT*” nhằm đào tạo đội ngũ NH có kiến thức vững vàng và năng lực thực hành nghề nghiệp tốt có chất lượng và uy tín.

Việc giảng dạy và học tập của ngành KT được thực hiện kết hợp các phương pháp giảng dạy, học tập trực tiếp trên lớp và các phương pháp giảng dạy theo định hướng thực hành/thực tập và tự học. Tùy thuộc vào đặc trưng của từng HP, mà GV sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp giảng dạy khác nhau. Hình thức tổ chức dạy học chủ yếu là dạy trực tiếp trên lớp học, có thể kết hợp dạy học trực tuyến (khi cần thiết); riêng một số HP được tổ chức dạy ở các lớp học chuyên dụng như: HP đồ án tổ chức dạy ở Hòa thất, các HP Anh Văn, Tin học được tổ chức dạy ở phòng máy, Hội họa được tổ chức dạy ở phòng mỹ thuật, Thực tập tốt nghiệp được tổ chức ở các đơn vị tư vấn thiết kế. Các hình thức tổ chức dạy học của mỗi HP thể hiện cụ thể trong ma trận các hình thức tổ chức dạy học **[H3.03.01.05]**. Đối với các HP lý thuyết, phương pháp giảng dạy chủ yếu sử dụng: Diễn giảng kết hợp với liên hệ thực tế; Đàm thoại/vấn đáp kết hợp thảo luận và báo cáo nhóm; Thuyết trình; Dạy học nêu vấn đề/tình huống/hợp tác/khám phá; Trực quan; Tự học. Đối với các HP thực hành, phương pháp giảng dạy chủ yếu thông qua thực hành và làm bài tập/đồ án. Đặc biệt, NH ngành KT cần đạt được yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp như: Sử dụng được các phần mềm hỗ trợ thiết kế kiến trúc; Làm việc nhóm; Truyền đạt được các vấn đề, ý tưởng, giải pháp thiết kế bằng lời nói, văn bản, tài liệu kỹ thuật; Phân tích, tổng hợp, đánh giá và giải quyết được các vấn đề trong thiết kế kiến trúc; Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ mới phù hợp với điều kiện thực tế của lĩnh vực kiến trúc; Thiết kế kiến trúc; Lập và quản lý dự án kiến trúc, đánh giá, cải thiện hiệu quả các hoạt động trong thực hiện các dự án kiến trúc. Do đó, đa số các HP trong CTDH được thiết kế có tiết thực hành tại lớp và thực tập tại các đơn vị tư vấn thiết kế. Mỗi HP có thể áp dụng nhiều PPDH khác nhau nhằm đạt được các CĐR của CTĐT **[H3.03.01.06(1)]**. Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành KT dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần: Đánh giá quá trình gồm: đánh giá chuyên cần và mức độ tham gia, bài tập, thuyết trình, làm việc nhóm, báo cáo/tiểu luận/bài thu hoạch. Đánh giá kết thúc học phần có thể là thi học phần lý thuyết theo hình thức tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp hoặc thông qua thực hiện đồ án, thực hành, thực tập, tiểu luận... Mỗi HP có thể áp dụng các phương pháp đánh giá khác nhau nhằm đạt được CĐR CTĐT **[H3.03.01.06(2)]**. Phần lớn các HP cơ sở ngành và chuyên ngành KT được đánh giá thông qua thực hiện đồ án/bài tập để phù hợp với yêu cầu đặc thù của ngành KT về khả năng thực hành nghề nghiệp. Các PPDH, PPĐG được áp dụng trong mỗi HP nhằm đạt được CĐR của CTĐT năm 2024 thể hiện trong Ma

trận mối liên kết giữa các HP, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá và các CĐR [H3.03.01.06(3)] cũng như **Bảng 3.1 (Phụ lục 4)**. Ngoài ra, trong ĐCCT các HP có Ma trận liên hệ CĐR học phần với hoạt động dạy - học và kiểm tra đánh giá.

Chương trình dạy học được triển khai thực hiện theo kế hoạch qua các năm và phân bổ GV phụ trách từng HP phù hợp cụ thể theo hồ sơ giảng dạy của GV [H3.03.01.07], [H3.03.01.08]. NH phải thực hiện theo kế hoạch CTDH đối với từng khối kiến thức cụ thể để đạt được các CĐR cần thiết của CTĐT ngành KT. Quá trình xây dựng CTDH có sự tham khảo, đối sánh với các cơ sở đào tạo uy tín trong nước và nước ngoài như ĐH KT Thành phố Hồ Chí Minh, ĐH Xây dựng Miền Trung, ĐH Quốc gia Singapore [H3.03.01.09]. Kết quả đối sánh với CTDH của các trường trong nước và nước ngoài cho thấy: Các phương pháp giảng dạy tương đồng với các chương trình đối sánh là: Thuyết giảng, Đàm thoại/Báo cáo nhóm, Dạy học dựa trên vấn đề/tình huống, Dạy học dựa trên đồ án, Trực quan/Mô hình, Thực hành, Tham quan thực tế, Tự học; Phương pháp kiểm tra đánh giá có sự thống nhất với các chương trình dạy học trong nước là đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần, phù hợp với Quy chế đào tạo trình độ ĐH Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ GD&ĐT, đánh giá kết quả học tập của các CTDH đều dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần.

Hàng năm, Trường, Khoa khảo sát ý kiến phản hồi các BLQ để tổng hợp và phân tích kết quả nhằm đưa ra các định hướng hoàn thiện CTDH ngành KT [H3.03.01.10]. Cụ thể, kết quả khảo sát mức độ hài lòng của SV tốt nghiệp về những nội dung có liên quan đến CTDH trong giai đoạn 2019-2024 thể hiện chi tiết trong **Bảng 3.2 (Phụ lục 4)**, cho thấy NH khá hài lòng về CTDH với mức đánh giá cao nhất là 3,7/4 (năm học 2018-2019 và 2020-2021) và thấp nhất là 3,3/4 (2019-2020).

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học ngành KT được thiết kế với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Mỗi HP trong CTDH đều được xác định rõ mức độ đạt CĐR. Việc xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG kết quả học tập của NH được quy định rõ nhằm hỗ trợ cho việc đạt được CĐR của NH.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các BLQ đối với CTDH chú trọng vào NH, các đối tượng khác chưa được quan tâm nên CTDH chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thực tế tại các DN.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Chương trình dạy học ngành KT được thiết kế với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Khoa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về CTDH thông qua nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; Đồng thời tổ chức các buổi lấy ý kiến đóng góp từ các NTD, chuyên gia và GV để điều chỉnh CTDH một cách hợp lý và logic hơn cho phù hợp với CĐR.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

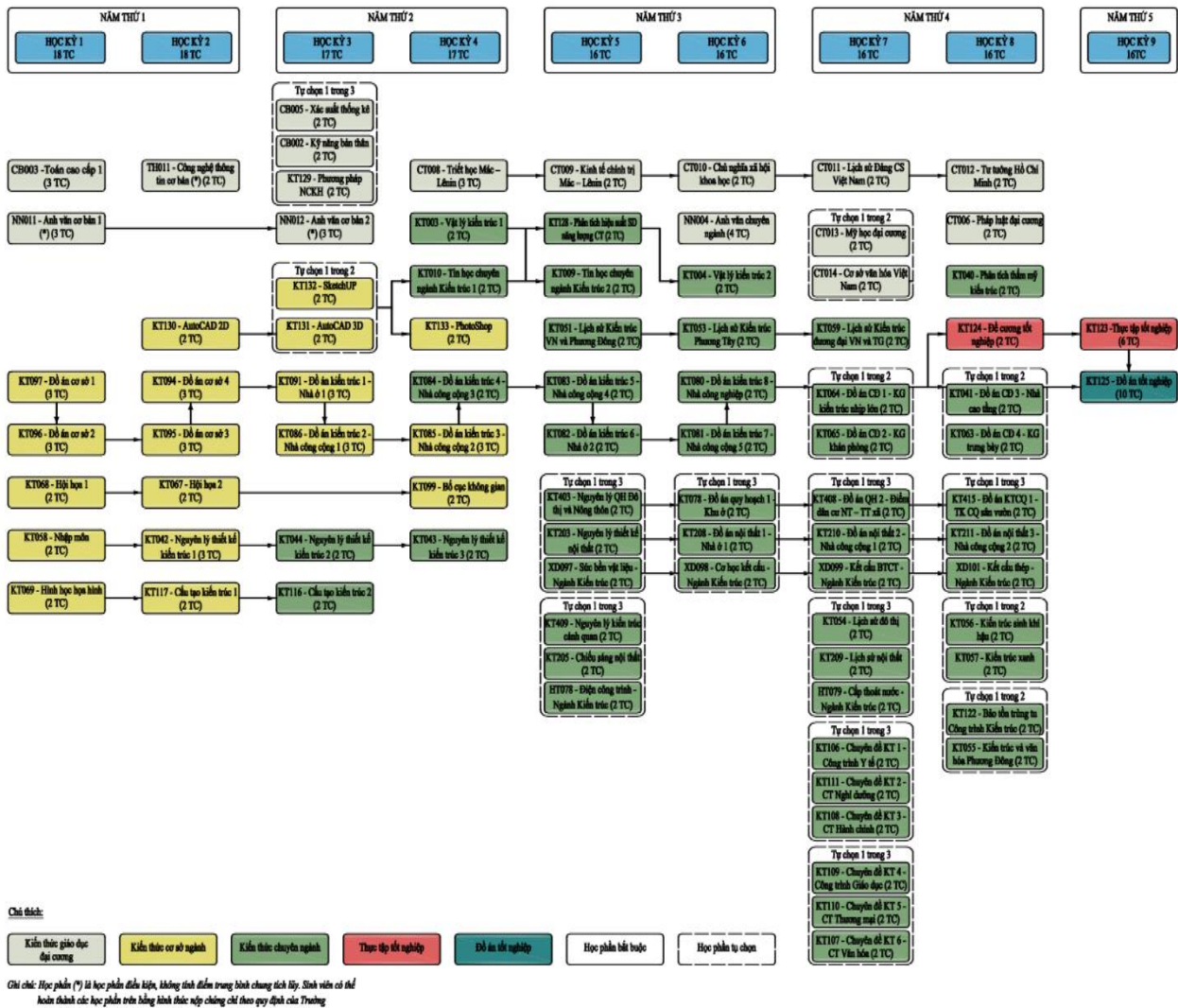
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

Sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR được thể hiện trong CTDH. Trong giai đoạn 2019-2024, CTDH ngành KT được điều chỉnh và ban hành 4 lần vào các năm 2019, 2021, 2023, 2024 theo các quyết định: 345/QĐ-ĐHXDMT ngày 20/9/2019; 641/QĐ-ĐHXDMT ngày 29/12/2021; 357/QĐ-ĐHXDMT ngày 12/7/2023. và 41/QĐ-ĐHXDMT ngày 24/01/2024. Qua các lần điều chỉnh, CTDH năm 2024 thể hiện rõ nhất sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR.

Tất cả HP trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CĐR. Mỗi HP được xây dựng thông qua việc xác định mục tiêu của HP nhằm đạt CĐR được phân nhiệm với trình độ năng lực cụ thể, sau đó xác định CĐR HP để đạt mục tiêu, từ đó mới xây dựng nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy và học tập, cách thức KTĐG nhằm đạt CĐR HP. Mức độ đóng góp của mỗi HP được trình bày trong bản mô tả CTDH, ĐCCT các HP và thể hiện rõ ràng trong ma trận mối quan hệ giữa các HP với CĐR [H3.03.02.01] cũng như ở **Bảng 3.3 (Phụ lục 4)**. Bên cạnh các HP bắt buộc, CTDH có các HP tự chọn giúp NH lựa chọn những HP phù hợp với nguyện vọng, sở trường, cũng như định hướng công việc của bản thân. Các HP tự chọn cũng được xây dựng theo hướng giúp NH đáp ứng những yêu cầu của CĐR, đảm bảo 100% các yêu cầu của kiến thức, kỹ năng, tự chủ tự chịu trách nhiệm và những mục tiêu khác của CĐR.

Tất cả ĐCCT đều có phần mục tiêu và CĐR được thể hiện rõ ràng, cụ thể nội dung cần đạt được khi kết thúc HP về mặt kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của SV. Đối với các HP có mối liên hệ với nhau về nội dung đều được xác định rõ HP tiên quyết. Các HP được sắp xếp theo trình tự logic và khoa học, đảm bảo tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu nhằm đáp ứng được CĐR, cụ thể được mô tả như sau:



Hình 3.2.1. Sơ đồ tiến trình đào tạo Ngành KT

Trong sơ đồ tiến trình đào tạo này (áp dụng từ khóa 2024), các HP được sắp xếp theo trình tự: các HP cơ sở ngành được bố trí từ học kỳ 1 đến học kỳ 4, các HP chuyên ngành bố trí xen kẽ với HP cơ sở ngành trong học kỳ 3, học kỳ 4 và bố trí tập trung từ học kỳ 5 đến học kỳ 8, các HP đại cương được bố trí dần trải từ học kỳ 1 đến học kỳ 8, HP thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp được bố trí sau cùng ở học kỳ 9.

Tất cả HP trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt CĐR. Điều này được thể hiện cụ thể trong ma trận “Mối liên hệ giữa các hình thức tổ chức dạy học để đạt được CĐR”; ma trận “Mối liên hệ giữa PP dạy học để đạt CĐR” và ma trận “Mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá để đạt CĐR” [H3.03.02.02], [H3.03.02.03] và được thể hiện chi tiết ở **Bảng 3.3 (Phụ lục 4)**. Việc xây dựng ĐCCT các HP luôn đảm bảo đề cương có mục tiêu và CĐR rõ ràng, tương ứng với CĐR nào của CTĐT; mỗi bài học đáp ứng CĐR nào của HP. Các phương pháp giảng dạy phù hợp với từng HP được quy định rõ trong ĐCCT của từng HP. Ngoài ra, để đảm bảo việc đạt CĐR trong mỗi HP,

bên cạnh đánh giá kết thúc HP (điểm thi kết thúc HP, đồ án/bài tập lớn, tiểu luận...), kết quả đánh giá NH còn được thể hiện qua điểm quá trình (điểm chuyên cần, bài tập, thuyết trình, làm việc nhóm ...) của các HP. Phần lớn HP cơ sở ngành và chuyên ngành KT, điểm quá trình được GV đánh giá thông qua hệ thống bài tập thường xuyên của mỗi buổi học đảm bảo chính xác và công bằng cho NH. Đánh giá kết thúc HP được thực hiện bằng các hình thức thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp hoặc thực hiện đồ án, bài tập lớn... và được Khoa quy định trước, GV phải thông báo cho NH ngay buổi học đầu tiên. Trong từng phương pháp đánh giá, GV phải ghi rõ đáp ứng với CĐR nào của HP và có đáp án rõ ràng thông qua Rubric đánh giá điểm học phần được công bố trong ĐCCT **[H3.03.02.04]**. Mỗi học kỳ Khoa tổ chức họp mặt toàn thể GV tham gia giảng dạy để triển khai kế hoạch giảng dạy và thống nhất nội dung giảng dạy, hình thức thi của mỗi HP **[H3.03.02.05]**. Trong lần điều chỉnh CTDH năm 2024, toàn thể GV KKT được tập huấn, hướng dẫn về việc xây dựng PP dạy học và PP kiểm tra đánh giá phù hợp CĐR, nhờ đó khi biên soạn ĐCCT các HP năm 2024, GV xác định được phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp CĐR ngành KT. Sau đó, Khoa đã triển khai xây dựng CTDH theo hướng phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp CĐR **[H3.03.02.06(1-2)]**.

Nội dung các HP trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Từ năm 2019, ĐCCT các HP thể hiện rõ mối quan hệ giữa nội dung HP và CĐR của HP trong mục Nội dung chi tiết học phần. Hằng năm, Nhà trường, Khoa KT khảo sát lấy ý kiến các BLQ về hoạt động giảng dạy, đánh giá tính phù hợp của học phần, phương pháp KTĐG kết quả học tập **[H3.03.02.07]**, **[H3.03.02.08]**. Qua đó, Khoa tiến hành cập nhật, điều chỉnh nội dung CTDH, đáp ứng CĐR ngày càng phù hợp với nhu cầu xã hội. Trong lần điều chỉnh CTDH năm 2021, trên cơ sở ý kiến khảo sát cựu NH và NTD về việc cần đào tạo thêm phần mềm hỗ trợ thiết kế KT, Khoa bổ sung các HP về phần mềm hỗ trợ thiết kế như: Sketchup, 3Dsmx vào CTDH từ năm 2021 trở đi và trên cơ sở nhu cầu đào tạo thêm về kiến trúc nội thất, đồ họa, cảnh quan, Khoa đã bổ sung các HP tự chọn theo định hướng chuyên ngành. Sau khi được hội đồng KH&ĐT của Trường nghiệm thu **[H3.03.02.09]**, CTDH công bố rộng rãi đến các BLQ thông qua tài liệu tuyển sinh, tài liệu sinh hoạt công dân đầu khóa, website của trường, khoa **[H3.03.02.10]**, **[H3.03.02.11]**.

2. Điểm mạnh:

Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR là rõ ràng. 100% các HP có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CĐR. ĐCCT của mỗi HP trong khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa hoạt động dạy, học và phương pháp KTĐG để đạt được CĐR.

Các HP trong CTDH ngành KT được xây dựng và điều chỉnh dựa trên việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập thông tin, ý kiến của NTD, cựu NH, NH phục vụ cho công tác xây dựng CDR của CTĐT và CDR của các HP còn hạn chế, chủ yếu là các ý kiến đóng góp về cấu trúc CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Khoa KT tiếp tục thể hiện rõ hơn nữa những đóng góp của từng HP nhằm đáp ứng CDR của CTDH.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường, KKT thay đổi cách thức và phương pháp trong việc thu thập thông tin, ý kiến đóng góp của NTD, cựu NH, NH năm cuối để phục vụ tốt hơn cho việc xây dựng và cập nhật CDR của CTĐT và HP, kịp thời đáp ứng các yêu cầu của xã hội.

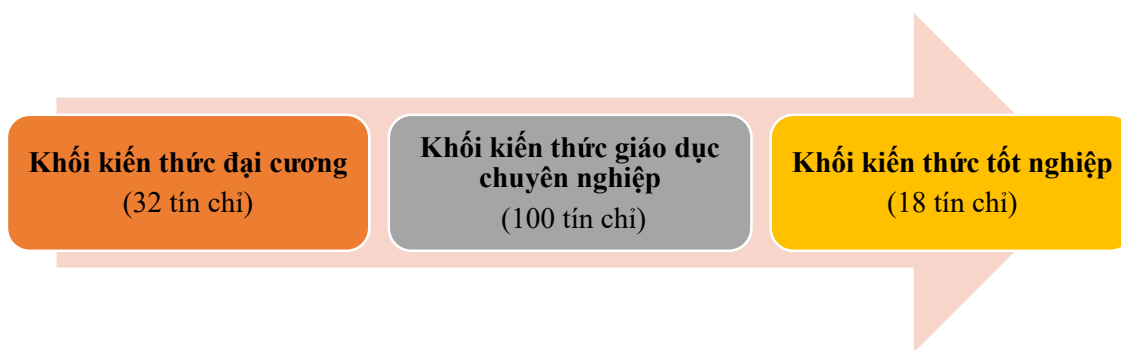
5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các HP trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Qua đó, cấu trúc CTDH ngành KT được thiết kế cân đối với sự phân bổ phù hợp giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành để NH được trang bị đầy đủ những kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho công việc trong lĩnh vực KT **[H3.03.03.01]**.

Chương trình dạy học ngành KT được xây dựng phân bổ trên các khối kiến thức: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và HP tốt nghiệp và gắn kết chặt chẽ với nhau: Kiến thức đại cương 32 tín chỉ (Tỉ lệ: 21,3 %); Kiến thức chuyên nghiệp 100 tín chỉ (Tỉ lệ: 66,7 %) gồm Kiến thức cơ sở ngành 42 tín chỉ (Tỉ lệ: 28,0 %), Kiến thức chuyên ngành 58 tín chỉ (Tỉ lệ: 38,7 %); Tốt nghiệp 18 tín chỉ (Tỉ lệ: 12,0 %) gồm Thực tập tốt nghiệp 08 tín chỉ (Tỉ lệ: 5,3 %) và Đồ án tốt nghiệp 10 tín chỉ (Tỉ lệ: 6,7 %). Tỷ lệ các khối kiến thức, số TC bắt buộc và tự chọn, số giờ lý thuyết và thực hành trong CTDH ngành Kiến trúc hiện nay được thể hiện chi tiết ở **Bảng 3.4 (Phụ lục 4)**.



Hình 3.3.1. Mối liên kết giữa các khối kiến thức

Tất cả (100%) các HP trong CTDH được bố trí hợp lý. Quá trình xây dựng CTDH được thực hiện theo quy định của Trường và của Khoa nhằm đảm bảo tính hợp lý và minh bạch **[H3.03.03.02]**. Nhằm đảm bảo NH tiếp thu kiến thức theo trình tự nhất định, các HP được sắp xếp logic, có quy định cụ thể về HP tiên quyết nhằm phù hợp với khả năng tiếp thu và tích lũy kiến thức của NH trong suốt thời gian đào tạo là 4 năm (CTDH năm 2019) hoặc 4,5 năm (CTDH năm 2021, 2023, 2024) và có dự kiến GV phụ trách HP, thể hiện trong kế hoạch thực hiện CTDH qua các năm **[H3.03.03.03]**. Theo lộ trình dạy học, trong năm học đầu tiên, NH phải có kiến thức cơ bản nhất định như kiến thức đại cương, cơ sở ngành. Những năm học tiếp theo, NH có thể tích lũy dần các kiến thức chuyên ngành KT. Đồng thời, NH cũng được rèn luyện dần kỹ năng thiết kế thông qua các HP đồ án có quy mô từ đơn giản đến phức tạp. Năm học cuối cùng là thời gian để NH thực tập tại các đơn vị tư vấn thiết kế KT và thực hiện đồ án tốt nghiệp. NH có thể rút ngắn lộ trình học tập nhưng phải đảm bảo thực hiện đúng thời lượng của từng HP và yêu cầu tiên quyết hoặc môn học trước. Thông qua đó, kết quả đánh giá NH được phản ánh trung thực và thể hiện được năng lực nghề nghiệp của NH qua quá trình tích lũy kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các công việc về lĩnh vực KT trong tương lai. CTDH từ năm 2021 có 150 tín chỉ, được chia thành 9 học kỳ, thực hiện theo trình tự từ cơ bản đến phát triển nâng cao kiến thức và kỹ năng cho NH. Các HP được bố trí theo trình tự từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành và tiếp theo là kiến thức chuyên ngành. Các HP ở học kỳ trước là nền tảng cho các HP ở học kỳ tiếp theo **[H3.03.03.04]**.

Các HP thuộc khối kiến thức đại cương được giảng dạy từ học kỳ 1 đến học kỳ 8 và được phân bổ rải rác trong các học kỳ này để tránh sự nhàm chán cho NH. Các HP cơ sở ngành được bố trí ở 3 học kỳ đầu (từ học kỳ 1 đến học kỳ 3) để thiết lập nền tảng kiến thức cho NH, ví dụ: như HP Nhập môn ngành KT được giảng dạy ngay học kỳ đầu tiên của CTĐT. Các HP cơ sở ngành như các đồ án cơ sở 1, 2, 3, 4 và các đồ án KT 1, 2, 3 được bố trí theo trình tự trong ba học kỳ đầu. Từ học kỳ 4 đến học kỳ 8, NH tập trung học các HP chuyên ngành để rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết. NH thực tập tại các đơn vị tư vấn thiết kế và làm đồ án tốt nghiệp vào học kỳ cuối

[H3.03.03.05]. Qua đó, NH có thể tích lũy được kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để đáp ứng được CDR theo mức độ đóng góp của các HP **[H3.03.03.06].**

Đặc biệt, CTDH được rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm/1 lần. Để tạo điều kiện cho các BLQ có thể tiếp cận CTDH thuận tiện, CTDH ngành KT được công bố thông qua các tài liệu quảng bá như tài liệu tuyển sinh, tài liệu sinh hoạt NH đầu khóa và trên trang thông tin điện tử của Khoa, Trường **[H3.03.03.07], [H3.03.03.08]**. Dựa trên kết quả phản hồi các BLQ như NH, GV và NTD **[H3.03.03.09]**, CTDH được điều chỉnh để phù hợp với những biến đổi về KT-XH và nhu cầu của thị trường lao động. Từ năm 2019 đến nay, CTDH ngành KT đã trải qua những lần thay đổi vào năm 2019, 2021 và 2024 được Hội đồng KH&ĐT phê duyệt để triển khai chính thức **[H3.03.03.10], [H3.03.03.11].**

Chương trình dạy học khi được điều chỉnh có tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện CTDH, KKT phân tích, đối sánh với CTDH của một số CSGD uy tín khác trong nước như ĐH KT Thành phố Hồ Chí Minh, ĐH Xây dựng Miền Trung **[H3.03.03.12]**. Điều này giúp đảm bảo CTDH ngành KT Trường ĐHXDMT phù hợp với trình độ chung của nguồn nhân lực ngành KT ở Việt Nam hiện nay. Kết quả đối sánh năm 2024 cho thấy: Các phương pháp giảng dạy tương đồng là: Thuyết giảng, Đàm thoại/Báo cáo nhóm, Dạy học dựa trên vấn đề/tình huống, Dạy học dựa trên đồ án, Trực quan/Mô hình, Thực hành, Tham quan thực tế, Tự học; Phương pháp kiểm tra đánh giá có sự thống nhất là đối với mỗi học phần, SV được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần (phù hợp với Quy chế đào tạo trình độ ĐH Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ GD&ĐT), đánh giá kết quả học tập của các CTDH đều dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần; Thời lượng thực hiện CTĐT: 4-5 năm; Tổng số tín chỉ là 150 TC (tổng số TC của các chương trình đối sánh là 153 TC, 159 TC, 160 TC), phù hợp với Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 có quy định tại Điểm b) Khoản 2 Điều 7 về khối lượng học tập đối với CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 là 150 TC; Tổng số học phần tương đồng với ĐH KT Thành phố Hồ Chí Minh là 65 HP (75%), ĐH Xây dựng Miền Trung là 60 HP (70%), các học phần tương đồng chủ yếu là các HP đại cương, các HP về nguyên lý thiết kế KT, lịch sử KT, tin học chuyên ngành và các học phần đồ án KT.

Đồng thời, CTDH có thiết kế các HP tự chọn để đảm bảo tính linh hoạt của quá trình dạy học. Theo đó, NH có thể lựa chọn các HP phù hợp với năng lực cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp theo các chuyên ngành như: KT, Nội thất, Cảnh quan. Ngoài ra, ở học kỳ cuối của CTDH, NH có thể lựa chọn thể loại công trình để

làm đồ án tốt nghiệp như: nhà ở, công cộng, công nghiệp. Các thể loại công trình của đồ án tốt nghiệp được lựa chọn tùy thuộc vào định hướng nghề nghiệp trong tương lai của NH. Tỷ lệ các HP tự chọn được thiết kế cân đối trong tổng số tín chỉ của CTDH (chiếm 20%). Nhờ vậy, NH có thể đáp ứng yêu cầu của từng vị trí công việc khác nhau.

2. Điểm mạnh:

Các HP trong CTDH ngành KT được thiết kế có 3 khối kiến thức: khối kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp (cơ sở ngành và chuyên ngành) và tốt nghiệp, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch tạo thành một khối thống nhất.

Chương trình dạy học được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước.

3. Điểm tồn tại:

Việc sử dụng ý kiến của các BLQ trong cập nhật CTDH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Phát huy điểm mạnh:

Khoa và Bộ môn KT tăng cường công tác tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho GV và cải tiến phương pháp dạy và học.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa tổ chức hội thảo, tọa đàm hoặc các hình thức thăm dò khác để thu thập ý kiến NTD và các BLQ về CTDH.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về tiêu chuẩn 3:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường ĐHXDMT, KKT đã chú trọng xây dựng CTDH một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời trong quá trình rà soát điều chỉnh có sự tham khảo CTDH của các trường ĐH có uy tín trong nước và khảo sát các bên có liên quan nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xã hội. Ngành KT được tổ chức đào tạo theo tín chỉ và có mục tiêu rõ ràng, CTDH có cấu trúc logic và chặt chẽ. Chương trình sau khi xây dựng đã được rà soát điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra là đáp ứng nhu cầu của xã hội do có sự đóng góp của các chuyên gia, nhà quản lý và DN sử dụng NH của Trường sau khi tốt nghiệp.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Việc thu thập thông tin, ý kiến của NTD, cựu NH, NH phục vụ cho công tác xây dựng CDR của CTĐT và CDR của các HP còn hạn chế, chủ yếu là các ý kiến đóng góp về cấu trúc CTĐT. KKT chưa tổ chức đánh giá một cách khoa học về sự tương thích giữa nội dung và sự đóng góp chi tiết của từng HP để đạt CDR của CTĐT. Việc sử dụng ý kiến của các BLQ trong cập nhật CTDH còn hạn chế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 3:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,67 điểm. Số tiêu chí đạt: 3/3. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Trong đào tạo ĐH, phương pháp tiếp cận dạy và học có vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục hay TLGD là học tập chủ động, làm việc sáng tạo. Việc lựa chọn phương pháp tiếp cận đúng sẽ giúp cơ sở đào tạo xây dựng và thực hiện CTĐT, với các tiêu chí dạy và học phù hợp với triết lý hoặc mục tiêu giáo dục, KKT, cũng như nhiều khoa khác trong Trường chọn cách tiếp cận lấy NH làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các PPDH đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho NH. Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các HP kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở ngành là môn tiên quyết cho những môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến CĐR. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CĐR của chương trình cần được mỗi GV và NH hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình, đồng thời thể hiện sự chủ động, làm việc sáng tạo theo TLGD.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa có văn bản tuyên bố chính thức về TLGD. TLGD của Trường ĐHXĐMT là “Môi trường thân thiện - Tri thức khoa học - Ứng dụng thực tế” được Hiệu trưởng ký tuyên bố chính thức bằng Quyết định số 329/QĐ-ĐHXĐMT ngày 06/7/2021. Trường ĐHXĐMT xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, giúp nâng cao tri thức khoa học, ứng dụng vào thực tế, góp phần xây dựng và phát triển đất nước **[H4.04.01.01(1)]**. Khoa thống nhất sử dụng TLGD này và chuyển tải thành TLGD của Khoa đối với các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu, được Trường khoa ký ban hành ngày 15/7/2021, với nội dung như sau **[H4.04.01.01(2)]**: “Tạo môi trường học tập thân thiện cho NH, khuyến khích NH phát huy tính chủ động, sáng tạo trong học tập. Bảo đảm CTĐT luôn được cập nhật thường xuyên để bắt kịp với xu thế ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực KT, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Chú trọng xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với DN hoạt động trong lĩnh vực KT, tạo môi trường để các DN tham gia vào quá trình đào tạo giúp SV khi ra trường được trang bị đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, thái độ làm việc trong môi trường lao động chuyên nghiệp”.

TLGD được tất cả cán bộ, GV, NH của Trường và Khoa hiểu rõ và thực hiện. Nhà

trường đã triển khai Kế hoạch số 191/KH-ĐHXDMT ngày 10/7/2021 về phổ biến Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi và TLGD, giúp cho toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động, SV, HV, nhà sử dụng lao động, các tổ chức xã hội nghề nghiệp,... hiểu được Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi và TLGD của Trường **[H4.04.01.02(1)]**. TLGD của Trường được toàn thể CB, viên chức, NLĐ tham gia thảo luận, thống nhất. Từ đó, GV của KKT đã họp thảo luận để cụ thể hóa dựa trên TLGD của Nhà trường. Vì vậy, GV của Khoa hiểu rõ, chuyển tải trực tiếp TLGD vào các hoạt động dạy và học. GV luôn chú trọng tạo môi trường học tập thân thiện và khuyến khích NH phát huy tính chủ động, sáng tạo trong học tập cũng như tích cực tham gia các hoạt động NCKH, các cuộc thi sáng tạo dành cho SV ngành KT như: Giải thưởng Loa Thành dành cho đồ án tốt nghiệp xuất sắc, Giải thưởng khoa học Euréka dành cho SV, Giải thưởng công trình xanh Insee Prize, Giải thưởng KT xanh Spec Go Green.... Ngoài ra, KKT chú trọng xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với DN hoạt động trong lĩnh vực KT. Hằng năm, KKT liên hệ với các DN tổ chức chương trình thực tập cho SV ngành KT tại DN, kết thúc chương trình thực tập SV thực hiện tiểu luận thu hoạch và DN có phiếu nhận xét về SV cũng như góp ý để Khoa cập nhật CTĐT. Khoa thường xuyên phối hợp với DN tổ chức các hoạt động thực tiễn cho NH như: tham quan thực tế môi trường làm việc của các DN, tổ chức sinh hoạt chuyên đề có sự tham gia của DN. Nhờ đó, SV khi ra trường đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, thái độ làm việc trong môi trường lao động chuyên nghiệp. Cụ thể trong năm học 2023 - 2024, Khoa đã tổ chức 08 buổi sinh hoạt chuyên đề phối cảnh CG (Computer graphic) chủ đề “Mang không gian từ tương lai đến hiện tại” do các chuyên gia đến từ công ty ACSĐ phụ trách và tổ chức 01 chuyến tham quan văn phòng công ty MiTek **[H4.04.01.02(2-5)]**.

Triết lý giáo dục của Trường và Khoa được phổ biến tới các BLQ với nhiều hình thức khác nhau. TLGD của Nhà trường được treo tại các sảnh, phòng họp trong Trường, Văn phòng khoa để phổ biến đến GV, NV, NH, DN, khách đến thăm và làm việc với Trường. SV còn được phổ biến TLGD thông qua tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa. GV thường xuyên được phổ biến để chuyển tải TLGD vào trong hoạt động dạy và học tại các buổi họp chuyên môn **[H4.04.01.02(2-5)]**. TLGD của Trường được đăng tải trên website Trường, TLGD của Khoa được đăng tải trên website của Khoa **[H4.04.01.03]**.

Nhà trường đã khảo sát các BLQ gồm CB, VC và NLĐ về việc hiểu biết và thực hiện các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH phù hợp với TLGD của Trường. Kết quả khảo sát năm 2023 cho thấy: 89,8% CB, VC và NLĐ hiểu rõ về Tầm nhìn sứ mạng, Giá trị cốt lõi và TLGD của Trường; 96,7% CB, VC và NLĐ hài lòng về TLGD của Trường; 92,2% NH hiểu rõ về Tầm nhìn sứ mạng, Giá trị cốt lõi và TLGD của Trường; 92,2% NH hài lòng về TLGD của Trường **[H4.04.01.04]**.

2. Điểm mạnh:

Triết lý giáo dục của Nhà trường được thảo luận, thống nhất, phù hợp và đặc trưng với môi trường, GV, NH, được công bố công khai đến các BLQ bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại:

Triết lý giáo dục cần có nhiều thời gian hơn để hiểu và chuyển tải đồng bộ đối với các BLQ. Trong đó, mức độ hiểu và áp dụng TLGD của các BLQ là chưa đồng đều (gồm GV, NH, NTD), mức độ hiểu TLGD của NTD trên thực tế chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động:

Phát huy điểm mạnh:

Trường, Khoa tiếp tục thực hiện đúng những nội dung đã tuyên bố với NH và tăng cường tổ chức hội thảo, tọa đàm, báo cáo chuyên đề để tiếp nhận ý kiến của nhà khoa học, chuyên gia, NTD, cựu SV, GV về TLGD.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa tiếp tục phổ biến TLGD đến các BLQ đặc biệt là NTD, thông qua các buổi gặp gỡ, trao đổi trực tiếp để NTD hiểu rõ hơn TLGD của Trường và Khoa. Nhà trường và Khoa thường xuyên khảo sát ý kiến phản hồi của NTD, DN, NH trong việc xây dựng và hoàn thiện TLGD của Trường và Khoa.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa KT và GV xây dựng hoạt động dạy học/PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR. Đối với CTĐT ngành KT, là ngành đặc thù về thiết kế, Khoa đã chỉ đạo, hướng dẫn và có nhiều thảo luận với Bộ môn, GV để xây dựng hoạt động dạy học/PPGD đa dạng, phù hợp bám sát mục tiêu, TLGD của Trường, Khoa để đạt CĐR. Trong quá trình giảng dạy, GV lựa chọn hoạt động giảng dạy và học tập thích hợp với đặc thù của từng HP, hướng dẫn NH sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Đa số các HP là những HP thuộc dạng Lý thuyết – Thực hành, giúp NH vừa học kiến thức vừa rèn luyện kỹ năng thực hành thiết kế kiến trúc. GV rèn luyện kỹ năng thực hành thiết kế cho NH thông qua các bài tập, dự án thực tế, thực hành, thực tập tại các DN [H4.04.02.01].

PPDH được mô tả rõ ràng trong ĐCCT HP các năm 2019 - 2024, với mỗi ĐCCT HP thể hiện rõ số giờ tín chỉ đối với lý thuyết, thực hành và tự học phù hợp với điều kiện thực tế của Trường, Khoa và được công bố công khai cho NH trên cổng thông tin trực tuyến. Ngoài ra, Trường/Khoa tổ chức giảng dạy trực tuyến để đáp ứng nhu cầu học

tập trong thời gian dịch Covid bùng phát và tổ chức giảng dạy trực tuyến một số HP cho các lớp hệ vừa học vừa làm thông qua Google Classroom **[H4.04.02.02]**.

Khoa KT và GV hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR. Trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, KKT giới thiệu về ngành đào tạo và phương pháp học ĐH cho NH, đồng thời phân công GV có kinh nghiệm phụ trách công tác CVHT các lớp. CVHT có nhiệm vụ tư vấn, hướng dẫn cho SV phương pháp học tập ĐH, lập kế hoạch học tập cho toàn khóa và từng học kỳ, giải quyết các vấn đề khó khăn trong học tập của NH và làm cầu nối giữa NH với Khoa và Trường. Vào buổi học đầu tiên của mỗi HP, GV giới thiệu nội dung, chương trình, HP, các phương pháp học tập, tài liệu bắt buộc để NH tự xây dựng kế hoạch học tập phù hợp nhằm đạt CDR **[H4.04.02.03(1-3)]**. Với phương pháp học tập chủ động hiện nay, GV đóng vai trò là người hướng dẫn NH tìm kiếm tài liệu và nghiên cứu, hướng dẫn NH thảo luận, tự nghiên cứu viết tiểu luận, hướng dẫn thực hành... còn chủ yếu dựa vào khả năng tự tiếp thu, tự nghiên cứu và xử lý kiến thức của NH. Tùy theo đặc thù của mỗi HP, GV triển khai các hoạt động dạy và học, các PPDH phù hợp để đạt được CDR, được thể hiện trong “Ma trận mối liên kết giữa các HP, phương pháp dạy và học, và các CDR của CTĐT ngành KT” **[H4.04.02.03(4)]**. Cụ thể: Đối với HP lý thuyết, GV tổ chức cho NH thuyết trình, thảo luận, giải quyết vấn đề... qua đó NH tự tiếp thu và lĩnh hội kiến thức của bài học; Đối với các HP thực hành, GV hướng dẫn cho NH làm đồ án, bài tập cá nhân, bài tập nhóm,... để rèn luyện các kỹ năng cần thiết; Đối với các HP chuyên đề, GV yêu cầu NH tham quan công trình thực tế, để từ đó phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp thiết kế phù hợp; Học phần thực tập tốt nghiệp được tổ chức ở các công ty, đơn vị tư vấn thiết kế và NH tự lựa chọn nơi thực tập phù hợp với định hướng nghề nghiệp; Học phần Đồ án tốt nghiệp yêu cầu NH phải tổng hợp kiến thức và kỹ năng đã được học để giải quyết một vấn đề cụ thể, có hệ thống và gắn liền với thực tế, từ đó giúp nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp một cách toàn diện cho NH. GV đã tích cực ứng dụng CNTT để soạn bài điện tử, soạn bài giảng Online để hướng dẫn NH thông qua hệ thống thông tin của Nhà trường. Đặc biệt, trong tình hình dịch bệnh Covid năm 2020-2021, KKT chủ động hướng dẫn GV và NH sử dụng Google Meet dạy và học trực tuyến, nhờ đó hoạt động dạy và học vẫn tiếp tục, không gián đoạn.

Việc thay đổi PPDH cũng gặp nhiều khó khăn, GV cần nghiên cứu nhiều hơn, xây dựng bài giảng linh hoạt hơn. Trong các cuộc họp giao ban, Hiệu trưởng thường xuyên chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NH học tập, nghiên cứu một cách hiệu quả; yêu cầu các Khoa, Bộ môn chú trọng đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Trường xác định

đổi mới phương pháp dạy và học là một trong những khâu đột phá nâng cao chất lượng đào tạo. Trường, Khoa đã tổ chức những hội nghị tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy với sự tham gia của lãnh đạo các bộ môn, khoa, các GV, nhân viên phòng ban trong toàn trường **[H4.04.02.04]**. Về đổi mới phương pháp dạy và học theo hình thức trực tuyến, Trường đã tổ chức lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ giảng dạy trực tuyến theo Kế hoạch số 87/KH-ĐHXDMT ngày 07/4/2021 nhằm đáp ứng nhu cầu dạy trực tuyến trong tình hình dịch Covid; Khoa đã tổ chức những buổi báo cáo chuyên đề về đổi mới phương pháp giảng dạy trực tuyến như: Thay đổi phương pháp dạy và học chuyên đề KT công trình - nghỉ dưỡng, Thiết kế và sử dụng Rubric trong đánh giá học tập, Tạo và sử dụng Rubric trong Google Classroom, Sử dụng Google Meet trong dạy trực tuyến. Gần đây, Trường ban hành Quyết định số 708/QĐ-ĐHXDMT ngày 07/12/2023 cử GV tham gia chuyển đổi số và xây dựng bài giảng điện tử đặc biệt theo phương thức trực tuyến.

GV và NH hài lòng với các hoạt động dạy và học/PPDH được sử dụng trong CTĐT. Việc lấy ý kiến của NH về hoạt động giảng dạy của GV được Khoa tiến hành thường xuyên và định kỳ với nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy, trong đó có phần khảo sát NH về hoạt động dạy học/các PPDH được sử dụng trong CTĐT. Phiếu khảo sát bao gồm 10 tiêu chí: Nội dung học phần; Khả năng tích lũy kiến thức và kỹ năng của SV; Phương pháp giảng dạy; Khuyến khích SV khai thác các nguồn tri thức; Sử dụng các phương tiện hỗ trợ dạy – học; Sử dụng thời gian trên lớp; Hướng dẫn, giải đáp thỏa đáng những thắc mắc liên quan đến học phần; Khuyến khích SV phát biểu hoặc đặt câu hỏi trong giờ học; Nhận xét/góp ý về bài tập lớn và đồ án và đánh giá quá trình học tập của SV; Thái độ, ứng xử và tạo môi trường học tập tích cực cho SV **[H4.04.02.05]**. Kết quả khảo sát ý kiến NH ngành KT về hoạt động giảng dạy của GV năm 2022-2023, được tổng hợp ở **Bảng 4.2 (Phụ lục 4)** cho thấy 96,8% NH hài lòng về hoạt động dạy và học.

GV và NH được sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập như các phòng học đều có các trang thiết bị phục vụ giảng dạy như: Tivi, projector, quạt điện, đèn chiếu sáng; các phòng máy tính, phòng mỹ thuật, họa thất được trang bị các thiết bị, máy móc phù hợp để phục vụ quá trình thực tập, thực hành; hệ thống Wifi phủ khắp khuôn viên trường. GV và NH được đăng ký tài khoản để tham khảo tài liệu điện tử từ thư viện của trường. GV còn được hỗ trợ đăng ký tài khoản xem tài liệu điện tử từ nhà xuất bản Xây dựng, nhờ đó GV có sự cập nhật các kiến thức chuyên môn để phục vụ tốt hơn cho công tác giảng dạy. Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV và SV ngành Kiến trúc năm 2023 được thể hiện ở **Bảng 4.2 (Phụ lục 4)** cho thấy 98,2% GV và 90,1% SV hài lòng về cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập. Ngoài ra, việc lấy ý kiến GV về các hoạt động dạy và học, các phương pháp đánh

giá kết quả học tập đã áp dụng thực hiện thông qua các buổi họp Bộ môn **[H4.04.02.06]**.

2. Điểm mạnh:

Giảng viên của Khoa lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm đạt CDR của HP.

3. Điểm tồn tại:

Việc kết hợp ứng dụng CNTT trong việc thực hiện các PPDH chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ do mỗi phương pháp dạy học có đặc thù khác nhau.

4. Kế hoạch hành động:

Phát huy điểm mạnh:

Khoa tăng cường tạo môi trường chia sẻ tri thức giữa các GV trong và ngoài khoa, ngoài trường thông qua các hội thảo chuyên đề của khoa và kết nối với các khoa của các trường ĐH uy tín khác và mời các chuyên gia, DN tham gia giảng dạy, đánh giá kết quả học tập, khóa luận SV.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa phối hợp với các đơn vị tổ chức các buổi tập huấn với nội dung tập trung vào việc ứng dụng CNTT trong việc thực hiện các PPDH.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập của NH, Trường và Khoa đã tiến hành đổi mới phương pháp dạy và học. NH trở thành trung tâm, chuyển từ trạng thái bị động tiếp thu sang học tập chủ động. Trường yêu cầu GV từng bước thay đổi phương pháp giảng dạy, tăng cường yêu cầu NH tự học, nghiên cứu trước khi đến lớp, GV đóng vai trò hướng dẫn, giải đáp, điều này thể hiện trong đề cương từng HP. GV phải sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời **[H4.04.03.01(1-2)]**.

100% ĐCCT HP mô tả rõ việc sử dụng các PPGD/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho NH. Trong ĐCCT HP của CTĐT ngành KT được ban hành vào các năm 2019, 2021, 2023, 2024 theo Quyết định số 345/QĐ-ĐHDMT ngày 20/9/2019, 641/QĐ-ĐHDMT ngày 29/12/2021, 357/QĐ-ĐHDMT ngày 12/7/2023 và 41/QĐ-ĐHXDMT ngày 24 /01/2024 đều có mô tả rõ việc sử dụng các PPGD và học tập như: 1. Diễn giảng kết hợp với liên hệ thực tế; 2. Đàm thoại/vấn đáp kết hợp thảo luận và báo cáo nhóm; 3.Thuyết trình; 4.Dạy học nêu vấn đề/tình huống/hợp tác/khám phá; 5. Trực quan; 6. Thực hành/Thực hành thí nghiệm; 7. Bài tập cá nhân/Đồ án; 8. Tự học; 9. Tổ chức hoạt động/Trò chơi, đóng vai; 10. Trải

nghiệm/tham quan và báo cáo thực tế. Việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các PPGD/học tập giúp thúc đẩy việc rèn luyện cho NH các kỹ năng thiết yếu cho nghề nghiệp gồm: Thiết kế kiến trúc; Lập và quản lý dự án kiến trúc, đánh giá, cải thiện hiệu quả các hoạt động trong thực hiện các dự án kiến trúc và rèn luyện các kỹ năng mềm hỗ trợ công việc thiết kế kiến trúc gồm: Sử dụng các phần mềm hỗ trợ thiết kế kiến trúc; Làm việc nhóm; Truyền đạt được các vấn đề, ý tưởng, giải pháp thiết kế bằng lời nói, văn bản, tài liệu kỹ thuật; Phân tích, tổng hợp, đánh giá và giải quyết được các vấn đề trong thiết kế kiến trúc; Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ mới phù hợp với điều kiện thực tế của lĩnh vực kiến trúc, hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời để NH đạt được CDR của HP và CDR của CTĐT **[H4.04.03.01(3)]**.

100% ĐCCT các HP mô tả đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Mỗi HP trong ĐCCT của CTĐT ngành KT đều quy định cụ thể nội dung tự học, tự nghiên cứu cho NH và có kiểm tra, đánh giá nội dung tự học, tự nghiên cứu theo quy định; xác định các nội dung giảng dạy trên lớp, các nội dung giao về nhà cho NH tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH **[H4.04.03.01(3)]**. Cụ thể, ĐCCT HP năm 2024 có hướng dẫn NH tự học, được mô tả ở mục 15. Ở mục này, GV cung cấp thông tin về thời gian tự học, nội dung tự học, nội dung cần đọc và nghiên cứu trước, bài tập cần làm...Ngoài ra, hầu như tất cả HP cơ sở ngành và chuyên ngành đều yêu cầu NH làm bài tập nhóm hoặc bài tập các nhân, được đánh giá theo kế hoạch thể hiện ở mục 13 của ĐCCT, kèm theo Rubric đánh giá giúp NH chủ động trong việc tự học. Trong CTDH ngành KT, các HP đề án là HP cốt lõi để phát triển kỹ năng thực hành nghề nghiệp kiến trúc nên hoạt động tự học, tự nghiên cứu của NH rất được chú trọng. ĐCCT HP đề án mô tả cụ thể lịch trình thực hiện với nội dung công việc chi tiết cho mỗi buổi học mà NH phải tự nghiên cứu và thiết kế, GV chỉ nhận xét, đánh giá và hướng dẫn NH hoàn thiện đề án. Ngoài ra, ĐCCT năm 2024 có điều chỉnh về thời lượng tự học theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT là một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của NH, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá. Trong ĐCCT năm 2019 – 2023 thì thời lượng NH phải sử dụng cho việc tự học, tự nghiên cứu, ôn tập, củng cố và chuẩn bị bài mới là 30 giờ tự học/một tín chỉ.

GV sử dụng các hoạt động dạy học/PPDH phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Trong quá trình dạy học, GV sử dụng các hoạt động dạy học/PPDH lấy NH làm trung tâm, hướng dẫn NH tự học, tự nghiên cứu ĐCCT, tài liệu học tập và sử dụng các PPDH như: nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, thảo luận... đối với HP lý thuyết; làm đề án, bài tập nhóm, bài tập lớn, trình bày, thuyết

trình... để rèn luyện các kỹ năng cho các HP thực hành. Các phương pháp thảo luận nhóm giúp cho NH hiểu sâu sắc hơn kiến thức, đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình; Các bài tập, đồ án cá nhân có tác dụng phát triển năng lực của NH về nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng; thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. GV sử dụng phần mềm học tập trực tuyến Google Classroom để hỗ trợ và quản lý việc học tập ở nhà của NH. Để NH chủ động trong quá trình làm đồ án tốt nghiệp, KKT tổ chức triển khai các quy định về Hướng dẫn đồ án tốt nghiệp ngành KT trước mỗi đợt làm đồ án tốt nghiệp và cung cấp Sổ tay hướng dẫn tốt nghiệp cho NH **[H4.04.03.02]**.

Trong suốt khóa học, NH được tư vấn, hỗ trợ trong hoạt động học tập bởi GV, giáo viên chủ nhiệm về đăng ký HP; được hướng dẫn phương pháp học tập theo hình thức tín chỉ giúp NH chủ động trong quá trình học tập; được đăng ký tài khoản để tham khảo tài liệu điện tử từ thư viện thông qua hệ thống Wifi phủ khắp khuôn viên trường; được sử dụng CSVC và trang thiết bị hỗ trợ học tập **[H4.04.03.03]**. Bên cạnh việc học tập, NH được yêu cầu tham gia các hoạt động PVCĐ như chiến dịch mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi, hỗ trợ tư vấn tuyển sinh,... để rèn luyện kỹ năng mềm **[H4.04.03.04]**. Ngoài ra, NH thường xuyên được tham dự các buổi báo cáo chuyên đề do chuyên gia đến từ các trường ĐH hoặc DN, được khuyến khích tham gia NCKH, tham gia các giải thưởng sáng tạo dành cho NH. Hằng năm, NH được tổ chức tham quan thực tế môi trường làm việc của các DN, thực tập tại DN. Cụ thể trong năm học 2023 – 2024, NH tham quan thực tế môi trường làm việc tại công ty MiTek; thực tập tại công ty MiTek, ACSĐ, Hatecco, GreenViet...; tham dự các buổi báo cáo chuyên đề về kiến trúc xanh của công ty Insee, chuyên đề về phối cảnh CG (Computer graphic) của công ty ACSĐ; chuyên đề về kiến trúc đình làng của ĐH Huế; được nghiệm thu 06 đề tài NCKH trong năm 2023 và 03 đề tài NCKH vào đầu năm 2024 **[H4.04.03.05]**. Các hoạt động này giúp NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Nhà trường định kỳ khảo sát ý kiến của NH và cựu NH về việc sử dụng PPDH và phương pháp KTĐG của GV. Kết quả khảo sát NH năm học 2022 - 2023 cho thấy: 64,9% rất đồng ý, 21,6% đồng ý, 9,4% tương đối đồng ý về “GV sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu của SV”; 68,7% rất đồng ý, 18,9% đồng ý, 9,8% tương đối đồng ý về “GV kiểm tra công bằng khách quan và đánh giá đúng quá trình học tập của SV”. Kết quả khảo sát cựu NH khóa 2019 cho thấy: 35,7% rất đồng ý, 28,6% đồng ý, 35,7% tương đối đồng ý đánh giá mức tương đối đồng ý trở lên về “Phương pháp giảng dạy, học tập phù hợp” và “ Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp” **[H4.04.03.06]**.

2. Điểm mạnh:

Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho NH ngành KT rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Môi trường học tập được tổ chức đa dạng khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu của SV. GV sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các PP giảng dạy đang áp dụng.

3. Điểm tồn tại:

KKT chưa triển khai hiệu quả việc hướng dẫn cho NH hiểu đầy đủ về việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

4. Kế hoạch hành động:

Phát huy điểm mạnh:

Khoa KT tiếp tục phối hợp với Phòng QLĐT, Viện KH&HTQT, Phòng QT&TB cung cấp môi trường học tập, sinh hoạt, các hoạt động hỗ trợ NH. GV tổ hợp hiệu quả các phương pháp giảng dạy giúp nâng cao khả năng học tập, học tập suốt đời của NH.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa tăng cường các biện pháp phổ biến, hướng dẫn để NH sử dụng các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Những điểm mạnh nổi bật:

Triết lý giáo dục được xây dựng, được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các BLQ trong và ngoài trường. TLGD được sự đóng góp và tham gia xây dựng từ các BLQ như GV, lãnh đạo, NH, đối tác,... Hoạt động dạy học được thiết kế đa dạng và đáp ứng tốt các tiêu chí của CĐR. Các hoạt động dạy và học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm giúp NH đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho NH ngành KT rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Môi trường học tập được tổ chức đa dạng khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu của NH. GV sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy đang áp dụng.

Những tồn tại cơ bản:

Việc đánh giá mức độ hiểu rõ về TLGD chưa được khảo sát đầy đủ các BLQ. Chưa triển khai hiệu quả việc hướng dẫn cho NH hiểu đầy đủ về việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,67 điểm. Số tiêu chí đạt: 3/3. Tỷ lệ số tiêu

chỉ đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Việc đo lường kết quả học tập của NH được thực hiện bằng hoạt động đánh giá. Kết quả đánh giá chỉ có giá trị khi việc đánh giá được thực hiện một cách đầy đủ, toàn diện, công bằng, đúng với năng lực thực sự của NH. Việc học tập của NH là một quá trình nỗ lực phấn đấu lâu dài. Do đó, Trường ĐHXDMT và KKT đã có kế hoạch đánh giá rõ ràng, GV phải có phương pháp đánh giá phù hợp. Việc đánh giá cần có sự so sánh ở các thang đo quan trọng như đánh giá quá trình học tập, đánh giá đầu ra và được thực hiện một cách chuyên nghiệp, phù hợp với mức độ đạt CĐR trong mọi thời điểm của quá trình học. KKT chú trọng đánh giá thái độ, kiến thức, năng lực thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng. NH được thông tin một cách rõ ràng, minh bạch về các quy định khiếu nại để chủ động lập kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn 2019 - 2023, Trường ĐHXDMT, KKT ban hành quy trình, kế hoạch rõ ràng đánh giá kết quả học tập của NH. Theo quy chế đào tạo trình độ ĐH của Trường **[H5.05.01.01 (1)]**, các quy trình/tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra/đánh giá phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR. Hoạt động kiểm tra đánh giá KQHT của NH cần được thiết kế theo hướng gắn liền với CĐR và đo lường mức độ đạt được CĐR của NH. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện từ khâu đánh giá năng lực đầu vào, đánh giá suốt quá trình học tập qua từng học phần và đánh giá NH tốt nghiệp đầu ra. Tùy giai đoạn đánh giá, Nhà trường xây dựng các kế hoạch, quy trình đánh giá NH kèm các biểu mẫu rõ ràng nhằm đạt CĐR của CTĐT, đồng thời công bố công khai, rộng rãi đến các BLQ trong và ngoài trường.

Đánh giá tuyển sinh đầu vào: Căn cứ vào quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT mỗi kỳ tuyển sinh hằng năm Trường ĐHXDMT xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó xác định phương thức tuyển sinh và các tiêu chí tuyển chọn đầu vào rõ ràng, đảm bảo các quy định và điều kiện xét tuyển **[H5.05.01.01(1)]**, **[H5.05.01.02(1)]**.

Để đáp ứng các CĐR kiến thức, trong thời gian học chính thức, các văn bản hướng dẫn nêu trên có mô tả cụ thể về quy trình và hướng dẫn phương pháp KTĐG. Trong đề cương HP cũng có quy định về phương pháp KTĐG và các tiêu chí đánh giá như: tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận kết thúc HP **[H5.05.01.03(1)]**. Trường ĐHXDMT và KKT

có xây dựng tiêu chí, thang đánh giá (Rubric) để đánh giá các CĐR về nhận thức cấp độ cao, các CĐR về kỹ năng mềm và các CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm của NH. Trong quá trình xây dựng các phương pháp KTĐG đều gắn với CĐR của HP và CĐR của CTĐT, mỗi nội dung của HP chỉ ra mối liên hệ giữ phương pháp KTĐG với nội dung kiến thức HP và để đạt được CĐR nào của HP và đạt được CĐR nào của CTĐT **[H5.05.01.03(2)]**.

Cách thức đánh giá được áp dụng phù hợp với từng mục đích đánh giá:

i) *Đối với các CĐR kiến thức*: bao gồm kiến thức đại cương (lý luận chính trị, thể dục thể thao, quốc phòng an ninh, chuyên môn...), kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, việc kiểm tra mức độ đạt được các CĐR kiến thức này được thông qua bài thi kết thúc HP, điểm quá trình và điểm chuyên cần để tính điểm thành phần **[H5.05.01.03(1)]**.

ii) *Đối với các CĐR kỹ năng*: được đánh giá thông qua việc thực hành kỹ năng thiết kế, quản lý dự án KT và sử dụng thành thạo các phương pháp, công cụ thể hiện hồ sơ thiết kế và bài thi cuối kỳ **[H5.05.01.03(2)]**.

iii) *Đối với các CĐR thái độ*: việc đánh giá được thực hiện thông qua các nhiệm vụ SV được giao trong quá trình học tập một HP, thái độ khi thi cử, đặc biệt là thái độ làm việc nhóm, thái độ ứng xử khi tham gia thực tập tốt nghiệp, bảo vệ đồ án tốt nghiệp. Tính kết nối giữa phương pháp KTĐG để đạt được CĐR CTĐT thể hiện rõ trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP **[H5.05.01.03(1,2)]**.

Tổ hợp các phương pháp KTĐG của Trường ĐHXDMT gồm đánh giá quá trình lên lớp tham gia vào quá trình chuẩn bị, thảo luận, đến việc thi kết thúc HP, thực hiện đồ án. Đa số các HP đều được đánh giá bởi 02 loại điểm, điểm quá trình (chiếm 40%) và điểm thi kết thúc HP (chiếm 60%) **[Bảng 5.1 – Phụ lục 4]**. Hình thức đánh giá quá trình tùy thuộc vào đặc thù môn học, được quy định cụ thể trong ĐCCT HP. Mức độ đánh giá bao gồm kiểm tra tại lớp, thi kết thúc HP phù hợp với quá trình học tập, tiếp thu kiến thức của NH cả về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của NH. Các hoạt động/phương pháp KTĐG kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR **[H5.05.01.05(1,2,3)]**.

Với đặc thù chuyên ngành KT, KKT triển khai thực hiện đồ án chuyên ngành và đồ án tốt nghiệp nhằm giúp NH hình thành và phát triển khả năng tự nghiên cứu, tự học tập, tự chủ và có trách nhiệm **[H5.05.01.03(2)]**. Để chuẩn bị cho việc thực hiện đồ án, NH luôn được thông báo kế hoạch thực hiện, được giáo viên chủ nhiệm triển khai các công việc liên quan, được phổ biến các quy trình xét duyệt đề tài, phân công giáo viên hướng dẫn, quy trình bảo vệ đồ án chuyên ngành, quy định về bảo vệ đồ án tốt nghiệp. Bên cạnh đó, NH còn được cung cấp đầy đủ thông tin về điều kiện tốt nghiệp, quy trình

xét tốt nghiệp cũng như kế hoạch tổ chức cấp bằng tốt nghiệp [H5.05.01.04(1)].

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành đầy đủ quy định về việc tổ chức thi, kiểm tra nhằm đánh giá kết quả học tập. Kế hoạch thi, kiểm tra được công bố công khai, rộng rãi đến NH ngay từ đầu học kỳ thông qua ĐCCT các HP. GV được tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức về các phương pháp KTĐG.

3. Điểm tồn tại

KKT chưa thường xuyên thực hiện thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ đề thi kết thúc học phần dưới hình thức đề mở (được sử dụng tài liệu) để có hướng điều chỉnh thích hợp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT xây dựng, thiết kế bộ câu hỏi đánh giá theo từng mức đạt CĐR, chỉ rõ đánh giá yếu tố nào, ở mức độ nào theo CĐR dành cho từng HP.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT sẽ triển khai đánh giá chất lượng của các đề thi kết thúc học phần dưới hình thức đề mở để kịp thời hiệu chỉnh và bổ sung để tất cả các HP trong CTĐT đều được đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH của KKT được xác định rõ ràng theo tài liệu hướng dẫn xây dựng và thực hiện quy trình KTĐG KQHT phù hợp với CTĐT theo tín chỉ của Trường ĐHXDMT. Các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH được công bố công khai tới NH trước mỗi khóa học/kỳ học/HP. NH được phổ biến các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập [H5.05.02.01(2,3)].

Kế hoạch và các quy định về KTĐG được thông báo công khai đến NH ngay từ khi bắt đầu HP, và được nhấn mạnh khi kết thúc quá trình giảng dạy. ĐCCT được GV cập nhật mỗi đầu học kỳ trên cổng thông tin để NH theo dõi thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số đánh giá KQHT của từng HP. GV công bố điểm quá trình cho SV ngay khi kết thúc HP [H5.05.02.01(4)]. Điểm cuối kỳ được cập nhật trên cổng thông

tin SV, các quy định phúc khảo dành cho NH được công khai rõ trên website phòng KT&ĐBCL (<http://www.mtu.edu.vn/Default.aspx?PageId=c63dfae8-374b-4b20-b997-c922bb07b845>).

Về thời gian, bài kiểm tra giữa kỳ được thực hiện từ tuần thứ 7 đến tuần 10, bài kiểm tra cuối kỳ được thực hiện sau 15 tuần và sau khi đã kết thúc môn học. Đối với các môn thi, trọng số điểm quá trình chiếm 40%, cuối kỳ chiếm 60% [**Bảng 5.1 – Phụ lục 4**]. Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kỳ thi cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Nhà trường [**H5.05.02.01(3,4)**]. Tiêu chí cụ thể để đánh giá các HP được quy định cụ thể trong ĐCCT HP [**H5.05.02.02(2)**].

Bên cạnh đó, thực hiện đồ án chuyên ngành và đồ án tốt nghiệp nhằm giúp NH hình thành và phát triển khả năng tự nghiên cứu, tự học tập, tự chủ và có trách nhiệm. Để chuẩn bị cho việc thực hiện đồ án, NH luôn được thông báo kế hoạch thực hiện, được giáo viên chủ nhiệm triển khai các công việc liên quan, được phổ biến các quy trình xét duyệt đề tài, phân công GV hướng dẫn, quy trình bảo vệ đồ án chuyên ngành, quy định về bảo vệ đồ án tốt nghiệp [**H5.05.02.03(1,3)**]. Bên cạnh đó, NH được cung cấp đầy đủ thông tin về điều kiện tốt nghiệp, quy trình xét tốt nghiệp cũng như kế hoạch tổ chức cấp bằng tốt nghiệp [**H5.05.02.04(1)**].

Trong quá trình giảng dạy, GV thường xuyên nhắc nhở NH quy định kiểm tra/đánh giá kết quả học tập, đồng thời các quy định này được đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường (<http://www.mtu.edu.vn/Default.aspx?PageId=c63dfae8-374b-4b20-b997-c922bb07b845>). Cuối kỳ, thư ký khoa tập hợp bảng điểm quá trình từ GV sau khi GV đã nhập vào phần mềm và giao (bản in giấy) chậm nhất là 10 ngày về phòng QLĐT. Về điểm bài thi tự luận cuối kỳ đã chấm xong từ khoa (chậm nhất là 10 ngày sau khi nhận bài), phòng KT&ĐBCL phân công NV ráp phách và ghi điểm vào bảng điểm và chuyển về phòng QLĐT để nhập điểm vào hệ thống quản lý đào tạo và lưu. NH xem kết quả thông qua trang thông tin điện tử của trường [**H5.05.02.01(2,3)**].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHXDMT đã ban hành và triển khai các quy chế, quy định về KTĐG KQHT của NH, cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí đánh giá, trọng số, cơ chế phản hồi của NH và các nội dung liên quan khác một cách đầy đủ, rõ ràng.

Tất cả các quy chế, quy định về KTĐG đều được GV, KKT, Trường ĐHXDMT công bố công khai tới NH vào đầu khóa học và trước mỗi kỳ KTĐG bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo NH hiểu và nắm rõ các quy chế, quy định này.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình đánh giá điểm quá trình một số HP, một số tiêu chí đánh giá còn

mang tính định tính.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT triển khai kế hoạch, đánh giá và cải tiến để GV phụ trách cố vấn học tập tăng cường tiếp xúc, quan tâm đến những NH cá biệt, nhắc nhở, tư vấn các HP điểm thấp để NH có kế hoạch học tập tốt hơn, ra trường đúng tiến độ.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT tăng cường các hình thức, biện pháp hướng dẫn GV sử dụng hiệu quả các phương pháp đánh giá được hướng dẫn. Bên cạnh đó, GV cần lượng hóa tiêu chí đánh giá điểm quá trình để tạo sự rõ ràng và thông hiểu thống nhất về tiêu chí đánh giá.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn đánh giá, Trường ĐHXDMT và KKT sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra/đánh giá kết quả học tập theo Quy định về đào tạo ĐH theo hệ thống tín chỉ. Quy định về việc thi kiểm tra trong đó, có quy định rõ việc đánh giá kết quả học tập của NH [H5.05.03.01(1,2)]. Các phương pháp KTĐG của CTĐT được GV thực hiện tương đối đa dạng đảm bảo đo lường được CĐR; việc đánh giá được áp dụng phù hợp với từng mục đích đánh giá. Các phương pháp đánh giá được thực hiện theo từng HP, tùy thuộc nội hàm của HP là lý thuyết thuần túy hay có ứng dụng thực tế. Phương pháp đánh giá được lựa chọn có thể là thuyết trình đề tài theo nhóm, thực hiện tiểu luận, đồ án chuyên ngành theo nhóm hoặc cá nhân đề tài áp dụng giải quyết vấn đề thực tế, vấn đáp, hoặc làm bài thi viết, trắc nghiệm [Bảng 5.1 – Phụ lục 4]. Ngoài ra, các bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm tương thích với từng loại HP và phương pháp đánh giá được sử dụng cũng góp phần đảm bảo tính tin cậy và công bằng trong đánh giá KQHT [H5.05.02.03(1)].

Để đảm bảo sự công bằng và độ tin cậy trong đánh giá kết quả học tập, công tác tổ chức thi luôn đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, đúng quy định. Trường ĐHXDMT tổ chức xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi kết thúc HP để phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định và hướng dẫn của Nhà trường [H5.05.03.01(2)]. Quy trình ra đề thi đảm bảo được độ bảo mật cao của đề. Các bộ môn đã trao đổi, thống nhất về hình thức thi, cấu trúc đề thi, thống nhất xây dựng ma trận đề thi theo thang Bloom để đảm bảo đo lường được đúng mục đích, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm hướng tới CĐR trong chương trình môn học, sau đó giao cho từng cá nhân

GV biên soạn đề thi **[H5.05.03.03(1,2)]**. Các đề thi sau khi GV biên soạn được thông qua bộ môn trao đổi, góp ý chỉnh sửa và nộp về phòng KT&ĐBCL để quản lý và sử dụng. Số lượng ngân hàng đề thi đã có của các HP ngành KT là 19 chiếm tỉ lệ 22% **[H5.05.03.04(3)]**. Đối với các HP thi bằng hình thức tiểu luận, bài tập lớn, đồ án có 43 HP và được trưởng môn duyệt và gửi về KKT nên luôn đảm bảo độ khó, độ giá trị và độ tin cậy **[Bảng 5.1 – Phụ lục 4]**.

Để tổ chức thi kết thúc HP đảm bảo đúng quy chế và quy định của Trường ĐHXDMT, hằng năm Hiệu trưởng thành lập Hội đồng thi và các ban, tiểu ban của Hội đồng. Công tác coi thi và quy trình chấm thi của Nhà trường quy định và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hồ sơ lưu trữ đầy đủ; bài thi được làm phách theo phần mềm QLĐT; sau khi làm phách, danh sách phách và phách bài thi được phòng KT&ĐBCL niêm phong và lưu giữ **[H5.05.03.03(1,2)]**. Trong quá trình chấm thi có sự giao nhận bài thi từng buổi giữa ban thư ký và tổ chấm. Mỗi bài thi đều có hai GV chấm hai vòng độc lập nên đảm bảo chính xác, khách quan **[H5.05.03.04(3)]**. Việc lên điểm cũng được lên điểm theo phách bài thi, sau đó nhập vào phần mềm nên luôn đảm bảo khách quan và công bằng. Đối với các HP có phương pháp đánh giá tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, hai cán bộ chấm thi chấm độc lập trên phiếu chấm thi và sau khi hai GV thống nhất điểm thi cho từng thí sinh, điểm thi phải được công bố ngay sau mỗi buổi thi để đảm bảo độ tin cậy và công bằng với NH **[H5.05.03.04(2,5)]**. Phần mềm QLĐT của trường có phân quyền cho người sử dụng và lưu nhật ký sử dụng đối với từng người dùng nên đảm bảo quản lý chặt chẽ và chính xác. Bên cạnh đó các hoạt động tổ chức thi, chấm thi đều có sự kiểm tra giám sát của Ban thanh tra pháp chế Trường **[H5.05.03.04(4)]**.

Mỗi học kỳ, KKT sơ kết về hiệu quả tổ hợp phương pháp KTĐG được áp dụng trong CTĐT và hàng năm, Trường tổ chức tổng kết, sơ kết về hiệu quả tổ hợp các phương pháp KTĐG được áp dụng trong các học phần/CTĐT. Đồng thời, phòng KT&ĐBCL tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ về các phương pháp và Quy trình KTĐG, độ chính xác và độ tin cậy của kết quả đánh giá, sự hài lòng về nội dung công tác thi và kiểm tra, đánh giá. Với kết quả thi được tổng hợp từ Phòng KT&ĐBCL, KKT phân tích phổ điểm nhằm kiểm tra đánh giá độ giá trị và tin cậy của ngân hàng đề thi, từ đó lập đề xuất điều chỉnh đề thi sau mỗi học kỳ **[H5.05.03.04(6,7)] [H5.05.03.05(1,2)]**. Trong giai đoạn đánh giá, 100% hài lòng (đồng ý và rất đồng ý) về tiêu chí này và không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của NH về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập, cụ thể: Trong đợt khảo sát ý kiến NH về hoạt động đào tạo của Nhà trường có nội dung này, kết quả cho thấy NH khá hài lòng với phương pháp KTĐG và kết quả đánh giá từ GV: Quá trình KTĐG được thực hiện chính xác, khách quan, công bằng; Kết quả kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng năng lực và trình độ của NH; NH

hài lòng về các cách thức công bố, phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá; Kết quả kiểm tra, đánh giá được phản hồi kịp thời, giúp NH cải thiện kết quả học tập [H5.05.03.06(1)]. Trong mỗi lần điều chỉnh cập nhật đề cương của các HP, KKT dựa trên kết quả phân tích các đề thi với CDR của HP; thang đánh giá với kết quả đánh giá để rà soát, kiểm tra nhằm đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy của các phương pháp KTĐG [H5.05.03.06(2)].

2. Điểm mạnh

Các phương pháp và hình thức KTĐG kết quả học tập NH của KKT được sử dụng đa dạng và thực hiện nghiêm túc, đúng quy định và theo ĐCCT được duyệt. Tiêu chí KTĐG kết quả học tập của NH được xác định rõ và có phân định mức độ đạt/không đạt qua việc đánh giá liên tục của GV. Đồng thời một đề thi chung sẽ xác định điểm đánh giá cuối kỳ của các SV tham dự cùng HP, tham gia kiểm tra cùng thời điểm. Tất cả các hình thức thi đều được bố trí 2 cán bộ coi thi đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của NH.

3. Điểm tồn tại

KKT chưa thực hiện đánh giá định lượng, kiểm chứng về hiệu quả tổ hợp các phương pháp KTĐG được áp dụng trong CTĐT ngành KT, việc đánh giá các phương pháp KTĐG mới chỉ thực hiện ở mức trao đổi giữa các GV thông qua họp Khoa, họp Bộ môn.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, ngoài việc tăng cường các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH, KKT yêu cầu GV ra đề các HP phải có sự phê duyệt của Bộ môn, Ban lãnh đạo Khoa thống nhất với các GV trong việc ra đề thi, đảm bảo hạn chế việc NH chỉ tái hiện kiến thức, đánh giá cao tiêu chí tăng tính vận dụng, đòi hỏi NH phải tư duy, vận dụng hiểu biết của NH vào làm bài.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT triển khai việc kiểm chứng, đánh giá tổ hợp các phương pháp KTĐG kết quả học tập GV đang sử dụng nhằm cải tiến ngày một tốt hơn trong việc đo lường CDR.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2019, Trường ĐHXDMT đã ban hành các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH, được thể hiện trong quy chế đào tạo và quy định đảm bảo bảo chất lượng công tác KTĐG kết quả học tập [H5.05.04.01(1,2)].

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV trong các buổi họp chuyên môn, được nhà trường phổ biến đến SV ngay từ học kỳ đầu tiên trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, được GV KKT phổ biến cho SV vào mỗi đầu HP, hay công bố trên website của phòng KT&ĐBCL của Trường **[H5.05.04.02], [H5.05.04.03(1)]**. Việc công khai các quy định phản hồi đánh giá rộng rãi nhằm giúp SV nắm được quy trình, thời gian phản hồi kết quả đánh giá học tập, từ đó NH chủ động trong xây dựng kế hoạch học tập để đạt được kết quả học tập khả quan cho HP **[H5.05.04.04]**.

Đồng thời, NH được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời. Kết quả đánh giá của NH được phản hồi thông qua GV trực tiếp giảng dạy trong suốt quá trình học thông qua điểm chuyên cần, thực hiện kiểm tra giữa kỳ với các hình thức đa dạng như bài tự luận, thuyết trình, tiểu luận, đồ án chuyên ngành. Trước khi kết thúc HP, GV phải thông báo điểm chuyên cần và điểm quá trình đến NH. NH có tài khoản riêng để theo dõi kết quả môn học trên hệ thống phần mềm QLĐT của Trường. Hồ sơ, kết quả học tập của NH được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình của NH, rõ ràng, dễ dàng tiếp cận, tra cứu **[H5.05.04.03(1)]**. Quy định về chấm thi và thông báo kết quả thi cho NH được thực hiện theo quy định của Nhà trường. GV phụ trách lớp HP có trách nhiệm nhập điểm thi kết thúc HP trên phần mềm quản lý đào tạo và nộp điểm về phòng QLĐT, KKT chậm nhất là 07 ngày sau khi kết thúc HP **[H5.05.04.05(3)]**. Thời gian chấm phúc khảo (nếu có) không quá 15 ngày kể từ khi nhận được đơn đề nghị của NH **[H5.05.04.05(1)]**. Riêng với bảo vệ đồ án tốt nghiệp thì điểm được công bố công khai ngay sau buổi bảo vệ **[H5.05.04.01(1)]**.

Tại KKT, trong các cuộc họp Khoa hằng tháng, các Trưởng bộ môn luôn nhắc nhở GV về việc thực hiện đúng tiến độ giảng dạy, nhập điểm và nộp bảng điểm thi quá trình về Văn phòng Khoa, nộp đề, chấm thi và trả lời phúc tra đúng thời hạn. GV Khoa đảm bảo việc phản hồi điểm quá trình vào buổi kết thúc của mỗi HP, và thực hiện quy trình chấm thi lần 1, lần 2 theo đúng thời hạn **[H5.05.04.05(3)]**. Qua đó, phản hồi về kết quả phúc khảo về kết quả học tập nhanh chóng được gửi tới NH.

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập. NH nhận được phản hồi của GV trong suốt quá trình học, thể hiện qua việc đánh giá quá trình. GV đánh giá NH về thái độ thông qua điểm chuyên cần, thực hiện kiểm tra giữa kỳ và phản hồi kết quả đến NH. Như vậy, ngay trong quá trình học tập của HP, thông qua các hình thức đánh giá đa dạng, NH đã nhận biết được điểm mạnh của bản thân để tạo tự tin trong học tập, thúc đẩy NH nâng cao thành tích học tập. Bên cạnh đó, SV cũng nhận biết được điểm yếu của bản thân để khắc phục. Việc phản hồi sớm cũng giúp SV nhận thức rõ hơn về yêu cầu của HP, từ đó NH có thể kịp thời điều chỉnh việc

học tập nhằm cải thiện kết quả ở các bài kiểm tra, bài thi tiếp theo. Theo kết quả NH phản hồi về phương pháp kiểm tra đánh giá năm 2022, 96% NH đồng ý với kết quả đánh giá của GV **[H5.05.04.05(2)]**.

Kết thúc mỗi học kỳ, phòng QLĐT sẽ gửi danh sách SV bị cảnh báo học vụ tới KKT, đối với các trường hợp: NH không đăng ký đủ số tín chỉ trong một học kỳ; NH có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 0,8 đối với HK đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các HK tiếp theo; NH có tổng tín chỉ của các HP bị điểm F trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký; NH bị cảnh báo học vụ 2 lần liên tiếp với hình thức buộc thôi học; NH vượt quá thời gian được phép học tại trường. Phòng CTCTSV sẽ gửi thư thông báo tới phụ huynh về việc cảnh báo học vụ của NH, từ đó phụ huynh nắm được tình hình học tập của NH và nhắc nhở NH có kế hoạch phù hợp trong học kỳ tiếp theo **[H5.05.04.03(4)]**. NH có kết quả học tập từ khá trở lên được Trường ĐHXDMT tặng giấy khen và học bổng để khích lệ tinh thần học tập **[H5.05.04.04]**. Sau khi nhận kết quả học tập, NH có thể phản hồi về kết quả học tập bằng việc phúc khảo, đánh giá môn học, toàn khóa học **[H5.05.04.05(1)]**.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHXDMT đã ban hành Quy định đào tạo, các quyết định liên quan đến các công tác đào tạo, trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH. Các quy định này được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Trường. Các thông tin phản hồi kết quả đánh giá kịp thời giúp NH cải thiện việc học tập. NH hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Điểm đánh giá quá trình (bao gồm nhiều điểm thành phần: chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, bài tập nhóm) được công bố vào buổi học cuối cùng của HP, chưa có nhiều thời gian dành cho sự trao đổi trực tiếp giữa GV với NH về từng loại điểm thành phần.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Năm học 2024 - 2025, KKT tham mưu Trường tiếp tục cập nhật, rà soát bổ sung Quy chế thi kết thúc HP theo Quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, Trường đối với các HP của ngành KT.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT thống nhất đối với mỗi loại điểm thành phần, GV công bố ngay cho NH sau khi có kết quả, còn vào buổi học cuối cùng GV chỉ công bố kết quả chung của điểm quá trình.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả

học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn 2019 - 2023, quy trình khiếu nại về kết quả học tập của NH được quy định trong Quy định đào tạo ĐH theo hệ thống tín chỉ được phổ biến trên Website của Nhà trường, phòng QLĐT, phần mềm QLĐT, GV thông báo với NH qua các buổi sinh hoạt chủ nhiệm, sinh hoạt cố vấn học tập **[H5.05.05.01(2)]**.

Trong quá trình học tập, NH được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kỳ học/HP **[H5.05.05.01(3)]**. Hằng năm, việc khiếu nại về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng. NH được quyền phúc tra khiếu nại kết quả học tập, cụ thể: đối với điểm quá trình, NH khiếu nại trực tiếp với GV trực tiếp giảng dạy HP đó khi công bố điểm trên lớp; trong vòng hai tuần kể từ ngày Trường, khoa, trung tâm công bố điểm thi hoặc theo thông báo riêng của KKT. SV nộp đơn đăng kí phúc khảo điểm thi tại phòng KT&ĐBCL. Thời gian công bố điểm phúc khảo là sau 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận giấy đề nghị phúc khảo điểm của SV **[H5.05.05.02]**.

Hằng năm, phòng KT&ĐBCL đã kiểm soát và thống kê số lượng khiếu nại kết quả học tập từ NH từ đó rút kinh nghiệm và cải tiến công tác đánh giá đối với NH. Hằng năm, tỉ lệ nộp đơn đề nghị chấm phúc khảo bài thi của NH đều dưới 2%. Theo kết quả khảo sát trong giai đoạn 2019 - 2023, 100% NH khi khiếu nại về kết quả học tập được giải quyết kịp thời, thỏa đáng **[H5.05.05.03(1)]**. Hằng năm, Trường ĐHXDMT đã khảo sát về mức độ hài lòng của NH đối với việc tiếp cận quy trình cũng như thời hạn và kết quả giải quyết khiếu nại của Nhà trường, kết quả trong giai đoạn 2019 - 2023 có hơn 95% NH hài lòng và đồng ý kết quả đánh giá được thông báo kịp thời, đánh giá công bằng, khách quan **[H5.05.05.03(2)]**.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHXDMT có đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập và công bố công khai để NH dễ dàng tiếp cận. NH được KKT, Trường ĐHXDMT phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập trước mỗi khóa học, mỗi học kỳ.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa triển khai tìm hiểu kỹ lưỡng về nguyên nhân khiếu nại kết quả học tập của SV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT tăng cường phổ biến, nhắc nhở thường xuyên các quy định về khiếu nại kết quả học tập đến NH nhằm giúp cho NH tiếp cận nhanh chóng

để đạt được kết quả học tập tích cực và khách quan nhất.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024-2025, Phòng KT&ĐBCL tiến hành tìm hiểu cụ thể đối với các trường hợp khiếu nại kết quả học tập của SV để từ đó tham mưu Nhà trường áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm hạn chế tối đa các trường hợp khiếu nại của SV về kết quả học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Những điểm mạnh nổi bật:

Trường ĐHXDMT ban hành đầy đủ quy định về việc tổ chức thi, kiểm tra nhằm đánh giá kết quả học tập. Kế hoạch thi, kiểm tra được công bố công khai, rộng rãi đến NH ngay từ đầu học kỳ thông qua ĐCCT HP. GV được tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức về các phương pháp KTĐG. Triển khai các quy chế, quy định về KTĐG kết quả học tập của NH, cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí đánh giá, trọng số, cơ chế phản hồi của NH và các nội dung liên quan khác một cách đầy đủ, rõ ràng. Tất cả các quy chế, quy định về KTĐG đều được GV, KKT, Trường ĐHXDMT công bố công khai tới NH vào đầu khóa học và trước mỗi kỳ KTĐG bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo NH hiểu và nắm rõ các quy chế, quy định này. Các phương pháp và hình thức KTĐG kết quả học tập người học của KKT được sử dụng đa dạng và thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định và theo ĐCCT được duyệt. Tiêu chí KTĐG kết quả học tập của NH được xác định rõ và có phân định mức độ đạt/không đạt qua việc đánh giá liên tục của GV. Đồng thời một đề thi chung sẽ xác định điểm đánh giá cuối kỳ của các NH tham dự cùng HP, tham gia kiểm tra cùng thời điểm. Tất cả các hình thức thi đều được bố trí 2 cán bộ coi thi đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của NH. Ban hành Quy chế đào tạo, các quy trình liên quan đến các công tác đào tạo, trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH. Các quy chế quy định này được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Khoa/Trường. Các thông tin phản hồi kết quả đánh giá kịp thời đã giúp NH cải thiện việc học tập. NH hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi KQHT. Có đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT và công bố công khai để NH dễ dàng tiếp cận. NH được KKT, Trường ĐHXDMT phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập trước mỗi khóa học, mỗi học kỳ.

Những tồn tại cơ bản:

KKT chưa thường xuyên thực hiện thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của đề thi kết thúc học phần dưới hình thức đề mở (được sử dụng tài liệu) để có hướng điều chỉnh thích hợp. Trong quá trình đánh giá điểm quá trình một số HP, một

vài tiêu chí đánh giá đôi khi còn mang tính định tính. KKT chưa thực hiện đánh giá, kiểm chứng về hiệu quả tổ hợp các phương pháp KTĐG áp dụng trong CTĐT ngành KT, việc đánh giá các phương pháp KTĐG mới chỉ thực hiện ở mức trao đổi giữa các GV thông qua các buổi họp Khoa, họp tổ bộ môn. Điểm đánh giá quá trình (bao gồm nhiều điểm thành phần: chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, bài tập nhóm) được công bố vào buổi học cuối cùng của HP, chưa có nhiều thời gian dành cho sự trao đổi trực tiếp giữa GV với NH về từng loại điểm thành phần. Nhà trường chưa triển khai tìm hiểu kỹ lưỡng về nguyên nhân khiếu nại kết quả học tập của SV.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,8 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

KKT có đội ngũ GV giàu kinh nghiệm, với trình độ TS, ThS, nhiều năm làm việc thực tế tại các DN, đơn vị tư vấn thiết kế và thi công xây dựng. Đội ngũ GV khoa trẻ trung, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, trau dồi kiến thức, đam mê NCKH, có thành tích xuất sắc trong hoạt động giảng dạy và NCKH. Đội ngũ GV được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Đội ngũ GV của KKT có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình nghiên cứu khoa học khác nhau. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và hoạt động PVCD.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn 2019 - 2023, KKT có kế hoạch phát triển đội ngũ GV, thực hiện chương trình (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD. Dựa trên Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Chiến lược phát triển KKT giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030 và bảng mô tả công việc cá nhân, quy định về chỉ tiêu, số lượng, chất lượng và tiêu chuẩn nghề nghiệp cụ thể của

đội ngũ GV, đáp ứng về nhu cầu đào tạo **[H6.06.01.01(1,2,3)]**, KKT đã cụ thể hóa thành Kế hoạch phát triển nhân sự của Khoa định kỳ hằng năm **[H6.06.01.02]**. Cụ thể, theo Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, số CB giảng dạy chiếm tỷ lệ 80% tổng số CBVC, và tỷ lệ CB khoa học có trình độ tiến sĩ đạt 20%. Với chuyên ngành KT, số lượng GV phục vụ đào tạo chuyên ngành là 16 GV. Theo Chiến lược phát triển KKT giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, tỷ lệ GV đạt trình độ TS đạt 15% vào năm 2020. Hiện tại, 100% giảng viên KKT có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, trình độ Ths trở lên, trong giai đoạn 2022 - 2023, nhiều GV được đào tạo ở nước ngoài và đào tạo theo chương trình liên kết với nước ngoài, có khả năng tham gia giảng dạy bằng ngoại ngữ **[H6.06.01.03(1)]**. GV của Khoa được bố trí theo chuyên ngành phù hợp nhằm phát huy hiệu quả năng lực của GV; Trường có kế hoạch nâng cao năng lực tiếng Anh của đội ngũ GV, NV định kỳ để đánh giá năng lực tiếng Anh của đội ngũ GV và có kế hoạch hỗ trợ, đào tạo với số lượng hằng năm là 150 người **[H6.06.01.03(2)]**. Định kỳ, Nhà trường tổ chức các hoạt động học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ và kỹ năng nghề nghiệp cho GV. 100% GV KKT tham gia hoạt động học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ và kỹ năng nghề nghiệp trong giai đoạn 2019 - 2023 **[H6.06.01.04(1,2,3)]**. Các hoạt động học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ và kỹ năng nghề nghiệp cho GV trong giai đoạn 2019 - 2023 được Nhà trường hỗ trợ trung bình khoảng 600 triệu đồng/năm theo Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV **[H6.06.01.05(1)]**.

Bảng 6.1.1. Bảng thống kê số lượng GV KKT theo trình độ (2019-2024)

Năm học	Số lượng GV	Giới tính		GS	PGS	TS	ThS	Kỹ sư/ Cử nhân
		Nam	Nữ					
2019 - 2020	25	13	12	0	0	01	24	0
2020 - 2021	25	12	13	0	0	01	24	0
2021 - 2022	24	11	13	0	0	01	23	0
2022 - 2023	23	12	11	0	0	03	20	0
2023 - 2024	22	11	11	0	0	03	19	0

Việc quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD. Việc quy hoạch đội ngũ GV được Trường ĐHXDMT chú trọng từ khâu tuyển dụng: Trường có kế hoạch tuyển dụng được thực hiện dựa trên quy định tuyển dụng nhân sự được công khai trên website Nhà trường với các tiêu chí rõ ràng về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ và kinh nghiệm giảng dạy, làm việc cho từng vị trí một cách phù hợp; GV được lựa chọn và phân công giảng dạy phù hợp với từng chuyên ngành cụ thể **[H6.06.01.06(1,2)]**. Khoa có 02 Bộ môn bao gồm Bộ môn KT và Bộ môn

Quản lý đô thị. GV được bố trí phù hợp với chuyên ngành cho từng bộ môn **[H6.06.01.07]**.

Bên cạnh đó, Trường ĐHXDMT chú trọng bổ sung đội ngũ GV đến từ cơ quan, tổ chức hành nghề trong lĩnh vực xây dựng theo định hướng phát triển đào tạo SV có khả năng ứng dụng, thực hành của Khoa **[H6.06.01.08]**. Trường có chính sách hợp lý thu hút GV có trình độ tiến sĩ, có khả năng NCKH và tham gia hoạt động cộng đồng. Trong các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, Trường chú trọng đến việc GV có kết quả NCKH đáp ứng tiêu chuẩn GV **[H6.06.01.09(1)]**. Ngoài những kinh nghiệm thực tiễn, khả năng PVCD của GV được thể hiện cụ thể qua việc phối hợp với GV thực hành để tư vấn pháp luật theo kế hoạch của khoa và hỗ trợ các hoạt động Đoàn, Hội của Trường **[H6.06.01.9(4)]**. Trong giai đoạn 2019 - 2023, tại Trường ĐHXDMT, việc tuyển dụng, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động và cho nghỉ hưu đối với GV đều có quy định rõ ràng thực hiện theo đúng quy định của Luật Lao động và quy định cụ thể của Trường **[H6.06.01.06(1)]** và công bố công khai trên website (mtu.edu.vn/Default.aspx?ArticleId=20f0055a-61a9-45e2-ab78-2d31507b0986).

2. Điểm mạnh

Công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm GV được thực hiện theo kế hoạch, có quy trình và tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng.

3. Điểm tồn tại

Kế hoạch phát triển KKT chưa thể hiện rõ việc quy hoạch đội ngũ GV cho hoạt động PVCD.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT tiếp tục đẩy mạnh công tác bồi dưỡng đội ngũ GV, NCV để ngày càng được nâng cao về số lượng và chất lượng, đủ đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCD.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường, KKT xây dựng đồng bộ kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn về phát triển đội ngũ GV để đảm bảo tính liên tục theo thời gian, chiến lược phát triển Trường và đội ngũ GV.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/ NH đáp ứng theo quy định, việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được hướng dẫn chi tiết. Khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn đánh giá, tỷ lệ GV/SV của CTĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Đến tháng 12/2023, tổng số GV của Khoa là 23 người, gồm 03 TS (chiếm tỉ lệ 13% so với tổng số GV của Khoa), 20 ThS (87%), 01 GV đang theo học NCS ở trong nước. Hiện nay, tỉ lệ GV/SV chính quy ngành KT được quy đổi là 13 SV/GV, đảm bảo với tỉ lệ quy định của Bộ GD&ĐT (**Bảng 6.1-Phụ lục 4**). SV được đảm bảo khả năng tương tác, học tập kiến thức khoa học và thực tiễn từ GV, đảm bảo chất lượng đào tạo theo mục tiêu của Khoa theo (Bảng 6.2.1).

Bảng 6.2.1. Tỉ lệ SV trên 1 GV qua từng năm học

Năm học	Tổng số GV ngành	Quy mô SV	Tỉ lệ GV/NH
2018 - 2019	22	254	1/12
2019 - 2020	22	210	1/10
2020 - 2021	24	201	1/8
2021 - 2022	23	228	1/10
2022 - 2023	20	250	1/13

(1) Năm học 2015-2017, tỉ lệ GV/SV được đảm bảo theo quy định tại Thông tư 32/2015/TT-BGDĐT. (2) Đến năm học 2018-2019, tỉ lệ GV/SV được đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT.

Bảng 6.2.2 Thống kê số lượng GV Khoa theo trình độ giai đoạn 2019-2024

Năm học	Số lượng GV	Giới tính		Độ tuổi		
		Nam	Nữ	< 35	35-45	>45
2019 - 2020	25	13	12	19	5	1
2020 - 2021	25	12	13	19	5	1
2021 - 2022	24	11	13	18	5	1
2022 - 2023	23	12	11	15	2	6
2023 - 2024	22	11	11	15	1	6

Tiêu chuẩn của GV đáp ứng theo quy định của Bộ GD&ĐT và tình hình thực tế Nhà trường. Bên cạnh đội ngũ cơ hữu, KKT có hơn 10 GV thỉnh giảng đến từ cơ quan, tổ chức hành nghề liên quan lĩnh vực KT, xây dựng, quy hoạch đô thị tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, đánh giá kết quả học tập của SV theo đề án liên kết gắn kết đào tạo giữa Trường ĐHXDMT với DN [**H6.06.02.02**].

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Trường ban hành văn bản quy định chi tiết về khối lượng công việc của đội ngũ GV, bao gồm: hoạt động giảng dạy, NCKH và công

tác khác. Cụ thể, GV có nghĩa vụ thực hiện giờ giảng dạy, NCKH và công tác khác theo định mức mỗi năm: Giảng dạy: 350 giờ chuẩn; NCKH: 120 giờ chuẩn; Công tác khác: 60 giờ chuẩn **[H6.06.02.03]**. Các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV trong phạm vi toàn trường. Bên cạnh hoạt động chuyên môn, GV đã tham gia vào các hoạt động cộng đồng khác như: mùa hè xanh, hoạt động thiện nguyện, hiến máu nhân đạo,... **[H6.06.02.04]**.

Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD. Theo thống kê, chỉ số quy đổi thời gian làm việc toàn phần (FTEs) của GV Khoa trung bình là 0,7 trong giai đoạn 2019-2024, tổng giờ của KKT đã thực hiện trung bình là 8.382 giờ/năm. Tỷ lệ phần trăm có bằng TS tăng dần và đến 2023 đạt 12,5% **[H6.06.02.05(1)]**. Kết thúc mỗi học kỳ, KKT tiến hành họp để tổng kết khối lượng giảng dạy, NCKH trên cơ sở đối chiếu với kết quả thống kê khối lượng giảng dạy của Phòng QLĐT và xác nhận từ GV **[H6.06.02.05(2)]**. Qua đó, xác định được tỷ lệ vượt giờ của GV và có kế hoạch phân công khối lượng giảng dạy, nhiệm vụ NCKH và công tác khác theo công việc cụ thể cho GV ở học kỳ tiếp theo **[H6.06.02.06]**, **[H6.06.02.07]**.

Việc đánh giá GV được thực hiện định kỳ hằng tháng qua thông qua bảng tự đánh giá kết quả xếp loại chất lượng công việc dựa trên bản mô tả công việc của GV **[H6.06.02.08]**. Sau khi GV tự đánh giá, Trưởng khoa đánh giá, xác nhận vào Phiếu đánh giá xếp loại kết quả lao động. Kết quả đánh giá được chuyển về Phòng TCHC để xếp loại thi đua khen thưởng cho GV. Cuối mỗi năm học, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét kết quả thi đua cho các cá nhân và tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ mục tiêu của năm **[H6.06.02.09]**.

2. Điểm mạnh

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát cụ thể làm căn cứ để có kế hoạch phân công, giám sát và kiểm tra chuyên môn định kỳ nhằm cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Việc đánh giá GV có tiêu chí rõ ràng, cụ thể tạo điều kiện để GV có những điều chỉnh phù hợp và tạo được động lực phát triển cho GV.

3. Điểm tồn tại

Khối lượng giờ NCKH của GV chưa cao so với định mức, việc đo lường các nhiệm vụ PVCD chưa có những tiêu chí cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường, KKT tiếp tục đẩy mạnh hoạt động KHCN và PVCD hướng theo chiến lược phát triển của Trường, chiến lược phát triển khoa đến

năm 2030.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT xây dựng các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ PVCD và nhiệm vụ chuyên môn khác của GV, triển khai thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh để khuyến khích, hỗ trợ GV trong Khoa tham gia hoạt động NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2018, Trường ĐHXDMT có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng, cụ thể, trong đó chú trọng các tiêu chí trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, thâm niên giảng dạy, NCKH, khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH. Quy chế tuyển dụng đã quy định rõ các tiêu chuẩn chung và tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng và lựa chọn GV [H6.06.03.01].

Đối với bổ nhiệm và quy hoạch cán bộ, Trường ĐHXDMT đã xây dựng, ban hành các tài liệu/văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên để bổ nhiệm, điều chuyển. Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được phổ biến và thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Trường; gửi thông báo về các đơn vị trong Trường, đăng tải trên báo chí và website khi có các đợt tuyển dụng tập trung [H6.06.03.02] (mtu.edu.vn/Default.aspx?ArticleId=20f0055a-61a9-45e2-ab78-2d31507b0986).

Căn cứ quy mô tuyển sinh hằng năm, các HP trong CTĐT ngành KT, nhu cầu đào tạo bồi dưỡng đội ngũ (sau khi dự giờ, đánh giá của đồng nghiệp, góp ý của bộ môn), KKT có kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng một số vị trí nhân sự của Khoa trình BGH phê duyệt [H6.06.03.03]. Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước. Để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan và có sự đồng thuận tập thể. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các khoa chuyên môn có liên quan. Ngoài ra, Trường còn có chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả tuyển dụng được công khai trên website của KKT và Trường [H6.06.03.04].

Trong các thông báo tuyển dụng hằng năm từ 2019 - 2023 của Trường, tiêu chuẩn

đối với từng vị trí tuyển dụng và quy trình tuyển dụng được nêu chi tiết, công khai. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy trước Hội đồng duyệt giảng cấp Khoa và cấp Trường. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng ở bộ môn và giảng thử tại bộ môn trước khi lên lớp chính thức. Trong 01 năm tập sự, khoa sẽ cử 01 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự **[H6.06.03.04]**.

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV của chương trình KT được thực hiện theo Quy định nêu trên; việc bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp cho GV vào các ngạch bậc GV chính, GV cao cấp có được thực hiện theo quy định của Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các CSGD ĐH công lập, quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ Xây dựng và của Trường ĐHXDMT. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn **[H6.06.03.05]**.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai. Các GV được tuyển dụng, lựa chọn đều đáp ứng các tiêu chí của Trường ĐHXDMT.

3. Điểm tồn tại

Hàng năm, thông báo tuyển dụng được phổ biến, công khai đa dạng, nhưng số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển ở các đợt tuyển dụng của Trường vẫn còn hạn chế. Do đó, việc tuyển dụng thêm GV đáp ứng tiêu chí đúng chuyên ngành được đào tạo thường gặp khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyển dụng GV, tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định, có quy trình tuyển dụng rõ ràng.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT tiếp tục rà soát chỉ tiêu GV, tham mưu Trường đổi mới phương thức, hình thức thông báo tuyển dụng nhằm tăng số lượng ứng tuyển.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của CTĐT ngành KT, đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và

đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ GV còn gọi là KPIs, bao gồm các năng lực thực hiện các nhiệm vụ của GV: Năng lực NCKH; năng lực phát triển CTĐT; năng lực giảng dạy; năng lực giám sát và TĐG chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng. Cụ thể, yêu cầu mỗi GV hằng năm phải có ít nhất 1 bài báo khoa học đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo có chỉ số hoặc tham gia 1 đề tài NCKH các cấp. Mỗi tiến sĩ hằng năm đều có công bố bài báo trên các tạp chí, kỷ yếu hội thảo có tính điểm. Mỗi GV trẻ trong 3 năm đầu tuyển dụng đều phải có công bố đầu tay trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo có tính điểm. Trường quy định rõ năng lực của GV trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường; Quy chế tuyển dụng và Bản mô tả công việc của vị trí việc làm CB, GV, NV; Quy định tiêu chuẩn về chế độ làm việc đối với viên chức, NLĐ; Quy định về quản lý hoạt động KHCN trong Trường ĐHXDMT **[H6.06.04.01(1,2)]**.

Năng lực của GV được xác định qua chỉ báo về năng lực chuyên môn (kiến thức, kỹ năng giảng dạy); năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH (ĐCCT HP và viết giáo trình); năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giáo dục, KTĐG phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR; năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học; sáng kiến cải tiến, áp dụng vào trong giảng dạy; năng lực dạy NH tự học, tự nghiên cứu; năng lực hướng dẫn và đánh giá luận văn; năng lực hoạt động xã hội, PVCD. Năng lực NCKH được xác định thông qua việc viết báo cáo khoa học, giáo trình, sách; công bố các kết quả nghiên cứu, chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; khả năng hướng dẫn NH thực hiện đồ án chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp. Đội ngũ GV cũng rất tích cực tham gia NCKH và có nhiều công trình khoa học có chất lượng. Như vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc **[H6.06.04.01 (3)]**.

Trong giai đoạn 2019 - 2023, việc nâng cao và đánh giá năng lực đội ngũ GV trong công tác giảng dạy và NCKH, được Trường ĐHXDMT xác định rõ trong Quy định chế độ làm việc của GV. Trường ban hành Bộ tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện công việc, trong đó, nêu rõ quy trình đánh giá, hình thức đánh giá; sử dụng kết quả đánh giá. Đồng thời, Trường xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực đội ngũ CB, GV và NV và tổ chức nhiều chương trình bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn phương pháp giảng dạy **[H6.06.04.02(1,2)]**.

Việc đánh giá năng lực của GV được căn cứ trên kết quả công việc được giao như khối lượng, chất lượng giảng dạy, NCKH, tiến độ và hiệu quả của công việc trong từng năm học; thực hiện và hướng dẫn thực hiện hoạt động xã hội, PVCD. Hằng năm, Trường thực hiện đánh giá năng lực của GV qua các hình thức: Đánh giá chất lượng giảng dạy của GV qua quá trình dạy học, dự giờ theo từng học kỳ và kiểm tra hồ sơ chuyên môn

của GV, qua phản hồi của NH, cựu NH, NTD và kết quả thanh tra kiểm tra của Nhà trường; đánh giá hoạt động NCKH của GV qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH như: các bài báo quốc tế, kết quả đánh giá các đề tài NCKH của Hội đồng nghiệm thu, đánh giá các sách chuyên khảo, giáo trình, các sản phẩm khoa học được ứng dụng của GV; các công bố khoa học; qua kết quả hướng dẫn đồ án tốt nghiệp. Bên cạnh việc đánh giá năng lực của GV, cuối mỗi năm học, tất cả GV được đánh giá, xếp loại. Kết quả đánh giá năng lực được xem xét để có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng; khen thưởng hoặc phân loại; đề cập nhắc bổ nhiệm và xét lên lương trước thời hạn **[H6.06.04.09]**. Trong giai đoạn đánh giá, 100% GV trong KKT đều đạt từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên **(Bảng 6.8-Phụ lục 4)**.

Mỗi học kỳ, phòng KT&ĐBCL khảo sát ý kiến phản hồi của NH về hoạt động đào tạo. Trong giai đoạn 2019-2024, kết quả đánh giá của NH đều cho thấy các hoạt động giảng dạy của KKT đã đáp ứng được nhu cầu học tập của NH, và mức hài lòng trung bình của NH trên 95% về hoạt động giảng dạy của GV **[H6.06.04.08(2)]**.

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Việc đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động đánh giá đồng nghiệp chưa được triển khai thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT tiếp tục đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT triển khai kết hợp nhiều hình thức khác nhau để đánh giá đồng nghiệp đối với GV.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, Trường ĐHXDMT có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CB, GV, NV để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GV **[H6.06.05.01]**. Qua đó, thông qua các buổi họp tổng kết năm, KKT quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn cho GV **[H6.06.05.02(1,2)]**. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ GV của khoa luôn bám sát quy định về đào tạo, bồi dưỡng của Trường **[H6.06.05.02(3,4)]**.

Hàng năm, KKT hợp tổng kết, đánh giá năng lực GV, căn cứ vào kế hoạch đào tạo bồi dưỡng; tiêu chí về trình độ, năng lực đội ngũ, GV tự nguyện đăng kí nhu cầu đào tạo bồi dưỡng, hoặc Khoa chỉ định CB, GV phải đi đào tạo bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu CTĐT, NCKH; sau đó, Khoa lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của đơn vị chuyển cho Phòng TCHC tổng hợp thành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chung của Trường. Giai đoạn 2019 - 2023, 100% GV của ngành KT có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; văn bằng; hơn 60% GV được bồi dưỡng về công tác kiểm định chất lượng, 100% số GV được đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường và kết quả đánh giá đội ngũ GV sau các khoá đào tạo bồi dưỡng cho thấy 100% đáp ứng yêu cầu của CTĐT. Tổng kinh phí dành cho đào tạo bồi dưỡng của Nhà trường (2019-2024) là 2.984.717.460 đồng **[H6.06.05.04(1,2)]** **[H6.06.05.05]**.

Bên cạnh đó, Trường và KKT có chính sách và biện pháp tạo điều kiện cho cán bộ quản lý và GV tham gia các hoạt động chuyên môn ở trong nước và nước ngoài **[H6.06.05.06(1,2,3)]**. Trường và KKT công khai thông báo các chương trình học bổng nước ngoài nhằm tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ tham gia dự tuyển. Chương trình ngành KT luôn khuyến khích GV phối hợp, liên kết nghiên cứu với các GV từ các trường ĐH có uy tín từ nước ngoài để nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy và học tập tại chương trình. GV trong chương trình thường xuyên liên kết nghiên cứu với các GV, nhà khoa học từ các trường ĐH có uy tín **[H6.06.05.06(5)]** **[H6.06.05.07]**.

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát, đánh giá hàng năm. Phòng TCHC giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, theo dõi quá trình thực hiện công tác đào tạo bồi dưỡng từ việc xây dựng và ban hành các quy định, lập kế hoạch, thực hiện so với kế hoạch, đánh giá kết quả đào tạo bồi dưỡng, việc sử dụng kết quả đào tạo bồi dưỡng **[H6.06.05.08(1,2)]**; khảo sát nhu cầu, đánh giá kết quả đào tạo bồi dưỡng. Kết quả đào tạo bồi dưỡng là một trong tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của CB, GV và sử dụng để xét thi đua khen thưởng hàng năm **[H6.06.05.09(1,2,3)]**.

2. Điểm mạnh

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được xác định rõ ràng thông qua kế hoạch hàng năm. Các khóa đào tạo, bồi dưỡng được triển khai đa dạng, đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực chuyên môn của GV.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường, KKT chưa đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/ đợt tập huấn/ đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT tham mưu Trường tiếp tục đẩy mạnh xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng TCHC, Khoa tiến hành đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo và sử dụng kết quả này để hoạch định và triển khai kế hoạch tiếp theo.

5. *Tự đánh giá:* Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. *Mô tả hiện trạng*

Hàng năm, KKT xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai công việc của GV trong hoạt động giảng dạy, NCKH cũng như các công việc liên quan được Khoa và Trường xác định rõ ràng bằng các tiêu chí cụ thể, chức năng, nhiệm vụ của GV phải đáp ứng mức tối thiểu theo quy định của Trường **[H6.06.06.01(1,2)]** và bảng mô tả công việc của GV **[H6.06.06.02]**. Từ đó, KKT phân công công việc cụ thể cho từng GV theo năm học **[H6.06.06.03]**.

Từ năm 2022, Trường triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc. Theo Quy chế thi đua khen thưởng của Trường, việc quản trị theo kết quả công việc của GV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực hỗ trợ cho đào tạo **[H6.06.06.04]**. Việc đánh giá công việc của GV được thực hiện theo các bước: định kỳ hằng tháng GV thực hiện báo cáo công việc và đưa ra kế hoạch làm việc cho tháng tiếp theo để Trưởng Bộ môn, Lãnh đạo Khoa theo dõi, quản lý công việc, GV tự đánh giá kết quả lao động hằng tháng và làm cơ sở để đánh giá theo năm và Lãnh đạo Khoa xác nhận **[H6.06.06.05(1,2)]**.

Kết quả công việc của GV được triển khai để tạo động lực hỗ trợ NCKH: Khối lượng giờ dạy, NCKH và công tác khác mỗi học kỳ của GV **[H6.06.06.06]** (**Bảng 6.8- Phụ lục 4**). Qua đó, KKT tiến hành đánh giá năng lực GV thông qua hoạt động dự giờ, kiểm tra chuyên môn định kỳ và theo dõi phản hồi của NH liên quan đến phương pháp giảng dạy của GV **[H6.06.06.07]**.

GV hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua, khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền. Khi xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc, Trường và Khoa lấy ý kiến đóng góp của GV để việc đánh giá được khách quan, dân chủ và phản ánh đúng năng lực, hiệu quả công việc của GV. Việc phản hồi, đóng góp ý kiến được thực hiện theo quy định của Trường. Theo kết quả khảo

sát sự hài lòng của GV trong năm 2023, 98% GV hài lòng với các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên **[H6.06.06.08]**. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV đang được triển khai tại Trường và KKT giúp tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ **[H6.06.06.09]**.

Hằng năm, KKT họp GV để thống nhất lấy ý kiến bình xét thi đua theo đúng quy định của Trường và gửi kết quả cho Hội đồng thi đua - khen thưởng cấp trường để bình xét kết quả thi đua cuối năm. Bên cạnh đó, việc đánh giá chuyên môn, phương pháp sư phạm của GV qua các hoạt động dự giờ, khảo sát ý kiến SV, kiểm tra chuyên môn định kỳ góp phần thúc đẩy GV nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Đối với GV có tham gia các hoạt động cộng đồng sẽ được Khoa và Trường hỗ trợ kinh phí, khen thưởng khuyến khích **[H6.06.06.10]**.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHXDMT có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV, không chỉ giúp tạo động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của GV hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Trong giai đoạn 2019 - 2023, việc quản trị công việc của CB, GV, NV về hoạt động PVCĐ còn chưa rõ nét như hoạt động đào tạo và NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT tham mưu Trường tiếp tục tăng cường nhiều chính sách khen thưởng, động viên kịp thời, tạo động lực cho GV hoàn thành khối lượng công việc theo quy định.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tiếp tục duy trì các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động PVCĐ. KKT đề xuất, tham mưu Trường chính sách về cơ chế phối hợp nghiên cứu, đăng tải công trình nghiên cứu giữa các bộ môn và các GV của khoa, tổ chức và khuyến khích GV trong Khoa tham gia đa dạng các hoạt động PVCĐ.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2019, Trường ĐHXDMT ban hành văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện theo năm học. Theo đó, số

giờ nghỉ vụ NCKH của GV là 120 giờ chuẩn mỗi năm, được tính trên các hoạt động nghiên cứu trong trường và ngoài trường. Nếu số giờ NCKH vượt trên mức tối thiểu quy định, GV sẽ được thanh toán phần vượt trên. Ngoài ra, đối với GV có bài báo quốc tế thuộc danh mục có chỉ số công bố định kỳ, Trường có chính sách hỗ trợ kinh phí thông qua tính giờ chuẩn từ 90 đến 450 giờ trên mỗi bài báo tùy theo danh mục và xếp hạng của tạp chí. GV tham gia biên soạn và cập nhật giáo trình sẽ được thanh toán theo Quy chế chi tiêu nội bộ Trường **[H6.06.07.01(1,2,3,4)]**.

Cụ thể, hoạt động NCKH được quản lý bởi Viện KH&HTQT và các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được quy định và hướng dẫn cụ thể trong các văn bản của Trường **[H6.06.07.02]**. Ngoài ra, Hội đồng khoa học KKT với 7 thành viên được thành lập bao gồm các thành viên đánh giá chuyên môn và thư ký Hội đồng, có nhiệm vụ định hướng và triển khai các hoạt động NCKH của Khoa **[H6.06.07.03]**. Để hoạt động NCKH được đa dạng và thúc đẩy việc trao đổi học thuật, KKT cũng quan tâm và khuyến khích GV tham dự hội thảo NCKH, viết bài NCKH ở các trường khác có đào tạo ngành KT trong và ngoài nước, các hoạt động này được công khai trên website của Khoa (mtu.edu.vn/Default.aspx?PageId=826db80a-2083-4eb0-8839-495d72a00865).

Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV được giám sát và đối sánh hằng năm để cải tiến chất lượng hoạt động NCKH: Nhằm cải tiến chất lượng hoạt động NCKH của GV, Trường luôn quan tâm, giám sát và đối sánh hằng năm, từ đó, có những điều chỉnh kịp thời định mức thời lượng hoạt động NCKH cũng như các chính sách khen thưởng cho GV. Hằng tháng, KKT tổ chức các sinh hoạt chuyên đề chuyên ngành cấp Khoa và Trường để các GV có điều kiện trao đổi lẫn nhau về chuyên môn **[H6.06.07.04(1)]**. Bên cạnh đó, GV KKT cũng tham gia viết bài đăng tạp chí trong và ngoài nước **[H6.06.07.04(3)]**. Hằng năm, việc khảo sát ý kiến phản hồi về hoạt động NCKH của các BLQ cũng được Viện KH&HTQT triển khai nhằm nâng cao chất lượng NCKH **[H6.06.07.04(3)]** Khoa cũng đã tham gia các Kỷ yếu hội thảo cấp vùng và quốc tế do Trường ĐHXĐMT tổ chức, trong đó có 06 công trình nghiên cứu của GV cơ hữu của Khoa. Ngoài ra, KKT thường xuyên phối hợp với Trường và các doanh nghiệp tổ chức các buổi tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH **[H6.06.07.05]** phù hợp với xu hướng nghiên cứu mới và các định hướng phát triển KHCN trong tương lai. Việc quản lý đề tài NCKH được thực hiện theo quy định chung của Trường **[H6.06.07.06]**.

Kết quả NCKH của GV có sự cải tiến về chất lượng và số lượng qua từng năm. Bên cạnh các công trình nghiên cứu được công bố trong nước, từ năm 2020, GV trong KKT đã có những bài nghiên cứu được đăng trên các tạp chí quốc tế. Theo kết quả

thống kê trong giai đoạn đánh giá, KKT có 125 bài báo trong nước, 9 bài báo quốc tế, 03 đề tài cấp trường (**Bảng 6.9-Phụ lục 4**). Năm học 2022 - 2023, KKT có 12 đề tài, nhiều bài nghiên cứu được đăng trên các tạp chí chuyên ngành (Tạp chí Xây dựng, Tạp chí KT, Tạp chí Vật liệu xây dựng, Tạp chí Quy hoạch Xây dựng). Bên cạnh đó, mỗi GV tự trang bị tài liệu hướng dẫn học tập như giáo trình, sách hướng dẫn trong công tác giảng dạy. 100% GV Khoa tham gia viết bài tham luận hội thảo trong và ngoài trường, nhiều bài tham luận được lựa chọn đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế.

Bảng 6.7.1. Thống kê số lượng đề tài NCKH qua các năm

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2018	2019	2020	2021	2022	Tổng
			-	-	-	-	-	(đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	2019	2020	2021	2022	2023	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	0	2	1	0	1,5
4	Tổng		0	0	2	1	0	1,5

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Bảng 6.7.2. Số lượng bài báo của GV qua từng năm

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	3	1	1	0	1	9
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	3	4	15	11	1	35
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	14	15	15	12	8	64
	Tổng							

Một số đề tài NCKH của GV được ứng dụng vào công tác giảng dạy và nội dung học tập của SV:

Bảng 6.7.3. Số lượng các đề tài NCKH ứng dụng vào công tác giảng dạy

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	6	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

2. Điểm mạnh

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV KKT được cải tiến hằng năm. Hoạt động NCKH của GV đa dạng về nội dung và hình thức, Trường ĐHXDMT có chính sách thu hút GV tham gia viết bài trên các tạp chí quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Số lượng GV KKT có bài NCKH được đăng trên tạp chí quốc tế còn ít, GV chưa chú trọng đăng ký và tham gia các đề tài NCKH cấp trường.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tiếp tục xây dựng hoàn thiện quy chế tính giờ NCKH rõ ràng, chi tiết và minh bạch, ngoài ra việc thống kê tính giờ NCKH được thực hiện nghiêm túc, công bằng hằng năm, góp phần tạo sự hài lòng, phát triển, sự đồng thuận trong toàn đơn vị.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT khuyến khích các GV tham gia nhiều hơn vào công trình NCKH từ cấp trường trở lên và tăng cường đăng tải kết quả công trình khoa học lên các tạp chí trong nước và quốc tế có chỉ số cao. Đồng thời kiến nghị Trường ĐHXDMT đa dạng chính sách hỗ trợ cho các GV có nhiều công trình NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Những điểm mạnh nổi bật:

Công tác quy hoạch đội ngũ được thực hiện đồng bộ từ Trường ĐHXDMT đến KKT. Đã xây dựng đầy đủ kế hoạch phát triển nhân sự của Trường ĐHXDMT và của KKT qua các giai đoạn. Các kế hoạch tuyển dụng được xây dựng, căn cứ vào báo cáo đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của từng đơn vị để đáp ứng tốt các yêu cầu về ĐT,

NCKH và PVCĐ. Có chính sách nhân sự trong đó thể hiện rõ các quyền lợi về thu nhập, cơ hội thăng tiến và phúc lợi khác cho GV. Tỷ lệ GV/NH của CTĐT đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ ĐH theo quy định. Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV được hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện. Có quy định về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV hướng tới việc cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Có đầy đủ quy định về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Các quy định này được lấy ý kiến của toàn thể CB-GV-NV và được thông báo công khai. Có quy định xác định năng lực của GV thông qua các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác bên cạnh yêu cầu về khối lượng công việc. Chất lượng công việc được đánh giá thông qua các tiêu chí về hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Công tác đánh giá chất lượng công việc của đội ngũ GV được thực hiện định kỳ hằng năm. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định thông qua khảo sát hằng năm và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. Đội ngũ GV tích cực tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng do Trường ĐHXĐMT triển khai và cũng chủ động tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Có hệ thống quy định, quy trình để đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của GV. Các quy định này được Nhà trường bổ sung, hiệu chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể, đáp ứng được các yêu cầu, nguyện vọng của CBVC trong toàn Trường. Công tác đánh giá hiệu quả công việc của GV triển khai rất nghiêm túc, hiệu quả, tạo động lực hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Những tồn tại cơ bản:

Công tác quy hoạch đội ngũ GV có học hàm là GS, PGS còn ít. Việc đánh giá chất lượng công việc của GV ở cấp độ Khoa chưa triệt để bám sát các tiêu chí chất lượng đã ban hành trong các quy chế trả lương. Do đó, công tác đánh giá chất lượng vẫn theo xu hướng đánh giá khối lượng hoàn thành công việc. Hoạt động đánh giá đồng nghiệp chưa được triển khai thường xuyên. Nhà trường, KKT chưa đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/ đợt tập huấn/ đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,0 điểm. Số tiêu chí đạt: 7/7. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ NV giữ vị trí và vai trò quan trọng trong nhiều hoạt động của Trường ĐHXĐMT và KKT. Đội ngũ NV của Trường bao gồm: thư ký khoa và NV các phòng, viện, trung tâm, ban liên quan như Trung tâm TT-TV, Phòng QT&TB,... Đội ngũ này có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ của GV, SV.

Từ đó, Trường ĐHXDMT chú trọng xây dựng và hoàn thiện các chính sách về tuyển dụng, lựa chọn và quy hoạch đội ngũ NV của Trường, KKT. Hằng năm, chất lượng đội ngũ NV không ngừng nâng cao thông qua các chương trình, kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng và thông qua việc tổ chức thường xuyên những hoạt động đánh giá khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan nhằm kịp thời điều chỉnh, hướng đến mục tiêu đạt được chất lượng hỗ trợ tốt nhất. Ngoài ra, Trường ban hành nhiều chính sách khen thưởng và công nhận những tập thể và cá nhân hoàn thành tốt công việc được giao nhằm tạo động lực cho đội ngũ NV làm việc tích cực, hiệu quả hơn.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thực hành nghề, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Chiến lược phát triển của Trường ĐHXDMT giai đoạn 2020 - 2025 tầm nhìn 2030 theo Quyết định số 02/QĐ-HĐTTĐHXDMT ngày 21/02/2020 đã xây dựng Quy hoạch phát triển đội ngũ CB, NV là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ NV hỗ trợ của Trường [H7.07.01.01(1)]. Đây là cơ sở để KKT phát triển và đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và hoạt động PVCĐ theo chiến lược phát triển Khoa [H7.07.01.01(2)].

Hằng năm, Trường ĐHXDMT xây dựng kế hoạch tuyển dụng để lựa chọn đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ chung để làm tốt công tác quy hoạch [H7.07.01.02(1,2)]. Công tác tuyển dụng được cụ thể hóa trong Quy chế tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, lao động, tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp [H7.07.01.03]. Mỗi vị trí công việc được mô tả chi tiết trong Bản mô tả vị trí công việc của NV [H7.07.01.04]. Trong công tác quản lý dạy và học, Phòng QLĐT phân công cán bộ chuyên trách công tác quản lý học tập và tổ chức lớp học, hỗ trợ đắc lực cho Trường, Khoa, GV và NH. Thư ký Khoa và cán bộ chuyên trách có đủ năng lực và trình độ chuyên môn để hoàn thành tốt các hoạt động hỗ trợ này [H7.07.01.04].

Đến năm 2023, KKT đã xây dựng đội ngũ GV kiêm nhiệm hỗ trợ công tác như: đội ngũ cố vấn học tập, công tác Đoàn và phong trào thanh niên (05 GV), CĐ bộ phận (02 GV). KKT phân công thư ký trực khoa giờ hành chính đảm bảo giải đáp thắc mắc, kịp thời hỗ trợ GV, NH công tác liên quan. Phòng QLĐT, Viện KH&HTQT, Đoàn Thanh niên phân công cán bộ chuyên trách hỗ trợ NH các công tác liên quan đến học tập, NCKH và các hoạt động phong trào của NH. Đội ngũ NV hỗ trợ của KKT và cán bộ chuyên trách các đơn vị làm việc giờ hành chính, thậm chí ngoài giờ, tăng ca để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao nhằm hỗ trợ tốt nhất việc học tập, NCKH và ngoại

khoá của NH **[H7.07.01.04]**.

Bên cạnh đội ngũ cán bộ hỗ trợ, GV của KKT và NH được hỗ trợ về tài liệu, thông tin thông qua đội ngũ nhân viên kỹ thuật của Trung tâm TT-TV, NV hỗ trợ từ các phòng ban khác như: Phòng CTCTSV và Ban Thanh tra Pháp chế, Phòng KT&ĐBCL,... Các phòng ban được bố trí đủ số lượng cán bộ, đáp ứng được nhu cầu về năng lực và phẩm chất công tác trong các hoạt động hỗ trợ NH **[H7.07.01.04]**. Đến năm 2023, số lượng nhân viên Thư viện phục vụ ngành KT là 02 người. Đội ngũ nhân viên thư viện của Trường có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu sách báo của bạn đọc. Trung tâm TT-TV thành lập từ năm 2018, là đơn vị tham mưu giúp lãnh đạo Trường quản lý thư viện, triển khai ứng dụng KHCN và tổ chức hoạt động thu thập, khai thác, lưu trữ cung cấp thông tin tư liệu phục vụ giảng dạy, học tập, đào tạo, NCKH của Trường (**Bảng 7.2-Phụ lục 4**).

Đội ngũ NV hỗ trợ Nhà trường đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ và có sự phân công công việc cho từng NV một cách rõ ràng, chi tiết theo chuyên môn, nghiệp vụ. Trong giai đoạn đánh giá, số lượng NV được tuyển dụng là 24 người, nghỉ hưu 09 người. Đội ngũ NV hỗ trợ của Trường đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ **[H7.07.01.04]**.

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, hằng năm, Trường khảo sát ý kiến đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ NV từ GV và NH. Kết quả khảo sát thể hiện trong bảng 7.1 dưới đây, trong đó nội dung được đánh giá cao nhất là Tư vấn, hướng dẫn một cách rõ ràng, cụ thể và đúng theo quy định **[H7.07.01.05(1,2)]**.

Bảng 7.1. Kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và NH về các hoạt động hỗ trợ SV thể hiện

Stt	Tiêu chí đánh giá	Đánh giá của GV (% Đồng ý)	Đánh giá của NH (% Đồng ý)
1	Thái độ làm việc cởi mở, thân thiện, nhiệt tình, tôn trọng đồng nghiệp	98,9	96,2
2	Tư vấn, hướng dẫn một cách rõ ràng, cụ thể và đúng theo quy định	99,9	96,6
3	Phương pháp làm việc năng động, giải quyết công việc kịp thời, hiệu quả	99	96,6
4	Mức độ hài lòng về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên, kỹ	97,8	96,5

Stt	Tiêu chí đánh giá	Đánh giá của GV (% Đồng ý)	Đánh giá của NH (% Đồng ý)
	thuật viên		
5	Hoạt động của các đơn vị đáp ứng tốt yêu cầu công việc	95,6	

Năm 2018, 2020 và 2022, Trường ĐHXDMT xây dựng Đề án vị trí việc làm, kế hoạch triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Trên cơ sở Đề án vị trí việc làm được phê duyệt, Trường xây dựng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và hội nhập quốc tế, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ **[H7.07.01.02(2)]**. Bên cạnh đó, việc quy hoạch đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, quản lý hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ thông qua chính sách thu hút, tuyển chọn, phát triển đội ngũ **[H7.07.01.06], [H7.07.01.07]**.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ NV Trường ĐHXDMT có trình độ và kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu từng chức danh, vị trí công việc tại các đơn vị. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của NV không ngừng được hoàn thiện nhờ công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên. Việc giải đáp thắc mắc của SV được thực hiện tích cực bởi đội ngũ NV, giúp SV học tập và rèn luyện tốt hơn.

3. Điểm tồn tại

Trường có chính sách, chế độ phù hợp trong việc quy hoạch tuyển dụng đội ngũ NV các đơn vị. Tuy nhiên, các chính sách chưa thực sự phù hợp để đảm bảo sự ổn định về số lượng NV của các đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tiếp tục xây dựng đội ngũ CB thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ NH thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT ngành.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường thực hiện rà soát định kỳ việc quy hoạch đội ngũ NV tại các đơn vị để có kế hoạch phân bổ, cơ cấu NV đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả của công việc hỗ trợ. Đồng thời, KKT phối hợp với Phòng QLĐT đề xuất Trường triển khai khảo sát nhu cầu thị trường lao động nhằm đề ra những giải pháp, chính sách thu hút, tuyển dụng nhân sự trình độ cao; tiến tới mục tiêu đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2019, Trường ĐHXDMT quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV nhằm ĐBCL của công tác tuyển dụng. Trường ban hành nhiều văn bản cụ thể, chi tiết quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ NV. Theo đó, đội ngũ NV phải đáp ứng các tiêu chí về phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhiệm công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Cụ thể, Quy định tuyển dụng Trường ĐHXDMT ban hành kèm theo Quyết định số 553/QĐ-ĐHXDMT ngày 31/12/2019, điều kiện chung của người đăng ký dự tuyển bao gồm các tiêu chí như sau: có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam; từ đủ 18 tuổi trở lên; có đơn đăng ký dự tuyển; có lý lịch rõ ràng; có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu, kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm; đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ **[H7.07.02.01(1)]**. Đối với các chức danh cụ thể như cán bộ quản lý, NV học vụ - đào tạo, GV, thư ký,... Trường quy định những tiêu chí tuyển dụng riêng nhằm đảm bảo tuyển dụng nguồn nhân lực phù hợp với chuyên môn và yêu cầu vị trí, công việc. Quy trình tuyển dụng thể hiện trên website Phòng TCHC (mtu.edu.vn/Default.aspx?ArticleId=20f0055a-61a9-45e2-ab78-2d31507b0986). Đội ngũ NV được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đúng theo tiêu chí và trình tự, thủ tục được thể hiện trong những quy định đã được ban hành **[H7.07.02.01(2)]**. Theo đó, NV đáp ứng các tiêu chí trong văn bản Quy định tuyển dụng và tuyển dụng theo quy trình chặt chẽ. Trường đã xây dựng và ban hành Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc cho từng vị trí việc làm, và quy định tuyển dụng nhằm giúp NV nắm rõ được các quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV, trách nhiệm và quyền lợi của mình, để từ đó hoàn thành tốt công việc hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCĐ **[H7.07.02.02]**. Qua đó, đội ngũ NV của Trường và Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển theo đúng các kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV của Trường với quy trình chặt chẽ, ĐBCL và đảm bảo phù hợp với vị trí công việc **[H7.07.02.03(1,2)]**.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan. Đối với từng nhóm NV, các tiêu chí tuyển dụng được quy định cụ thể trong bản mô tả công việc như sau **[H7.07.02.04]**:

i) Chức danh thuộc cán bộ quản lý (trừ chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng): Có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, chuyên môn phù hợp nhu cầu từng vị trí (có giới hạn về độ tuổi), có trình độ tiếng Anh, vi tính, sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc.

ii) Chức danh NV các đơn vị thuộc khối hành chính: có phẩm chất đạo đức tốt,

trình độ, chuyên môn phù hợp với vị trí công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc, kinh nghiệm, thái độ tích cực và cầu tiến,...

iii) Chức danh GV các khoa: có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ ThS trở lên, chuyên môn phù hợp với vị trí công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc, kinh nghiệm, thái độ tích cực và cầu tiến,... **[H7.07.02.05]**.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV nói trên được xây dựng trên cơ sở phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan nhằm đảm bảo tính thiết thực và hiệu quả của các vị trí việc làm **[H7.07.02.06]**. Việc tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm NV được thực hiện theo đúng Nội quy lao động của Trường phù hợp với quy định pháp luật **[H7.07.02.07]**; được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường nhằm đảm bảo quyền lợi cho NV. Ngoài ra, nhằm hỗ trợ cho công tác tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng, căn cứ vào Chiến lược phát triển của Trường và KKT, các tiêu chí tuyển dụng được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng **[H7.07.02.08]**. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển được xác định dựa trên ý kiến của các BLQ.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng trong quy định, được công bố và phổ biến rộng rãi. Các tiêu chí tuyển dụng NV được điều chỉnh kịp thời, cập nhật thường xuyên để phù hợp với nhu cầu thực tế.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa khảo sát, đánh giá cụ thể mức độ hiểu biết về tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV của đội ngũ NV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tiếp tục phổ biến công khai các tiêu chí tuyển chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển rộng rãi trên các kênh thông tin đại chúng và thời gian đăng tuyển dài hơn.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024-2025 Phòng TCHC phối hợp Phòng KT&ĐBCL triển khai khảo sát, đánh giá mức độ hiểu biết về tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV của đội ngũ NV.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

KKT, các đơn vị xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ NV hỗ trợ theo chất

lượng công việc, trình tự từ cấp Bộ môn, cấp Khoa/đơn vị đến cấp Trường theo các thông báo hướng dẫn xét thi đua khen thưởng hằng năm và quy định tiêu chuẩn, chế độ làm việc của CBVC, NLĐ Trường ĐHXDMT **[H7.07.03.01(1,2)]**. Bên cạnh đó, năng lực của đội ngũ NV được xác định và đánh giá thông qua Bảng phân công công việc của đội ngũ NV **[H7.07.03.02]**. Để làm được việc đó đòi hỏi sự đáp ứng về năng lực của đội ngũ CB hỗ trợ để giúp GV và NH hoàn thành nhiệm vụ. Các NV hỗ trợ được quản lý thông qua bằng cấp và lý lịch viên chức cập nhật hằng năm. Hằng năm, năng lực của đội ngũ NV được đánh giá thông qua Bảng tiêu chí năng lực của đội ngũ NV. Trong đó, kết quả đánh giá phản ánh rõ chuyên môn, quá trình công tác và quá trình tự học nâng cao trình độ bằng biểu mẫu tự nhận xét cuối năm của viên chức hành chính **[H7.07.03.03]**. Trong giai đoạn đánh giá, tỉ lệ NV đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là 92% (**Bảng 7.3-Phụ lục 4**).

Kết quả đánh giá được phổ biến cho tất cả NV. Dựa vào đánh giá hằng tháng và kết quả công tác trong năm học, NV hỗ trợ của KKT, các đơn vị được đánh giá phân loại hằng năm nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Việc đánh giá có tiêu chí rõ ràng và cụ thể, các cá nhân đạt thành tích sẽ có Quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng do Hiệu trưởng tặng cho tập thể và các cá nhân **[H7.07.03.04]**. Quy trình đánh giá NV hỗ trợ cuối năm được thực hiện như sau: (i) Làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao; (ii) Quyết định đánh giá, phân loại của trường đơn vị; (iii) Đánh giá cấp đơn vị; (iv) Đánh giá ở Hội đồng cấp Trường.

Kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ NV (tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá) được Trường phổ biến và công khai trước kết thúc mỗi năm học. Kết quả đánh giá NV hỗ trợ của KKT, các đơn vị đạt mức hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Điều đó cho thấy đội ngũ NV hỗ trợ của Khoa, các đơn vị hoàn toàn đáp ứng được các công việc được giao. Theo Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát về chất lượng dịch vụ hỗ trợ, trung bình trong giai đoạn 2019-2024, 96% hài lòng và rất hài lòng với chất lượng phục vụ của đội ngũ NV **[H7.07.03.05]**.

2. Điểm mạnh

Trường có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí rõ ràng để đánh giá năng lực của đội ngũ NV. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ NV hỗ trợ của Trường, Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường.

3. Điểm tồn tại

Năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học của NV hỗ trợ các đơn vị chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tiếp tục điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn đánh giá, phân loại đội ngũ NV hỗ trợ, có chế độ khen thưởng NV hoàn thành tốt nhiệm vụ. Triển khai hiệu quả các chính sách đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ NV về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học để đáp ứng công việc hỗ trợ NH tốt hơn.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường, KKT tiếp tục rà soát, đánh giá năng lực của đội ngũ NV và xây dựng chính sách khuyến khích NV tự trau dồi, nâng cao năng lực.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm duy trì, nâng cao chất lượng đội ngũ CBVC, NLĐ, là điều kiện quyết định để Trường ĐHXDMT thực hiện tốt công tác đào tạo và các hoạt động của Trường. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định, Trường và KKT khuyến khích, tạo điều kiện cho NV hỗ trợ học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về thời gian, kinh phí theo quy định về đào tạo bồi dưỡng và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H7.07.04.05]. Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã tổ chức nhiều khóa bồi dưỡng, tập huấn cho CBVC và NLĐ như nghiệp vụ soạn thảo văn bản hành chính, an toàn lao động, kiến thức quốc phòng-an ninh, tập huấn GV dạy kỹ năng mềm, tổ chức các lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên, tổ chức các khóa tập huấn về ĐBCL, trong đó, KKT có 01 thư ký và 05 GV tham gia [H7.07.04.02].

Việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV hỗ trợ được Trường ĐHXDMT thực hiện có kế hoạch và xác định rõ ràng. Kế hoạch của Trường hoạch định dựa vào kế hoạch đào tạo từ các phòng, viện, ban, khoa và trung tâm [H7.07.04.02(1)], các kết quả đào tạo, bồi dưỡng, danh sách nhân sự thuộc diện quy hoạch [H7.07.04.02(2)]; báo cáo khảo sát nhu cầu học tập bồi dưỡng, nâng cao trình độ của CBVC, NLĐ [H7.07.04.02(3)].

Sau khi thống kê, Trường có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó như các thông báo, kế hoạch tổ chức bồi dưỡng [H7.07.04.03] H7.07.04.06(1,2)]. Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, chuyên môn, ngoại ngữ và tin học. Trường, KKT đã triển khai nhiều hoạt động đào tạo bồi dưỡng để đáp ứng những nhu cầu đó. Các quyết định cử cán bộ tham dự đào tạo được gửi đến KKT và các đơn vị để theo dõi, đánh giá công tác đào tạo [H7.07.04.04] H7.07.04.07].

Định kỳ, người được cử đi học báo cáo kết quả đào tạo cho Trường để giám sát và có biện pháp kịp thời xử lý. CBVC, NLĐ được cử đi học tập nâng cao chuyên môn,

ng nghiệp vụ có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập và áp dụng vào công tác. Trong giai đoạn đánh giá, KKT có 80 lượt NV hỗ trợ tham gia tập huấn, bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ **[H7.07.04.08] (Bảng 7.4-Phụ lục 4).**

2. Điểm mạnh

Trường ĐHXDMT đã xây dựng kế hoạch đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ NV. Công tác đào tạo, bồi dưỡng NV luôn được Trường quan tâm, đầu tư. Bên cạnh NV hỗ trợ của KKT, đội ngũ kỹ thuật viên, NV của Nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp, hỗ trợ có hiệu quả công tác giảng dạy, học tập và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa khảo sát ý kiến về kết quả áp dụng các nội dung đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn vào công việc của NV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tiếp tục giám sát, đánh giá hiệu quả các loại hình đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, tập huấn, tọa đàm, chuyên đề, phân tích, đối sánh mức độ tham dự để đánh giá, cải tiến.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường, KKT xây dựng kế hoạch khảo sát việc áp dụng các nội dung đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn vào công việc của NV.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHXDMT có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có các quy định về khen thưởng và công nhận nhằm đảm bảo công việc được thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả và khuyến khích đội ngũ NV tích cực thi đua, làm việc, gồm: nội quy lao động, chế độ công tác, đánh giá công việc hằng tháng theo các tiêu chí để quản trị công việc của đội ngũ NV **[H7.07.05.01(1,2)], [H7.07.05.02].**

Mặt khác, Trường ĐHXDMT đã xây dựng hệ thống quản lý hành chính trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết. Qua đó giúp Phòng TCHC tổng hợp, giám sát, đánh giá các hoạt động trong công việc của đội ngũ NV. Đồng thời, Trường có quy định về khen thưởng và công nhận đối với những NV hoàn thành tốt nhiệm vụ cụ thể trong Bản mô tả vị trí công việc **[H7.07.05.03].**

Để theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, Trường đã triển khai nhiều biện pháp như: đội ngũ thanh tra tiến hành kiểm tra, giám sát việc nghiêm túc chấp hành Nội quy lao động, việc tổ chức, thực hiện nhiệm vụ được phân công; thư ký phải báo cáo định kỳ về cho Khoa về tiến độ hoàn thành công việc. Trường ban hành cơ chế Khen thưởng đột xuất, cụ thể như sau: i) Thi đua - Khen thưởng dành cho các cá nhân và tập thể đạt thành tích tốt trong năm học (Tập thể lao động xuất sắc/Tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen các cấp); ii) Khen thưởng đột xuất những cá nhân có thành tích nổi bật trong công tác và đạt thành tích tốt trong công tác thực hiện Mục tiêu chất lượng năm học **[H7.07.05.04] (Bảng 7.5-Phụ lục 4)**.

Tất cả NV có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCĐ. Căn cứ vào những quy định của Trường về khối lượng công việc cụ thể đối với đội ngũ NV, các NV xây dựng kế hoạch, tiến độ hoàn thành công việc. Vì vậy, NV sẽ có định hướng tốt hơn để hoàn thành công việc; ngoài ra, đó là cơ sở tạo điều kiện cho cấp quản lý có thể theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV. Từ đó, mỗi NV nghiêm túc thực hiện đúng kế hoạch theo nhiệm vụ của mình. Việc thực hiện các nhiệm vụ này được theo dõi, giám sát và đánh giá thông qua các báo cáo, biên bản **[H7.07.05.06]**.

Để tất cả NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc, Trường ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động theo quy định của pháp luật, do đó tất cả NV và GV làm việc tại Trường được quyền giám sát, kiểm tra, đánh giá, phổ biến và góp ý trực tiếp (tổ chức họp lấy ý kiến) hoặc gián tiếp khi xây dựng, ban hành các quy định, tiêu chí, quy trình trước khi áp dụng tại trường; ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, thực hiện nhiệm vụ giáo dục theo mục tiêu, định hướng giáo dục đã đề ra; ngăn chặn và chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiền hà, sách nhiễu NH, gia đình NH và các đối tượng khác **[H7.07.05.07(1,2)]**. Đồng thời, sức mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và TLGD của trường ĐHXDMT luôn được lấy ý kiến rộng rãi trong toàn bộ đội ngũ NV **[H7.07.05.07(3)]**.

Trong giai đoạn 2019 - 2023, NV hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường ĐHXDMT và các cấp có thẩm quyền. Không có trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá hoặc xét thi đua khen thưởng. Hơn nữa, sự công nhận và khen thưởng hằng năm được triển khai chính là động lực cho cán bộ hỗ trợ tích cực hơn trong công tác **[H7.07.05.08]**.

2. Điểm mạnh

Các quy định của Trường về đánh giá, quản lý NV được quy định rõ ràng, công khai và có ghi nhận ý kiến đóng góp của CBVC, NLĐ. NV được tham gia đóng góp ý

kiến trong quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá của Trường.

3. Điểm tồn tại

Lịch công tác của đội ngũ NV chưa cụ thể nên gây khó khăn trong việc giám sát. Chưa có báo cáo công việc định kỳ để nâng cao hiệu quả công việc.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tiếp tục nâng cao công tác quản lý NV hỗ trợ, có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa xây dựng các yêu cầu cụ thể hơn để lịch công tác của NV rõ ràng, chi tiết, thuận lợi cho công tác giám sát, quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Những điểm mạnh nổi bật:

Trường ĐHXDMT có kế hoạch phát triển nhân sự và chính sách phù hợp để thực hiện kế hoạch. Đội ngũ cán bộ thư viện, phòng thực nghiệm, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ NH đủ về số lượng, bằng cấp thích hợp và thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT. Các tiêu chí tuyển chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng, có sự đóng góp ý kiến của CBVC, NLĐ và được phổ biến công khai trong toàn trường. Có quy trình, phương pháp, công cụ xác nhận và đánh giá năng lực đội ngũ NV với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ NV hỗ trợ của KKT đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường. Thực hiện xác định nhu cầu về đào tạo bồi dưỡng để triển khai kế hoạch và thực hiện đào tạo, bồi dưỡng hiệu quả theo nhu cầu. Có phân bổ ngân sách hoạt động này. Có quy định cụ thể về khối lượng công việc với NV và quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc. Có triển khai đánh giá hiệu quả công việc của NV. Tất cả NV đều có bản mô tả công việc thể hiện rõ khối lượng và các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi.

Những tồn tại cơ bản:

Nhà trường và KKT chưa phân tích sâu nhu cầu nhân lực dựa trên chiến lược của Trường ĐHXDMT và KKT về mục tiêu ĐT, NCKH và HTQT, chưa thu được nhiều ý kiến đóng góp của CBVC, NLĐ cho quy định tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV. Nhà trường chưa khảo sát, đánh giá cụ thể mức độ hiểu biết về tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV của đội ngũ NV. Các quy định để đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của NV như đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp,... còn chưa cụ thể. Vì thế, năng lực hiện nay của đội ngũ NV được đánh giá chỉ dựa vào khối lượng

công việc hoàn thành. Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hiện nay đang được thực hiện chung cho các đối tượng có những nhu cầu khác nhau là CBVC, NLD nên kết quả đem lại sau khảo sát có một số phần chưa thực sự hợp lý.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,0 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trường ĐHXDMT nhận định chất lượng của NH là yếu tố quyết định sự phát triển của Nhà trường và chất lượng CTĐT. Với mục đích đào tạo nguồn nhân lực ngành KT, KKT xác định NH và hoạt động hỗ trợ NH là trọng tâm trong việc tổ chức và thực hiện hoạt động của Khoa. Trường, KKT đã xây dựng và từng bước cải tiến công tác tuyển sinh, nâng cao hoạt động quản lý hoạt động học tập và rèn luyện của NH, đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ NH, tạo môi trường học tập thân thiện, tích cực, năng động.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHXDMT xây dựng chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Dựa trên các quy định về tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, quy trình xây dựng đề án tuyển sinh, chính sách tuyển sinh các ngành đào tạo nói chung và ngành KT nói riêng được quy định rõ ràng, chi tiết và đầy đủ, bao gồm: văn bằng, thời gian đào tạo, chỉ tiêu, hình thức thi/xét tuyển, thời gian xét tuyển, chính sách học phí, học bổng thông qua các kênh tuyển sinh đa dạng nhằm hỗ trợ thí sinh có thể tiếp cận thông tin dễ dàng và hiệu quả **[H8.08.01.01(1,2)]**.

Hằng năm, Trường xây dựng đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh, KKT xác định kế hoạch tuyển sinh tương ứng, với nhiều hoạt động như thiết kế các hình ảnh quảng bá tư vấn tuyển sinh, tham gia ngôi diễn đàn tư vấn, đón tiếp tân SV, giao lưu về văn hóa, văn nghệ và thể thao với các trường THPT **[H8.08.01.02(1,2)]**. Chính sách và quy định về tuyển sinh của Trường và KKT được cập nhật hằng năm phù hợp với yêu cầu của Bộ GD&ĐT và xu thế tuyển sinh chung của các trường ĐH trong cả nước. Phương thức tuyển sinh thay đổi theo từng năm, từ 4 phương thức xét tuyển trong năm học 2019 - 2020 tới 5 phương thức xét tuyển trong năm học 2023 - 2024, bao gồm các hình thức: điểm xét kết quả kỳ thi THPT Quốc gia, điểm xét học bạ THPT, xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT, điểm thi Văn mỹ thuật (ngành KT), xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT, điểm thi Văn mỹ thuật (ngành KT) và xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của ĐH quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh **[H8.08.01.03]**.

Qua đó, phần lớn NH của KKT được xét tuyển thông qua 2 hình thức chính là: xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT, điểm thi Văn nghệ thuật, xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT, điểm thi Văn nghệ thuật. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh ngành KT (điểm, đối tượng ưu tiên) được thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. **[H8.08.01.01(2)].**

**Bảng 8.1.1 Hình thức xét tuyển và điểm tuyển sinh ngành KT
qua các năm từ 2019-2024 [H8.08.01.04]**

Phương thức tuyển sinh	Điểm từ kỳ thi THPT Quốc gia	Điểm từ xét học bạ (Trung bình 3 môn tổ hợp)
Năm 2018 - 2019	13	18
Năm 2019 - 2020	14	18
Năm 2020 - 2021	14	18
Năm 2021 - 2022	14	18
Năm 2022 - 2023	15	18

Đối với việc công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh, Trường và KKT luôn cập nhật thông tin về đối tượng tuyển sinh, quy trình xét tuyển, đánh giá đầu vào, chính sách ưu đãi trên phương tiện thông tin đại chúng như: các trang trực tuyến, trang thông tin điện tử của Trường và Khoa, cẩm nang Tư vấn tuyển sinh, tờ rơi tuyển sinh. Trường thực hiện các chính sách thu hút NH thông qua các chương trình học bổng dành cho đối tượng học sinh khác nhau như: học bổng cho các thủ khoa đầu vào của Trường trên cơ sở điểm thi THPT và điểm học bạ lớp 12, học bổng cho NH có hoàn cảnh khó khăn, tuyển sinh năm. Năm 2024, Nhà trường dành 01 suất học bổng toàn phần/01 học sinh của trường THPT chuyên khu vực ĐBSCL **[H8.08.01.05(1,2)]** (mtu.edu.vn/Default.aspx?PageId=37dc95ee-6007-4d20-81c3-62a06fa6e6ec)

Nhằm tăng hiệu quả công tác tuyển sinh, căn cứ kế hoạch tuyển sinh của Trường, KKT xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tích cực phối hợp Ban TVTS&HN triển khai chính sách tuyển sinh thông qua những hoạt động cụ thể: i) Thiết lập đội ngũ tuyển sinh với thành phần đa dạng, gồm: GV cơ hữu, GV thỉnh giảng; ii) Tạo điều kiện cho GV, SV tham gia các đợt tập huấn kỹ năng tư vấn hướng nghiệp tuyển sinh do Ban TVTS&HN tổ chức để cập nhật thông tin; iii) Xây dựng tài liệu tuyển sinh ngành KT với nội dung đa dạng, phong phú như video giới thiệu ngành KT; tờ rơi, cẩm nang tuyển sinh; iv) Tham gia hoạt động tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại các trường THPT qua hoạt động tư vấn dưới cờ, hướng nghiệp cho học sinh; tham gia các chương trình giao lưu, hội thảo tư vấn tuyển sinh cùng các trường ĐH, cao đẳng; trong các buổi tham quan Trường của học sinh THPT trong địa bàn Vĩnh Long và các tỉnh **[H8.08.01.06(1,2,3,4,5)].**

Bảng 8.1.2 Thống kê số lượng chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển và số lượng NH nhập học

Năm	Số lượng chỉ tiêu tuyển sinh Ngành KT	Số lượng NH nhập học chính thức
2018 - 2019	100	55
2019 - 2020	100	53
2020 - 2021	150	62
2021 - 2022	150	58
2022 - 2023	100	55

Chính sách tuyển sinh của Trường có sự góp ý của các BLQ và phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực và được cập nhật hằng năm. Kết thúc mỗi đợt tuyển sinh hằng năm, Trường, KKT khảo sát ý kiến của các BLQ cũng như tham khảo dự báo nhu cầu nhân lực, từ đó, xây dựng các giải pháp cải tiến, cập nhật chính sách tuyển sinh cho năm học tiếp theo để nâng cao chất lượng hoạt động tuyển sinh **[H8.08.01.07], [H8.08.01.08]**.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng. Trường sử dụng nhiều phương thức tuyển sinh giúp cho mọi thí sinh dễ dàng tiếp cận thông tin và có nhiều cơ hội trong việc nâng cao trình độ chuyên môn nhằm hỗ trợ trong quá trình làm việc.

3. Điểm tồn tại

Trường, Khoa chưa tận dụng hiệu quả kênh thông tin từ các cựu SV và NTD trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của Trường ĐHXDMT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT phối hợp Ban TVTS&HN tăng cường các hoạt động sau: Quảng bá những hình ảnh về thông tin hoạt động của ngành học đến các đối tượng có liên quan; Liên tục cập nhật bổ sung những thông tin, hình ảnh hoạt động chi tiết của ngành học như hoạt động giảng dạy, sinh hoạt ngoại khóa, thực hành thực tập; Cập nhật, đa dạng hóa các kênh thông tin truyền thông, nhất là qua mạng Internet.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024-2025, KKT tận dụng các kênh truyền thông như Zalo, Facebook,... để kết nối với cựu SV và NTD, thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ giao lưu với cựu SV và NTD. Ngoài việc khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của các cựu SV và NTD, Trường, Khoa quảng bá rộng rãi thêm thông tin tuyển sinh nhằm tận dụng hiệu quả kênh truyền thông từ các đối tượng này như giới thiệu đầy đủ, chi tiết và tích cực về Khoa. Từ đó, các cựu SV và NTD có sự hiểu biết sâu sắc và ấn tượng tốt về KKT, chuyên ngành đào tạo KT, họ sẵn sàng truyền thông cho Trường, Khoa.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHXDMT thực hiện chính sách tuyển sinh, tổ chức thi và xét tuyển NH theo quy chế tuyển sinh ĐH hằng năm của Bộ GD&ĐT **[H8.08.02.01(1)]**. Các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được xác định rõ ràng và được kiểm tra, đánh giá hằng năm để tuyển chọn được NH có năng lực phù hợp với ngành nghề đào tạo. Quá trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH tuân thủ đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh hằng năm của Trường **[H8.08.02.01(2)]**.

Từ năm 2014 về trước, phương thức tuyển sinh của Nhà trường dựa vào kết quả thi tuyển ĐH theo khối ngành của thí sinh. Năm 2022 - 2023, Trường thực hiện tuyển sinh theo 5 phương thức như sau: điểm xét kết quả kỳ thi THPT Quốc gia, điểm xét học bạ THPT, xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT, điểm thi Văn nghệ (ngành KT), xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT, điểm thi Văn nghệ (ngành KT) và xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trong mỗi phương thức sẽ xét theo các tiêu chí cụ thể được quy định tại Mục 1.3 trong đề án tuyển sinh hằng năm **[H8.08.02.01(2)]**. Các tổ hợp môn xét tuyển các ngành ĐH tại trường được cụ thể hóa và công khai để cho các thí sinh được biết và lựa chọn tổ hợp môn xét tuyển. Dữ liệu số lượng tuyển sinh và điểm chuẩn xét tuyển hằng năm được Trường cập nhật trên website (mtu.edu.vn/Default.aspx?PageId=37dc95ee-6007-4d20-81c3-62a06fa6e6ec).

Sau mỗi đợt tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh Trường tổ chức họp phân tích, đánh giá kết quả tuyển sinh, từ đó đề ra các giải pháp tuyển sinh tốt hơn trong các năm tiếp theo **[H8.08.02.02]**. Bên cạnh đó, Trường tổ chức lấy ý kiến các BLQ làm cơ sở điều chỉnh các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH phù hợp hơn, công bằng và dân chủ **[H8.08.02.03]**.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHXDMT xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng, khách quan đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT. Việc đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được tiến hành định kỳ để có những điều chỉnh nâng cao thể mạnh, đồng thời phù hợp với đặc thù của từng ngành đào tạo của Trường.

3. Điểm tồn tại

Trường ĐHXDMT chưa lấy ý kiến phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh để đánh giá được hiệu quả của công tác tuyển sinh một cách bài bản mà chỉ thông qua phỏng vấn.

Trường ĐHXDMT chưa chú trọng phân tích tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số SV thôi học và chất lượng SV năm 1 để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT phối hợp Phòng QLĐT, Ban TVTS&HN xác định tiêu chí tuyển sinh linh hoạt, đa dạng sao cho việc chọn lựa được NH phù hợp nhất trên cơ sở bám sát quy chế của Bộ GD&ĐT.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT phối hợp Phòng QLĐT, Ban TVTS&HN tổ chức khảo sát ý kiến học sinh và phụ huynh về công tác tuyển sinh trong các đợt đi tư vấn tuyển sinh. Trường thực hiện phân tích tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số SV thôi học và chất lượng SV năm 1 để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHXDMT có bộ phận và nhân sự chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ nhằm hỗ trợ NH từng bước tiến bộ. Việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH được phân công cho các phòng ban như: Phòng QLĐT, Phòng KT&ĐBCL, Phòng CTCTSV và các đơn vị khác liên quan **[H8.08.03.01(1,2,3)]**.

Năm học đầu tiên, Trường tổ chức Tuần sinh hoạt công dân đầu khoá để hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ thông tin cho NH trong quá trình học tập tại Trường. NH tham dự Lễ đón tân SV do Trường tổ chức và Lễ Truyền thống KT do Khoa tổ chức, trong đó tân SV được giới thiệu tổng quan về các đơn vị quản lý học tập và rèn luyện của Trường, tổng quan về Khoa, đội ngũ GV cơ hữu của Khoa, CVHT của từng lớp, tổng quan về CTĐT ngành KT và phương pháp học tập ở môi trường ĐH, xác định được kế hoạch học tập phù hợp để hoàn thành khối lượng học tập cần thiết trong từng năm học **[H8.08.03.01(4)] [H8.08.03.02]**.

Đội ngũ CVHT tại KKT được thiết lập gồm các GV cơ hữu của Khoa. Nội dung CVHT sinh hoạt lớp hằng tháng được gửi tới các Khoa trong tuần đầu tiên mỗi tháng bao gồm những vấn đề học vụ do các phòng chức năng tổng hợp. Trường Khoa phân công một GV phụ trách công tác CVHT triển khai thực hiện nội dung sinh hoạt CVHT. Mỗi CTVH duy trì lịch sinh hoạt CVHT với NH hằng tháng, đảm bảo thực hiện 05 buổi

sinh hoạt CVHT trong một học kỳ để hỗ trợ và tư vấn về quy định và hoạt động của Trường/Khoa, tiến độ CTĐT và giải đáp thắc mắc học vụ của SV. Trường hợp có những vấn đề thắc mắc, kiến nghị của NH cần giải quyết ngay, CVHT phụ trách tại KKT tổng hợp báo cáo và gửi ngay tới các đơn vị liên quan để giải quyết kịp thời cho NH. CVHT thực hiện việc giám sát quá trình học tập và rèn luyện của NH để kịp thời tư vấn cho NH thực hiện đúng tiến độ của CTĐT **[H8.08.03.03]**.

Bên cạnh đó, thư ký Khoa tham gia hỗ trợ, tư vấn NH giải quyết học vụ và phối hợp với các đơn vị liên quan của Trường để giải quyết vấn đề học vụ cho NH. Trên cơ sở CTĐT và kế hoạch do phòng QLĐT công bố vào mỗi học kỳ, thư ký Khoa tổng hợp và báo cáo lãnh đạo Khoa để xây dựng thời khoá biểu, lịch thi, lịch thực tập phù hợp ở từng học kỳ, giúp NH có điều kiện hoàn thành CTĐT đúng thời hạn **[H8.08.03.04]**.

Trong giai đoạn đánh giá, Trường xây dựng và ban hành quy trình quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH. Quy trình xử lý cảnh báo học vụ, thống kê kết quả học tập của NH để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH **[H8.08.03.05(1,2)]**, **[H8.08.03.06(1,2)]**. Phòng QLĐT tổng hợp ghi nhận của GV giảng dạy ở từng buổi giảng để thống kê SV vắng học thường xuyên, từ đó thông tin cho CVHT và phụ huynh để tìm hướng giải quyết phù hợp. Trường gửi thư báo kết quả học tập cho phụ huynh để đôn đốc sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện **[H8.08.03.07(1,2)]**. Định kỳ, Nhà trường tổ chức đối thoại SV nhằm giải đáp các khó khăn, thắc mắc, đề xuất các biện pháp hỗ trợ SV trong quá trình học tập tại trường **[H8.08.03.08]**.

Trường ĐHXDMT có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học. Toàn bộ hoạt động này được thực hiện thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu bao gồm hồ sơ thông tin của NH, các thông báo của Trường, thời khoá biểu, lịch học, lịch thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện. Việc học tập và rèn luyện của NH được thực hiện nghiêm túc theo Quy chế đào tạo ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Khối lượng học tập được quy định cụ thể trong CTĐT khung của KKT được phân bổ theo giai đoạn từng năm học, từng học kỳ, kết quả học tập, rèn luyện của từng NH có thể tra cứu thông qua cổng thông tin đào tạo tín chỉ tại website: <http://online.mtu.edu.vn> **[H8.08.03.09]**.

Sau khi NH tiến hành việc đăng ký học trên hệ thống quản lý đào tạo, NH có thể xác định kế hoạch học tập của từng học kỳ và theo dõi tiến độ hoàn thành khối lượng học tập và rèn luyện của bản thân theo giai đoạn đào tạo. GV phụ trách môn học có danh sách NH tham dự lớp HP và giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của NH thông qua điểm thường kỳ và điểm giữa kỳ **[H8.08.03.10]**.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHXDMT có cơ chế và hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH. Các đơn vị, cá nhân được phân công cụ thể để hỗ trợ SV.

Cơ sở dữ liệu về sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện được quản lý đồng bộ thông qua việc áp dụng công nghệ giúp mang lại hiệu quả cao nhất và được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ.

Các biện pháp khắc phục nhằm giảm thiểu tỉ lệ bỏ học, nâng cao kết quả học tập và rèn luyện của SV được áp dụng và điều chỉnh phù hợp. Nhờ đó, tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của SV được cải thiện.

3. Điểm tồn tại

Hiệu quả của sự phối hợp giữa các bộ phận và cá nhân trong giám sát quá trình và kết quả học tập, rèn luyện của SV chưa được định kỳ đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Trường ĐHXDMT tăng cường phát huy hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, phương pháp và quy trình KTĐG đa dạng sao cho phản ánh đúng sự tiến bộ của NH trong rèn luyện và học tập.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT phân tích kết quả học tập của NH cụ thể, rõ ràng nhằm giám sát và hỗ trợ NH học tập tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHXDMT và KKT có các bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH, gồm:

i) *Về trách nhiệm tư vấn học tập*, các đơn vị như Phòng CTCTSV, Ban CVHT được phân công quản lý việc học tập và rèn luyện của NH trong toàn trường. KKT trực tiếp quản lý NH thông qua hoạt động của CVHT và giáo vụ khoa **[H8.08.04.01]**.

ii) *Về hoạt động ngoại khóa, thi đua*, Lãnh đạo Khoa, đội ngũ GV phối hợp với Chi đoàn Cơ quan và Chi đoàn các lớp ngành KT để tổ chức và triển khai các hoạt động ngoại khóa cho NH **[H8.08.04.02]**.

iii) *Về các dịch vụ hỗ trợ khác cho NH*, Trường ĐHXDMT phân công bộ phận

thư viện hỗ trợ NH trong việc tra cứu và tìm hiểu các tài liệu học tập cần thiết. Qua đó, NH có thể chủ động học tập và tự tích lũy các kiến thức để cải thiện quá trình học tập của mình **[H8.08.04.03]**.

Trường có bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH là Ban TVTS&HN đảm trách hoạt động liên kết với các DN để hỗ trợ giới thiệu việc làm cho NH sau khi tốt nghiệp. Phòng CTCTSV phối hợp Ban TVTS&HN đảm nhiệm việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, khảo sát đánh giá và báo cáo kết quả về quan hệ DN: hợp tác đào tạo với DN, giới thiệu SV tới thực hành, thực tập, kiến tập; khảo sát và báo cáo nhu cầu tìm việc và tình hình việc làm của SV được giới thiệu việc làm; đánh giá của DN về chất lượng của SV thực hành, thực tập; Đánh giá của NTD về chất lượng của SV tốt nghiệp **[H8.08.04.04]**. Phòng QLĐT, ĐTN, các Khoa quản lý vận hành trang thông tin việc làm, tư vấn giới thiệu việc làm, giới thiệu SV đến thực tập tại DN và quản lý danh sách SV thực tập; kết nối các hoạt động hợp tác với DN; tổ chức các hoạt động cộng đồng, gắn kết SV với DN và thế giới việc làm, như: tham quan nhà máy sản xuất, ngày hội việc làm, phỏng vấn tuyển dụng nhân lực, huấn luyện kỹ năng hội nhập việc làm, qua đó xây dựng thương hiệu Trường ĐHXDMT đến DN và cộng đồng **[H8.08.04.05]** (mtu.edu.vn/?TopicId=29cef944-9c70-48f3-91c0-2ec78597e5c0).

Hàng năm, KKT có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH theo các quy định chung của Trường **[H8.08.04.05(4)]**. Trong đó, đội ngũ CVHT giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đội ngũ CVHT là GV cơ hữu của KKT, Ban CVHT thực sự là cầu nối hiệu quả giữa Trường và Khoa trong giám sát việc học tập của NH, đồng thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng, ưu, nhược điểm của NH để định hướng NH tham gia những hoạt động phù hợp của Trường/Khoa, tạo nên tập thể lớp đoàn kết, năng động và cùng tiến bộ. Để thực hiện thống nhất trong toàn trường, Ban CVHT ban hành nội dung sinh hoạt CVHT bao gồm các chủ điểm quan trọng, các lưu ý về hoạt động học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các hoạt động khác do các phòng ban chức năng cung cấp như: Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV, Phòng QT&TB,... làm cơ sở cho CVHT sinh hoạt với NH. KKT tổ chức lễ chào đón tân SV vào đầu khoá học và lễ Truyền thống KT để tư vấn, định hướng cho NH và tạo động lực cho NH hòa nhập với môi trường mới. NH được hướng dẫn phương pháp học ĐH hiệu quả phù hợp với ngành KT. Lễ Truyền thống KT cũng là dịp quảng bá, giới thiệu hình ảnh Trường, rèn luyện khả năng làm việc nhóm, tư duy sáng tạo trong việc tiếp cận, giải quyết vấn đề một cách nhanh chóng hiệu quả gần giống với các cuộc thi chuyên môn của sinh viên KT như Thiết kế pavilion giới thiệu Trường, Ký hoạ - Nhiếp ảnh nhóm - chủ đề “di sản KT đô thị Vĩnh Long” **[H8.08.04.06]**. Mỗi năm, đại diện các đơn vị và đại diện

KKT thường xuyên gặp gỡ ban cán sự các lớp để nắm bắt thông tin và hỗ trợ. Phòng CTCTSV chủ trì tổ chức buổi đối thoại giữa Ban giám hiệu và SV định kỳ **[H8.08.03.07]**.

Trong giai đoạn đánh giá, KKT có kế hoạch và triển khai hoạt động thăm quan, kiến tập dành cho NH năm thứ hai sau 06 tháng nhập học nhằm cung cấp cho NH những hiểu biết về tổ chức, hoạt động, CSVC và tiêu chí tuyển dụng của các cơ quan, đơn vị tư vấn, công ty hoạt động trong lĩnh vực KT, xây dựng. Qua đó, giúp NH có định hướng nghề nghiệp trong tương lai, kế hoạch phấn đấu trong quá trình học tập, cũng như tăng niềm đam mê và tình yêu đối với chuyên ngành được đào tạo, tạo động lực trong học tập cho SV **[H8.08.04.08]**.

Trường và KKT xây dựng kế hoạch tổ chức nhiều hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học của NH gồm: Liên chi hội SV, Chi đoàn Cơ quan, Ban cán sự lớp, Bí thư Chi đoàn lớp, là “cánh tay nối dài” kết nối thông tin giữa Trường, Khoa với NH. Thành lập các CLB ngoại khoá như CLB Kiến Tây với với những hoạt động sôi nổi để thu hút sự tham gia của NH **[H8.08.04.11]** (facebook.com/kientaymtu).

KKT chú trọng triển khai các hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua theo chủ đề từng tháng nhằm tạo sân chơi và rèn luyện cho NH, thu hút sự tham gia nhiệt tình và tích cực của NH ngành KT **[H8.08.04.12]**, **[H8.08.04.13]**. Trên cơ sở tổng kết các hoạt động này, Trường có chính sách hỗ trợ và khen thưởng, tặng giấy khen cho CVHT, Ban Cán sự lớp, Bí thư Chi Đoàn lớp hoàn thành tốt nhiệm vụ **[H8.08.04.14]**.

Hằng năm, KKT có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH. Nhằm thực hiện định hướng ứng dụng - thực hành của Trường, KKT tiến hành hoạt động liên kết với các cơ quan, tổ chức hành nghề,... trên địa bàn thành phố và các tỉnh lân cận để tạo điều kiện cho SV thực tập, tiếp xúc thực tế, từ đó tăng cường kỹ năng để xin việc làm **[H8.08.04.15]**. Trường và KKT xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động tổ chức ngày hội việc làm, tạo cầu nối giữa SV và NTD, hỗ trợ việc làm đúng chuyên ngành đào tạo cho NH cũng như thiết lập nền móng ban đầu để các em có cơ hội làm việc sau khi tốt nghiệp. Dựa trên Quy trình giới thiệu việc làm do Trường ban hành, KKT tiến hành các hoạt động cụ thể để kết nối SV với NTD. NH có thể tìm thấy trên trang web của Trường những thông báo tuyển dụng của các DN được cập nhật thường xuyên **[H8.08.04.16]**. Qua đó, hơn 95% NH tốt nghiệp có việc làm của ngành KT có việc làm phù hợp với chuyên môn đào tạo **[H8.08.04.17]**.

Trong năm 2022 - 2023, 90% NH và 95% NH tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Kết quả khảo sát với tỉ lệ trên cho thấy các hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm của NH hằng năm

của Trường, KKT đã có hiệu quả nhất định, đồng thời là cơ sở để Khoa điều chỉnh nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm trong năm học tiếp theo **[H8.08.04.18]**.

2. Điểm mạnh

Trường có văn bản quy định các đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH.

Trường và KKT có nhiều hoạt động ngoại khóa mang tính học thuật, phát triển kỹ năng giúp NH tăng trải nghiệm thực tế.

Trường và KKT đa dạng mối quan hệ, kết nối với DN, từ đó hỗ trợ hiệu quả NH trong việc kiến tập, thực tập và tăng cơ hội việc làm.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động ngoại khóa cho NH đa số trong phạm vi vùng ĐBSCL, chưa mở rộng phạm vi liên vùng hoặc cả nước để thu hút thêm NH. Khoa chưa thường xuyên họp rút kinh nghiệm, đánh giá, đối sánh hiệu quả sau mỗi hoạt động.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường phát huy vai trò của CVHT, ĐTN, Hội SV, tăng cường các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ NH, tư vấn hỗ trợ học tập giúp NH nâng cao thành tích học tập, nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng nghề, tự tin.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, KKT phối hợp phòng CTCTSV, ĐTN tổ chức các hoạt động ngoại khóa trực tiếp hoặc online tạo cơ hội cho SV tham gia nhiều hoạt động và giao lưu, học hỏi với SV các trường bạn. KKT thực hiện so sánh, đối chiếu hiệu quả của các hoạt động thông qua phân tích kết quả số lượng người tham dự, phản hồi của người tham dự, quy mô tổ chức.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa Kiến trúc có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để GV, NV và NH thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Cơ sở đào tạo của KKT được bố trí tại cơ sở A và cơ sở B, phường 3, TP. Vĩnh Long. Trên diện tích gần 11 ha, cơ sở A và cơ sở B được đầu tư với cơ sở hạ tầng khang trang, hiện đại gồm: hội trường, thư viện với nhiều đầu sách, khu tự học với

phòng làm việc nhóm, phòng đọc, phòng máy tính tra cứu thông tin **[H8.08.05.01]**.

Bên cạnh đó, cảnh quan sư phạm của Trường ĐHXDMT sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho GV, NV và NH về điều kiện học tập, sinh hoạt. Khuôn viên trường có nhiều cây xanh, hoa, ghế đá, mái che nắng, hồ cá tạo môi trường thoải mái, mát mẻ, thân thiện cho NH. Cantin trong khuôn viên trường phục vụ cho GV, NV và NH **[H8.08.05.02]**

Trường đã ban hành bộ Quy tắc ứng xử cho SV, trong đó nhấn mạnh đến quy tắc ứng xử của SV đối với GV, NV và trang phục, tác phong trong môi trường sư phạm tạo nề nếp, trật tự, quy định trong Trường. Thông qua giao tiếp lịch sự, tôn trọng của Ban chủ nhiệm Khoa, GV, thư ký Khoa với NH tạo ra môi trường thân thiện, gần gũi với NH khiến NH thêm tin yêu và tự hào về KKT, Trường **[H8.08.05.03(1,2,3)]**.

Công đoàn Trường ĐHXDMT tổ chức các hoạt động xã hội, từ thiện và thu hút sự tham gia của NV, GV để chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho NV, GV, luôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, xây dựng đội ngũ NV, GV. Tổ trưởng CĐ bộ phận cùng với Ban chủ nhiệm Khoa cải thiện điều kiện việc làm, chăm lo đời sống cho NV, GV trong KKT. Thu hút NV, GV tham gia các hoạt động do CĐ Trường phát động **[H8.08.05.04]**.

Trường thành lập các CLB ngoại khoá với những hoạt động sôi nổi để thu hút sự tham gia của NH. Thông tin về các CLB được đăng trên website của Trường để SV dễ dàng tìm hiểu **[H8.08.05.05]**. KKT chú trọng triển khai các hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua theo chủ đề từng tháng nhằm tạo sân chơi và rèn luyện sau giờ học trên giảng đường cho NH, thu hút sự tham gia nhiệt tình và tích cực của NH ngành KT. Trong giai đoạn đánh giá, hằng năm, CLB SV KT và KKT tổ chức buổi gặp mặt để kết nối SV các khoá, GV, SV KKT chia sẻ những vấn đề liên quan đến ngành nghề (facebook.com/kientaymtu).

Bộ phận y tế học đường trực thuộc Phòng QT&TB phụ trách việc chăm sóc sức khỏe cho CBVC và NH **[H8.08.05.06]**. Từ năm học 2018 - 2019, Trường lắp đặt hệ thống wifi miễn phí cho NH ở các khu vực công cộng (thư viện, hành lang, sảnh trường, giảng đường...) giúp NH dễ dàng tra cứu thông tin trong và ngoài giờ học. Thư viện với các phòng làm việc khép kín tạo điều kiện cho NH làm việc nhóm. Đồng thời, Trường cũng bố trí nơi nghỉ trưa cho NH, CBVC, NLĐ tại các cơ sở đào tạo. Tại khu vực Văn phòng KKT, GV khoa phụ trách nội dung bảng thông tin cho NH trước văn phòng Khoa với nội dung và hình ảnh được trang trí phong phú, sinh động, cập nhật các sự kiện trong năm học, các đồ án tiêu biểu. Hằng năm, Trường tổ chức kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường và vệ sinh an toàn thực phẩm đảm bảo xây dựng môi trường học tập tốt nhất cho NH **[H8.08.05.07]**.

Để đánh giá sự hài lòng của NH về môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan, hằng năm, Trường và KKT khảo sát ý kiến NH thông qua các buổi đối thoại NH, các buổi sinh hoạt lớp. Ngoài ra, Trường khảo sát dạng phiếu để lấy ý kiến của NH được khách quan hơn về môi trường học tập, điều kiện học tập và hoạt động ngoại khóa để từ đó những giải pháp điều chỉnh, cải tiến môi trường cảnh quan học tập tốt nhất cho NH. Kết quả khảo sát cho thấy trung bình trong giai đoạn 2019 - 2023, 93% NH hài lòng và rất hài lòng với chất lượng đáp ứng của môi trường tâm lý, văn hoá, thể thao, xã hội, cảnh quan và an ninh trật tự **[H8.08.05.08]**.

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, năng động, mô phạm, thân thiện, sạch đẹp và an toàn tạo không khí và tâm lý thoải mái, phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy và học.

Khuôn viên Trường có đầy đủ các bảng nội quy, hướng dẫn, thông điệp mang ý nghĩa tích cực giúp NH thêm năng động, sáng tạo trong học tập và rèn luyện.

3. Điểm tồn tại

Một số khu vực trong khuôn viên khu A chưa có nhiều cây xanh, không gian sinh hoạt chung, không gian làm việc mở đôi khi tạo ra sự bất tiện trong công việc.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường rà soát, bố trí phòng làm việc để GV có môi trường làm việc thuận lợi, nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, hỗ trợ NH.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường cây cảnh tạo thêm không gian xanh. Bố trí bổ sung không gian sinh hoạt chung và không gian riêng yên tĩnh phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu dựa trên khảo sát nhu cầu sử dụng của CBVC, NLĐ.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Những điểm mạnh nổi bật:

Chính sách tuyển sinh rõ ràng, phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, được công bố công khai, được cập nhật thường xuyên phù hợp với quy định và điều kiện thực tế của Trường. Công tác truyền thông tuyển sinh đa dạng, sử dụng nhiều hình thức, phương pháp, phương tiện trong quá trình tuyển sinh. Tùy theo phương thức tuyển sinh, Trường đã xác định các tiêu chí lựa chọn NH, hình thức thi/xét tuyển và phương pháp tuyển chọn cho từng CTĐT một cách rõ ràng. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH không ngừng được Trường rà soát, đánh giá và cải tiến. Trường có cơ chế và

hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH. Các đơn vị, cá nhân được phân công cụ thể để hỗ trợ NH. Cơ sở dữ liệu về sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện được quản lý đồng bộ thông qua việc áp dụng công nghệ giúp mang lại hiệu quả cao nhất và được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ. Các biện pháp khắc phục nhằm giảm thiểu tỉ lệ bỏ học, nâng cao kết quả học tập và rèn luyện của NH được áp dụng và điều chỉnh phù hợp. Nhờ đó, tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của NH được cải thiện. Có văn bản quy định các đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH. Có nhiều hoạt động ngoại khóa mang tính học thuật, phát triển kỹ năng giúp NH tăng trải nghiệm thực tế. Trường và KKT có mối quan hệ, kết nối với DN tốt, từ đó hỗ trợ hiệu quả NH trong việc kiến tập, thực tập và tăng cơ hội việc làm. Trường đã xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, năng động, mô phạm, thân thiện, sạch đẹp và an toàn tạo không khí và tâm lý thoải mái, phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy và học. Khuôn viên Trường có đầy đủ các bảng nội quy, hướng dẫn, các thông điệp mang ý nghĩa tích cực giúp NH thêm năng động, sáng tạo trong học tập và rèn luyện.

Những tồn tại cơ bản:

Trường, Khoa chưa tận dụng hiệu quả kênh thông tin từ các cựu SV và NTD trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của Trường ĐHXDMT. Trường chưa lấy ý kiến phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh để đánh giá được hiệu quả của công tác tuyển sinh một cách bài bản mà chỉ thông qua phỏng vấn. Trường chưa chú trọng phân tích tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số SV thôi học và chất lượng SV năm 1 để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,0 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỉ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường chú trọng đầu tư hệ thống CSVC, trang thiết bị hiện đại phù hợp với mô hình đào tạo chất lượng cao với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực ngành xây dựng, kiến trúc, kinh tế cho khu vực ĐBSCL, đáp ứng nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa; đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ CBVC, NLĐ. Trong đó, Nhà trường chú trọng đầu tư hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại và phù hợp; Diện tích đất triển khai đào tạo luôn đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định; Hệ thống thư viện với nguồn học

liệu đa dạng, thường xuyên được cập nhật, phù hợp với các ngành nghề đào tạo của trường; Hệ thống phòng thực hành đầy đủ, trang thiết bị hiện đại được bảo trì, mua mới thường xuyên; Hệ thống CNTT được đầu tư nâng cấp thường xuyên đáp ứng quá trình phát triển công nghệ hiện nay, ngoài ra cảnh quan môi trường sư phạm thân thiện, đảm bảo an toàn, an ninh, đảm bảo sức khỏe cho CBVC, NLĐ và NH. Nhà trường từng bước tăng cường công tác quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả CSVC hiện có, xây dựng cảnh quan xanh - sạch - đẹp, môi trường văn hóa trong Nhà trường. Trường luôn chủ động xây dựng dự án, tranh thủ sự đầu tư từ ngân sách nhà nước, liên kết với các DN và nguồn lực xã hội hóa để bổ sung và hiện đại hóa CSVC phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành KT theo quy định hiện hành. Hiện nay, Nhà trường bố trí địa điểm làm việc của Hội đồng trường, BGH, các đơn vị chủ yếu tập trung ở Khu A, bao gồm Khu hiệu bộ, tầng 2 của Nhà H là một số phòng làm việc của các Khoa, Khu B với tổng diện tích 69.339.m² [H9.09.01.01(1)]. Việc bố trí các phòng làm việc thuận lợi cho GV, SV và khách đến liên hệ công tác, được thể hiện qua sơ đồ mặt bằng khu hiệu bộ, khu làm việc của các đơn vị [H9.09.01.01(2)]. KKT được bố trí 4 phòng làm việc: 2 phòng làm việc ở khu A (diện tích khoảng 80m²) dành cho ban lãnh đạo Khoa và văn phòng khoa, 2 phòng làm việc ở khu B (diện tích 120 m²) dành cho các bộ môn làm việc, trao đổi và giải đáp thắc mắc SV [H9.09.01.01(3)].

Nhà trường hiện có 78 phòng học các loại, trong đó các phòng học có diện tích 48m² dành cho những lớp bình thường có số lượng 50 SV, các phòng học lớn với diện tích 120m² dành cho những lớp có số lượng trên 80 SV, các giảng đường lớn phù hợp với một số HP và chuyên ngành đào tạo [H9.09.01.01(4)]. Trong đó, một số phòng được kết nối hệ thống camera phục vụ cho các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng, sát hạch kỹ năng CNTT [H9.09.01.02]. Nhà trường hiện có 04 giảng đường với tổng diện tích: 22.472,28 m², bình quân diện tích phòng học cho SV chính quy là 20 m²/SV, vượt so với TCVN 3981:1985 (trung bình từ 0,9m² - 1,5m²/NH). Ngoài ra, Nhà trường có 2 phòng lab học tiếng Anh với tổng diện tích 270 m², 09 phòng học máy tính với tổng diện tích 1.231,6 m². Ngoài ra, một số phòng được bố trí sử dụng chung với Trường như hệ thống phòng học, giảng đường, phòng hội thảo, phòng máy tính, phòng đọc, thư viện với tổng diện tích sử dụng của Trường ĐHXDMT nói chung và KKT nói riêng

đáp ứng được với tỉ lệ diện tích/NH là 27,76 m²/SV **[H9.09.01.03]**.

Năm 2019, Nhà trường đầu tư, nâng cấp một số phòng họp, hội thảo với trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị, tập huấn **[H9.09.01.04]**. Nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng công tác đào tạo giai đoạn 2015 - 2020, giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống phòng làm việc tạo điều kiện cho CBQL, GV và NV hoàn thành tốt nhiệm vụ **[H9.09.01.05(1)]**, **[H9.09.01.05(2)]**. Phòng làm việc của các đơn vị trong Trường được trang bị đầy đủ tiện nghi, trang thiết bị như bàn ghế, điều hòa nhiệt độ, máy vi tính, máy in và các thiết bị văn phòng khác theo đúng quy định về diện tích, các điều kiện cần thiết của một phòng làm việc. Số lượng phòng học của Nhà trường đủ đáp ứng theo yêu cầu của từng ngành đào tạo (bao gồm phòng học lý thuyết, phòng thực hành, thảo luận,...). Tất cả phòng học trang bị đầy đủ bảng từ chống lóa, máy Projector hoặc màn hình, thiết bị âm thanh, hệ thống chiếu sáng, góp phần đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo. Bên cạnh đó, Nhà trường trang bị phòng hoạ thât, các phòng máy có cài đặt đầy đủ các phần mềm chuyên ngành đáp ứng nhu cầu dạy và học theo đúng CTĐT với mục đích giúp cho SV trong ngành KT có điều kiện tiếp cận hơn với thực tế, thực hành trực tiếp với công việc ngay khi còn ngồi trên ghế giảng đường, dễ dàng bắt nhịp với công việc sau khi tốt nghiệp ra trường **[H9.09.01.05(3)]**. Nhà trường còn có Trung tâm TNXD&MT phục vụ cho nhiều ngành khác nhau, là nơi SV thực hành trong quá trình học tập và NCKH, đồng thời thực hiện các dịch vụ hỗ trợ hoạt động học tập và NCKH **[H9.09.01.6]**.

Với phương châm lấy NH làm trung tâm, Nhà trường chú trọng việc quản lý và nâng cao CSVC phục vụ NH. Nhà trường ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản nhà nước và gửi đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời phổ biến đến đội ngũ CBVC, NLD và NH biết để thực hiện **[H9.09.01.07(1-2)]**. Việc theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng, quản lý số lượng, lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ về CSVC, trang thiết bị được thực hiện đầy đủ, thường xuyên theo quy định của Nhà trường từ đó có kế hoạch mua sắm, nâng cấp phục vụ việc dạy học và NCKH **[H9.09.01.07(3-5)]**.

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng có trang bị đầy đủ CSVC, trang thiết bị, đáp ứng yêu cầu các hoạt động đào tạo và NCKH.

CSVC, trang thiết bị được quản lý, rà soát, nâng cấp thường xuyên, đáp ứng tối đa nhu cầu đào tạo thực tế và định hướng phát triển mở rộng trong tương lai.

Trường có bộ phận chuyên trách quản lý CSVC, trang thiết bị có chức năng giải quyết, phối hợp giải quyết và có những đề xuất thiết thực giúp cho việc vận hành hoạt động đào tạo và triển khai chương trình được thuận lợi và đạt hiệu quả cao.

3. Điểm tồn tại

Lợi thế của hệ thống văn phòng mở cũng là điểm bất lợi, gây nên một số hạn chế bởi tiếng ồn và không gian dùng chung khi cần giải quyết công việc chuyên môn của các đơn vị, phòng ban.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Nhà trường tiếp tục trang bị phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và PVCĐ.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường bố trí lại hệ thống văn phòng cho Khoa được khoa học hơn, tạo thêm phòng làm việc nhóm và không gian nghiên cứu riêng phù hợp cho GV và NH.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có hệ thống thư viện, phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Bên cạnh việc đầu tư Trung tâm TNXD&MT cho các khối ngành kỹ thuật, thì Trung tâm TT-TV là một bộ phận không thể thiếu cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Trường, với tổng diện tích sàn lên đến (6.292 m²). Thư viện bao gồm 04 tầng được trang bị: 02 Không gian sinh hoạt công cộng (1.850 m²), 01 Không gian tra cứu và đọc sách (530 m²), 04 kho sách (480 m²), 03 phòng bảo quản sách (100 m²), 01 phòng quản lý (22 m²), 01 phòng làm việc (26 m²), 06 phòng học nhóm (có diện tích từ 14 m² đến 24 m²/phòng), 02 Hoà thất (900 m²), 01 phòng hội thảo (142 m²), 01 phòng truyền thông (96 m²), các phòng kỹ thuật, quầy lưu hành, hệ thống thang máy, thang bộ, khu vệ sinh dành riêng cho bạn đọc và nhân viên. CSVC của thư viện ngày càng được cải tiến để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu trong học tập, giảng dạy của SV và GV KKT nói riêng và toàn Trường ĐHXDĐT nói chung [H9.09.02.01].

Trung tâm TT-TV có đầy đủ nội quy và các trang thiết bị để hoạt động nhằm đảm bảo công suất sử dụng tối đa hiệu quả của thư viện, phòng đọc như chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính bàn, thiết bị quét thẻ SV, phần mềm tra cứu,... Thư viện triển khai các hoạt động tập huấn như giới thiệu thư viện trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, hướng dẫn kỹ năng tra cứu thông tin và sử dụng thư viện cho SV, cung cấp thông tin hướng dẫn sử dụng, chỉ dẫn tra cứu các cơ sở dữ liệu trên website nhằm giúp người đọc khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài liệu và các dịch vụ hiện có [H9.09.02.02].

Trường có đầy đủ học liệu (tài liệu bắt buộc) bao gồm giáo trình, tài liệu, sách

tham khảo (bản cứng/bản mềm bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ),... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Dựa trên ĐCCT HP của KKT biên soạn, thư viện mua sắm tài liệu, học liệu với hơn 2.832 đầu sách bao gồm giáo trình, sách, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài; tạp chí chuyên ngành phục vụ với CTĐT ngành KT **[H9.09.02.03], [H9.09.02.04]**.

Các tài liệu, học liệu (bản in và điện tử) được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của SV và GV. Bên cạnh nguồn tài liệu truyền thống như sách, tạp chí chuyên ngành,... thư viện còn liên kết với nhiều cổng cơ sở dữ liệu toàn văn trong nước và quốc tế. Do đó, SV và GV Trường nói chung và KKT nói riêng được tiếp cận nguồn tài liệu đa dạng, phong phú **[H9.09.02.05(1,2)]**. Hằng năm, Nhà trường đầu tư một khoản kinh phí để bổ sung số lượng sách, tài liệu, cho thư viện **[H9.09.02.05(3)]**.

Thư viện thiết lập cơ sở tài liệu môn học theo danh mục tài liệu trong ĐCCT của HP nhằm phục vụ tra cứu tài liệu của GV và SV được dễ dàng nhờ vào việc biên mục các tài liệu trên phần mềm. Thư viện có dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhằm đảm bảo đáp ứng được nhu cầu của NH khi sử dụng thư viện, việc khảo sát mức độ đáp ứng yêu cầu của thư viện đối với bạn đọc được thực hiện hằng năm, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến hoạt động của thư viện **[H9.09.02.06]**, đặc biệt là việc cập nhật giáo trình, tài liệu, sách tham khảo hằng năm ngành KT **[H9.09.02.07]**.

2. Điểm mạnh

Nguồn học liệu (giấy và điện tử, CSDL trực tuyến) phù hợp, đầy đủ và được cập nhật, đảm bảo phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành KT, định kỳ được bổ sung. Tài liệu học tập và nghiên cứu được cung cấp đầy đủ theo từng học kỳ bao gồm cả nguồn bên ngoài và nội bộ của trường.

Thư viện được trang bị đầy đủ trang thiết bị để hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng. Không gian thoáng mát, rộng rãi tạo hứng thú học tập đối với NH.

Dữ liệu khảo sát được thực hiện và so sánh qua các năm, từ đó làm cơ sở cho những đề xuất phát triển Thư viện.

3. Điểm tồn tại

Công tác liên kết với các tổ chức Thông tin - Thư viện quốc tế chưa được phát triển đúng tiềm lực.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 - 2025, Thư viện tiếp tục kết nối chặt chẽ với các Khoa trong vấn đề bổ sung, cập nhật tài liệu tham khảo về chuyên ngành đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường đầu tư kinh phí, trang bị hạ tầng đủ tiêu chuẩn kết nối với các trung tâm thư viện lớn trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, tăng cường liên kết sử dụng chung cơ sở dữ liệu; xây dựng kế hoạch tham gia làm thành viên các tổ chức, hiệp hội lớn về thư viện, các trung tâm chuyên đào tạo ngành,... trong nước và quốc tế.

5. *Tự đánh giá: Đạt (5/7).*

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. *Mô tả hiện trạng*

Để phục vụ cho việc thực hành thực tập của NH, Nhà trường thành lập Trung tâm TNXD&MT theo Quyết định số 183/QĐ-ĐHXDMT ngày 07/05/2012; và được cập nhật theo QĐ số 417/QĐ-ĐHXDMT ngày 08/10/2012; 134/QĐ-ĐHXDMT ngày 16/4/2018 [H9.09.03.01(1)]; đến năm 2020 Trường đã được Bộ Xây dựng đầu tư CSVC giai đoạn 2 theo QĐ số 1176/QĐ-BXD ngày 03/9/2020 nhằm trang thiết bị đầy đủ thiết bị để phục vụ đào tạo và nghiên cứu KH [H9.09.03.01 (2)]. Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Bên cạnh đó, CSVC phục vụ cho đào tạo ngành KT đầy đủ và bố trí phù hợp bao gồm: các phòng họa thất, phòng vẽ kết hợp khu vực triển lãm với diện tích 4.220 m² phù hợp với điều kiện của trường nói chung và của Khoa nói riêng. Các phòng họa thất, phòng vẽ đều được trang bị các dụng cụ, tường vẽ với các thiết bị này hoàn toàn đảm bảo đủ số lượng cho việc nghiên cứu và học tập của NH và GV trong những năm qua [H9.09.03.01(3,4)].

KKT sử dụng chung Trung tâm TNXD&MT với các ngành đào tạo khác của Nhà trường và được hỗ trợ, cung cấp các trang thiết bị phù hợp trong công tác giảng dạy và học tập. Trung tâm TNXD&MT được bố trí khoa học và hợp lý bao gồm 01 Văn phòng làm việc tại Khu B với diện tích sàn 3.400 m², bao gồm xưởng thực hành kết hợp phòng thí nghiệm để SV toàn trường học tập và NCKH [H9.09.03.02]. Trung tâm có nhiều nhóm thiết bị phục vụ thực hành, thí nghiệm như: Nhóm thiết bị thí nghiệm giao thông gồm: Máy nén đất 1 trục, máy nén đất 3 trục, máy thí nghiệm kéo vải địa kỹ thuật, máy thí nghiệm thấm vải địa kỹ thuật, thiết bị kiểm định kết cấu công trình, thiết bị siêu âm cọc khoan nhồi,...; nhóm thiết bị thí nghiệm vật liệu xây dựng: Bàn dẫn khuôn côn, bàn dẫn tạo mẫu, bàn dẫn vữa, bảng so màu, bay trộn, bép cách cát, bình hút ẩm, bình khối lượng riêng của cát, bình Le chatelier,...; nhóm thí nghiệm bê tông nhựa: Máy khoan mẫu, máy đầm marshall tự động, máy li tâm xác định hàm lượng nhựa, máy trộn bê tông nhựa, khuôn tạo mẫu marshall, thiết bị thí nghiệm độ bằng phẳng mặt đường IRI, thiết bị đo độ nhám mặt đường,...; nhóm thí nghiệm nhựa đường: Bộ kim lún nhựa

đường, máy đo độ kéo dài của nhựa có chế độ làm lạnh, thiết bị xác định nhiệt độ bắt lửa,...; nhóm thí nghiệm địa kỹ thuật xây dựng: Bộ thiết bị quan trắc lún công trình, bần nén cố kết đất tam liên, bộ hộp cắt đất trực tiếp... **[H9.09.03.03]**.

Trong phòng thí nghiệm có tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng thực hành, thí nghiệm rõ ràng, chính xác, dễ thực hiện. Có nội quy riêng của phòng thực hành trực thuộc Khoa **[H9.09.03.04]**. Để theo dõi tình hình giảng dạy cũng như việc sử dụng, thực trạng trang thiết bị, Trung tâm TNXD&MT sử dụng Sổ theo dõi/ nhật ký sử dụng trang thiết bị; Sổ nhật ký theo dõi tình hình giảng dạy tại các phòng; Sau mỗi buổi học hoặc sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, đều phải ghi sổ nhật ký sử dụng **[H9.09.03.05]**.

Để đảm bảo cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu, hằng năm Nhà trường có kế hoạch sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị. Đồng thời Nhà trường có kế hoạch bổ sung, mua mới dụng cụ, máy móc, thiết bị hằng năm dựa trên các báo cáo tổng hợp về việc sử dụng Trung tâm TNXD&MT theo năm học gửi về Trường **[H9.09.03.06]** và đề xuất của các Khoa. Trung tâm TNXD&MT cũng bố trí NV túc trực thường xuyên để kịp thời hỗ trợ cũng như hướng dẫn NH **[H9.09.03.07]**.

Để đánh giá mức độ đáp ứng về hoạt động giảng dạy thí nghiệm thực hành hằng năm Nhà trường khảo sát ý kiến NH và các BLQ về Trung tâm TNXD&MT **[H9.09.03.08(1)]**. Để kịp thời cập nhật và sửa chữa các phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị, Trung tâm TNXD&MT tiến hành khảo sát và tổng hợp ý kiến của SV về phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị ở mỗi học kỳ **[H9.09.03.08(2)]**. Đây là cơ sở để Trường điều chỉnh và định hướng đầu tư các phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị trong các học kỳ tiếp theo.

2. Điểm mạnh

Có đầy đủ phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ CTĐT và nghiên cứu, các phần mềm được cài đặt đầy đủ, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo lý thuyết và thực hành cho các môn học ngành.

Các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, thực hành được cung cấp đầy đủ, phù hợp, có kế hoạch trùng tu, bổ sung định kỳ.

Có đơn vị chuyên trách quản lý, theo dõi hiệu quả sử dụng phòng thực hành.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến phản hồi của người sử dụng Trung tâm TNXD&MT chưa đầy đủ, chưa được phân tích chi tiết.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Trung tâm TNXD&MT bổ sung trang thiết bị phù hợp và tiếp tục cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Khắc phục tồn tại

Từ năm học 2024 - 2025, Trung tâm TNXD&MT và Khoa báo cáo phân tích chi tiết khảo sát hiệu quả sử dụng Trung tâm TNXD&MT theo công năng và hạng mục sử dụng. Đồng thời tăng cường theo dõi tình trạng sử dụng, nghiên cứu nhu cầu sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị để có những bổ sung, cải tiến kịp thời.

5. *Tự đánh giá:* Đạt (5/7).

Tiêu chí 9.4. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Phòng QT&TB đảm nhiệm việc quản lý các hệ thống CNTT (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, ...), nghiên cứu và triển khai, hỗ trợ kỹ thuật các giải pháp CNTT từ năm 2012 để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.04.01], [H9.09.04.02].

Trong thời gian học tập tại trường, NH được sử dụng 09 phòng máy với tổng diện tích 1.231,6 m², có hơn 200 máy tính có kết nối internet và tích hợp phần mềm CNTT đáp ứng tốt nhu cầu, học tập các phần mềm chuyên ngành KT và tham gia các kỳ thi online tại các phòng máy của Trường. Trong giai đoạn dịch Covid-19, Khoa đã triển khai đào tạo E-Learning các HP thuộc ngành KT trong năm học 2019 - 2020, và hiện tại một số học phần đang được tiến hành giảng dạy trực tuyến, các hoạt động trên được ghi nhận ở Sổ theo dõi [H9.09.04.03].

Toàn bộ hệ thống CNTT của Nhà trường hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ cho các hoạt động học tập và nghiên cứu của GV, NV và NH. Trên cơ sở phần mềm quản lý học vụ trong công tác QLĐT, GV, NV, NH có thể truy cập, truy xuất, tra cứu thông tin, thời khoá biểu, kết quả học tập. Ngoài ra, Trường cung cấp cho GV, NV và NH KKT email nội bộ dùng trong việc liên hệ các thông tin về công tác đào tạo, học tập và NCKH. Để duy trì cho sự ổn định của hệ thống CNTT, Phòng QT&TB kiểm tra định kỳ nhằm phát hiện và xử lý kịp thời nếu xảy ra sự cố [H9.09.04.04]. Trong giai đoạn đánh giá, Khoa đã xây dựng những kênh thông tin khác nhằm hỗ trợ quản lý công tác đào tạo, NCKH và trao đổi thông tin giữa các Khóa, GV với SV như fanpage Facebook (Tên chính thức: KKT- Architecture Faculty - 건축학부, Link facebook: <https://www.facebook.com/khoakientrucmtu>) và website của khoa (<http://mtu.edu.vn/Default.aspx?PageId=826db80a-2083-4eb0-8839-495d72a00865>) [H9.09.04.05]. Từ năm học 2019 - 2020, Khoa ứng dụng phần mềm Google-Classroom vào việc giảng dạy một số HP để trao đổi với SV.

Hàng năm, hệ thống CNTT được sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, Trường có kế hoạch mua sắm mới, hệ thống

máy tính trang bị phần cứng, phần mềm, cải thiện hệ thống mạng. Trường luôn đảm bảo NH và các BLQ sử dụng hệ thống CNTT có bản quyền và đầy đủ chức năng để phục vụ tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường đã ban hành Quy chế Quản lý hệ thống CNTT với những nội dung quy định về các nguyên tắc và phương thức thực hiện đảm bảo việc an toàn, bảo mật, phòng ngừa các rủi ro cho hệ thống CNTT [H9.09.04.06].

Hàng năm, Trường khảo sát ý kiến phản hồi của GV, NV và NH về mức độ đáp ứng nhu cầu phù hợp của hệ thống CNTT trong hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, là tiền đề để Trường từng bước có những cải tiến và cập nhật hệ thống CNTT [H9.09.04.07].

2. Điểm mạnh

Hệ thống CNTT phù hợp và được cập nhật, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV, NH ngành KT.

Hệ thống CNTT được nâng cấp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo chương trình ngành KT.

3. Điểm tồn tại

Do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên việc truy cập wifi và internet còn hạn chế trong một số thời điểm cao điểm.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Hệ thống CNTT phù hợp và tiếp tục cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường thường xuyên nâng cấp hệ thống CNTT, nâng cao tốc độ đường truyền giúp cho việc tìm kiếm thông tin và phục vụ hoạt động dạy và học hiệu quả hơn. KKT tăng cường sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ để phục vụ cho việc rà soát, điều chỉnh, cải tiến hệ thống CNTT bên trong.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ban hành các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn theo quy định hiện hành. Các quy định, tiêu chuẩn ban hành nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung trong công tác Y tế, vệ sinh môi trường, an toàn trong trường học của các đơn vị, GV, NV và NH [H9.09.05.01].

Quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện trong phạm vi toàn trường. Trường giao nhiệm vụ cho các phòng ban như: Phòng QT&TB, Phòng TCHC có chức năng chịu trách nhiệm về môi trường, sức khỏe và an toàn học đường, gồm:

i) *Về sức khỏe*: Tổ Y tế với đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ y tế theo quy định để sơ cứu khi xảy ra các sự cố về an toàn và sức khỏe **[H9.09.05.01(1)]**.

ii) *Về đảm bảo an toàn, khuôn viên*: Trường có tường rào bao quanh và bảo vệ theo dõi thường xuyên 24/24h. Đồng thời, kiểm soát an ninh thông qua các biện pháp như: lắp đặt camera an ninh, theo dõi người ra vào thông qua kiểm tra thẻ tên của NV, GV và NH **[H9.09.05.01(2)]**. Trường phối hợp với Công an và chính quyền địa phương tập huấn cho lực lượng tự vệ của Trường nhằm bảo đảm an ninh, trật tự, đảm bảo đúng theo quy định.

iii) *Về môi trường*: GV và NH có điều kiện tham gia đào tạo và nghiên cứu trong khuôn viên trường với nhiều cây xanh, cây cảnh, ghế đá, mái che nắng, hồ cá,... tạo cảnh quan thoáng đãng, thoải mái cho GV và NH, tạo môi trường học tập, giảng dạy hiệu quả, đặc biệt là thực hiện không hút thuốc lá trong khuôn viên trường **[H9.09.05.01(4)]**. Trường đảm bảo vệ sinh khuôn viên thông qua hợp đồng ký kết với công ty về vệ sinh như thu gom rác thải, Phòng QT&TB chịu trách nhiệm vệ sinh sân bãi, phòng học,... và có kế hoạch cải tiến CSVC. Bên cạnh đó, Nhà trường quan tâm đến những đối tượng có nhu cầu đặc biệt như thiết kế CSVC có khu vực dành riêng cho người khuyết tật (lối đi riêng, khu vực vệ sinh,...). Nhằm tạo môi trường, điều kiện học tập tốt hơn đối với NH là người có nhu cầu đặc biệt, Phòng CTCTSV ban hành phiếu tiếp nhận phản hồi riêng với nội dung liên quan người có nhu cầu đặc biệt trong học tập và đã có những đề xuất kịp thời để hỗ trợ NH, thực hiện theo quy định của Trường về việc miễn, giảm học phí cho SV hệ chính quy tại Trường. Qua đó, SV là người có nhu cầu đặc biệt sẽ được xem xét hỗ trợ tùy theo mức độ như: miễn, giảm học phí; miễn giảm một số HP mà NH không đủ năng lực để tham gia học tập. **[H9.09.05.02]**.

iii) *Về PCCC*: Nhà trường trang bị trang thiết bị phòng cháy chữa cháy tại các đơn vị theo đúng tiêu chuẩn hiện hành và được kiểm tra định kỳ. Đồng thời, Nhà trường có kế hoạch phối hợp với Công an Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tổ chức các đợt tập huấn, diễn tập phòng cháy chữa cháy nhằm ứng phó khẩn cấp với các tai nạn cháy nổ đảm bảo an toàn, có các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình huống về môi Trường, sức khỏe và an toàn **[H9.09.05.03]**.

Hàng năm, Trường khảo sát ý kiến phản hồi của NH và các BLQ về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người có nhu cầu đặc biệt thông

qua việc thực hiện khảo sát sự hài lòng về chất lượng dịch vụ của các BLQ (NH và NV-GV) để cải thiện ngày càng tốt hơn các tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe và an toàn. Kết quả khảo sát cho thấy: đánh giá chung của SV về tiêu chí môi trường, sức khỏe và an toàn ở mức độ tạm hài lòng; công tác đảm bảo an ninh trật tự trong trường được thực hiện tốt và các phòng học giảng đường luôn sạch sẽ được SV đánh là hài lòng **[H9.09.05.04]**. Qua kết quả báo cáo khảo sát, Trường đã xây dựng các Kế hoạch và triển khai việc cải thiện tiêu chuẩn **[H9.09.05.05]**.

2. Điểm mạnh

Môi trường sinh thái và môi trường học tập, công tác y tế học đường, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và các điều kiện về CSVC cơ bản cho những người có nhu cầu đặc biệt,... luôn được Nhà trường quan tâm triển khai. Nhà trường có đánh giá và cải tiến tạo môi trường tự nhiên và xã hội tốt cho đội ngũ CBVC, NLD và NH.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các đợt tập huấn phòng cháy chữa cháy cho toàn thể đội ngũ CBVC và SV chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, NV và NH toàn Trường.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, định kỳ hằng năm, Nhà trường tổ chức các đợt tập huấn, phổ biến các văn bản quy định về phòng cháy chữa cháy và thực hành công tác phòng cháy chữa cháy cho đội ngũ CBVC và SV.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận Tiêu chuẩn 9:

Những điểm mạnh nổi bật:

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng có trang bị đầy đủ CSVC, trang thiết bị,... đáp ứng yêu cầu các hoạt động đào tạo và NCKH. CSVC, trang thiết bị được quản lý, rà soát, nâng cấp thường xuyên, đáp ứng tối đa nhu cầu đào tạo thực tế và định hướng phát triển mở rộng trong tương lai. Có bộ phận chuyên trách quản lý CSVC, trang thiết bị có chức năng giải quyết, phối hợp giải quyết và có những đề xuất thiết thực giúp cho việc vận hành hoạt động đào tạo và triển khai chương trình được thuận lợi và đạt hiệu quả cao. Nguồn học liệu (giấy và điện tử, CSDL trực tuyến) phù hợp, đầy đủ và được cập nhật, đảm bảo phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành KT, định kỳ được bổ sung. Tài liệu học tập và nghiên cứu được cung cấp đầy đủ theo từng học kỳ bao gồm cả nguồn bên ngoài và nội bộ của Trường. Thư viện được trang bị đầy

đủ các trang thiết bị để hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng. Không gian thoáng mát, rộng rãi tạo hứng thú học tập đối với NH. Dữ liệu khảo sát được thực hiện và so sánh qua các năm, từ đó làm cơ sở cho những đề xuất phát triển Thư viện. Có đầy đủ phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ CTĐT và nghiên cứu, các phần mềm được cài đặt đầy đủ, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo lý thuyết và thực hành cho các môn học ngành KT. Các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, thực hành được cung cấp đầy đủ, phù hợp, có kế hoạch trùng tu, bổ sung định kỳ. Có đơn vị chuyên trách quản lý, theo dõi hiệu quả sử dụng phòng thực hành và trang thiết bị. Hệ thống CNTT phù hợp và được cập nhật, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của người dạy và học ngành KT. Hệ thống CNTT được nâng cấp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo chương trình ngành KT. Môi trường sinh thái và môi trường học tập, công tác y tế học đường, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và các điều kiện về CSVC cơ bản cho những người có nhu cầu đặc biệt,... luôn được Nhà trường quan tâm triển khai. Nhà trường có đánh giá và cải tiến tạo môi trường tự nhiên và xã hội tốt cho đội ngũ CBVC, NLĐ và NH trong trường.

Những tồn tại cơ bản:

Công tác liên kết với các tổ chức TT-TV quốc tế chưa được phát triển đúng tiềm lực. Ý kiến phản hồi của người sử dụng Trung tâm TNXD&MT chưa được phân tích chi tiết. Do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều nên có đôi lúc việc truy cập wifi và internet còn chậm. Số lượng các đợt tập huấn phòng cháy chữa cháy cho toàn thể đội ngũ CBVC và SV chưa thường xuyên.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,0 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Trường và KKT chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo. Điều này thể hiện rõ thông qua việc xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu các BLQ để thiết kế và phát triển CTDH đến việc ĐBCL trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các BLQ.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ (gồm các chuyên gia, nhà quản lý, GV, nghiên

cứu viên, NH, NTD, Hội đồng KH&ĐT cấp Khoa, Trường,...). Căn cứ vào Quy trình thiết kế CTDH, Trường xây dựng hệ thống quy trình khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động (i) giảng dạy của GV và (ii) hoạt động đào tạo của Trường **[H10.10.01.01]**. Trước khi thiết kế, xây dựng CTDH, tổ soạn thảo hoàn thành phiếu khảo sát và lập kế hoạch khảo sát, tiến hành tổ chức khảo sát các đối tượng: GV, NH, NTD,... bằng các hình thức: hội thảo, phỏng vấn trực tiếp hoặc qua Email. Sau khi hoàn thành khảo sát, tổ soạn thảo tiến hành tổng hợp các dữ liệu đã thu thập, phân tích và báo cáo kết quả khảo sát **[H10.10.01.02]**. Sau khi phân tích nhu cầu nguồn nhân lực và kết quả phản hồi của các BLQ, tổ soạn thảo xác định CDR gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực nghề nghiệp của ngành.

Đối với nhu cầu xã hội, Trường, Khoa tiến hành khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực ngành KT làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH thông qua việc tổ chức hội thảo CTĐT theo nhu cầu DN trình độ ĐH chính quy ngành KT **[H10.10.01.03]**.

Quy trình lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về CTDH được thể hiện qua bảng mô tả sau:

Bảng 10.1.1. Bảng mô tả yêu cầu của các bên liên quan làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH

Bên liên quan	Yêu cầu	Cách thức tổ chức	Kết quả
Chuyên gia	Tập huấn các phương pháp/cách tiếp cận trong thiết kế CTDH	Tổ chức Hội thảo/tập huấn	Quyết định phân công nhân sự tổ soạn thảo chương trình/Bảng phân công nhân sự soạn thảo ĐCCT
NTD	- Xác định các năng lực và tố chất cần thiết của SV tốt nghiệp để đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao động - Đánh giá mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ	Tổ chức lấy ý kiến khảo sát	Báo cáo năng lực của SV tốt nghiệp để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động
GV	- Thiết kế CDR của CTDH, môn học. - Thiết kế ĐCCT, Phương	Tổ chức họp nhóm thiết kế CTDH, bộ môn	CDR của CTDH CDR của môn học Các phương pháp

Bên liên quan	Yêu cầu	Cách thức tổ chức	Kết quả
	pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá.		giảng dạy, KTĐG ĐCCT môn học
NH	- NH phản hồi về nội dung giảng dạy, tài liệu học tập, phương pháp giảng dạy của các môn học trong CTDH; - NH tốt nghiệp phản hồi về chương trình toàn khóa học.	Tổ chức khảo sát ý kiến NH về PP dạy học, KTĐG	Tổng hợp ý kiến đóng góp của NH
Các cơ sở đào tạo ĐH có ngành KT	Mục tiêu đào tạo, CĐR, Cấu trúc CTDH ngành KT có liên quan	Đối sánh giữa các nội dung trong CTDH	Bảng đối sánh giữa CTDH ngành KT của Khoa so với các cơ sở đào tạo ĐH có ngành KT
Hội đồng Khoa học cấp Khoa	Thống nhất CĐR của CTDH, khung CTĐT dự kiến, CTDH, ĐCCT HP,...	Tổ chức họp Hội đồng KH Khoa thông qua CTDH	Dự thảo toàn bộ CTDH
Trường	Sự phù hợp của CĐR với Chiến lược phát triển Trường	Họp BGH và lãnh đạo các đơn vị liên quan	Phê duyệt và ban hành CTDH mới

Qua bảng 10.1.1, việc thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi của các BLQ được thực hiện theo một quy trình có tính hệ thống. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế CTDH. Trường đã ban hành các Quy định, quy trình gồm: khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các BLQ, tiến hành thu thập, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ. Theo bảng mô tả trên cho thấy việc thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ đã được thu thập và sử dụng để thiết kế, cụ thể:

i) Đối với các NTD: Trường, Khoa ban hành quy trình NTD đánh giá chất lượng SV tốt nghiệp [H.10.10.01.04]. Căn cứ quy trình, Trường tổ chức lấy ý kiến khảo sát nhằm xác định các năng lực và tố chất cần thiết của SV tốt nghiệp đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao động. Dựa trên kết quả khảo sát, Trường, Khoa thực hiện báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ trong hành nghề KT và năng lực của SV tốt nghiệp để thiết kế CTDH phù hợp.

ii) *Đối với các chuyên gia*: Trường, Khoa đã tổ chức hội thảo, tập huấn về các phương pháp, cách tiếp cận trong thiết kế CTDH. Dựa trên thông tin thu thập được từ các buổi hội thảo, tập huấn, Trường và Khoa đưa ra các quyết định thiết kế CTDH, đồng thời phân công nhân sự tổ chức thực hiện **[H.10.10.01.05]**.

iv) *Đối với NH*: Trường/Khoa tổ chức khảo sát ý kiến NH về PPDH, kiểm tra, đánh giá. Những phản hồi của NH được thu thập và xem xét để thiết kế CTDH **[H.10.10.01.06]**.

v) *Đối với các cơ sở đào tạo ĐH trong nước*: Trường, Khoa đã có tổ chức đối sánh giữa các nội dung trong CTDH về Mục tiêu đào tạo, CĐR, Cấu trúc CTDH ngành KT có liên quan. Kết quả đối sánh được tham khảo để thiết kế CTDH phù hợp. **[H10.10.01.07]**.

vi) *Đối với Khoa*: Khoa có tổ chức họp tất cả GV, NV, họp bộ môn, họp khoa để thảo luận thiết kế CTDH, CĐR, thiết kế ĐCCT, Phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá,... thống nhất CĐR của CTDH, khung CTDH dự kiến, ĐCCT HP. Từ đó, Khoa đã xây dựng dự thảo toàn bộ CTDH và ĐCCT **[H10.10.01.08]**.

vii) *Đối với Trường*: Trường đã tổ chức họp BGH và lãnh đạo các đơn vị có liên quan, thảo luận sự phù hợp của CĐR với Chiến lược phát triển của Trường. Qua đó, theo kết quả tổng hợp ý kiến các BLQ, Trường phê duyệt và ban hành CTDH mới và ĐCCT các HP thuộc ngành KT **[H10.10.01.09]**.

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ phát triển CTDH. Định kỳ, Khoa thực hiện rà soát và chỉnh sửa CTDH theo ý kiến khảo sát của các BLQ về: thay đổi thiết kế CĐR theo tiêu chuẩn mới, bổ sung HP cần thiết, tăng thời lượng thực hành cho một số HP, tích hợp một số HP để có HP mới, thay đổi thời gian đào tạo phù hợp với số tín chỉ trong CTDH. Việc thay đổi tập trung theo hướng phát huy tính ứng dụng, thực hành trong đào tạo. Khoa thống kê kết quả khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng, SV tốt nghiệp, giảng viên, chuyên gia về những điểm mạnh, điểm tồn tại của CTDH để cải tiến và phát triển, áp dụng cho đào tạo NH khóa tiếp theo. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát góp phần phản ánh rõ nhu cầu của thị trường lao động ở từng giai đoạn và sự phù hợp phương pháp đào tạo, chất lượng đào tạo trong CTDH để cải tiến và phát triển **[H10.10.01.10]**.

2. Điểm mạnh

Việc phát triển CTDH có kế hoạch rõ ràng và tuân thủ quy định của Trường và Bộ GD&ĐT. Mỗi đợt điều chỉnh CTĐT, Khoa tổ chức thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các BLQ theo đúng quy trình. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được tổ chức và thực hiện tốt.

Các ý kiến phản hồi đều được Khoa tổng hợp, phân tích và vận dụng vào quá trình

thiết kế, xây dựng, phát triển CTĐT, CTDH của Khoa, đảm bảo đủ cơ sở, khoa học, khách quan và độ tin cậy khi phát triển CTDH.

3. Điểm tồn tại

Việc đóng góp ý kiến để xây dựng CTDH chỉ mới ở mức độ góp ý, chưa có phân tích chuyên sâu.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028, Phòng KT&ĐBCL, Phòng CTCTSV phối hợp với Khoa tiếp tục thực hiện khảo sát ý kiến các BLQ về CTDH theo kế hoạch hằng năm. Dựa trên bảng khảo sát các BLQ, Khoa rà soát, điều chỉnh CTDH ngày càng phù hợp với nhu cầu thực tế DN.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng KT&ĐBCL, Phòng CTCTSV phối hợp với Khoa xây dựng kế hoạch đẩy mạnh cải tiến các kênh trực tuyến lấy ý kiến phản hồi về CTDH. Định kỳ họp chuyên môn để tổng hợp các ý kiến đóng góp về CTDH, chú trọng tổ chức gặp gỡ, trao đổi với người có ý kiến phản hồi để thu thập ý kiến đóng góp chuyên sâu.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ban hành quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Qua đó, CTDH thường xuyên được cập nhật định kỳ, quy trình thiết kế và phát triển CTDH được xem xét, đánh giá và cải tiến qua các giai đoạn **[H10.10.02.01]**.

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, Phòng QLĐT dự thảo Quy trình thiết kế, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTDH, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành. Quy trình thiết kế, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTDH được xây dựng và điều chỉnh theo từng giai đoạn cho phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT **[H10.10.02.01(1)]**. Trong mỗi đợt triển khai xây dựng CTĐT hoặc định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT, Nhà trường ban hành các văn bản cụ thể hóa quy trình, quy định rõ kế hoạch thời gian và phân công nhiệm vụ cho từng cá nhân, đơn vị có liên quan như thành lập Ban chỉ đạo, quyết định thành lập các ban soạn thảo cho mỗi ngành/chuyên ngành, các kế hoạch xây dựng CTĐT **[H10.10.02.01(2)]**. Ban chỉ đạo, Ban soạn thảo rà soát, cập nhật, đánh giá CTĐT do Nhà trường thành lập, Hiệu trưởng là trưởng ban, phó Hiệu trưởng là phó ban, Phòng QLĐT là thường trực và đại diện trưởng các đơn vị. Ban chỉ đạo có nhiệm vụ xây dựng

và hướng dẫn quy trình thiết kế, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành CTDH cho các CTĐT và các HP của Nhà trường **[H10.10.02.01(3)]**.

Trong Quy trình thiết kế, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành CTDH của Nhà trường quy định cụ thể về xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành ĐCCT HP. Theo đó, quy định đầy đủ trình tự các bước thực hiện, hướng dẫn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị triển khai; thiết kế mẫu ĐCCT HP; hướng dẫn từng mục cụ thể trong ĐCCT HP để Khoa, Bộ môn và GV thực hiện **[H10.10.02.01(4-5)]**.

Khảo sát ý kiến đóng góp, phản hồi các BLQ là yêu cầu bắt buộc trong quy trình xây dựng, rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT. Trong mỗi đợt xây dựng, cập nhật CTĐT được triển khai thực hiện nghiêm túc, kết quả khảo sát ý kiến các BLQ phục vụ trực tiếp việc xây dựng CDR, nội dung CTĐT và các HP. Nhà trường ban hành kế hoạch tổ chức khảo sát phục vụ cho đề án mở ngành đào tạo, theo đó quy định rõ nội dung cần khảo sát, trong đó có nội dung về kiến thức và kỹ năng mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp. Đối tượng lấy phiếu khảo sát được quy định bao gồm: DN, nhà quản lý, cựu NH, NH và phạm vi khảo sát bao gồm các tỉnh khu vực ĐBSCL **[H10.10.02.02(1-6)]**. Kết quả khảo sát ý kiến các BLQ về CTĐT và khóa học được tổng hợp và sử dụng phục vụ cho việc đánh giá, rà soát, phát triển CTĐT **[H10.10.02.02(7)]**.

Các bảng tổng hợp ý kiến là cơ sở để đánh giá hiệu quả CTĐT hiện tại. Hằng năm, Nhà Trường thông báo rà soát cập nhật bổ sung CTĐT trình độ ĐH **[H10.10.02.03(1)]** và cụ thể hóa bằng Kế hoạch số 100/KH-ĐHXDMT ngày 18/10/2018, Kế hoạch 30/KH-ĐHXDMT ngày 01/4/2020, Kế hoạch số 105/KH-ĐHXDMT ngày 29/4/2021 về việc xây dựng rà soát, điều chỉnh CTĐT **[H10.10.02.03(2)]**. Thông qua các kế hoạch, các đơn vị liên quan và KKT sẽ tiến hành họp phân công rà soát điều chỉnh CTDH, CTĐT, ĐCCT HP, xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CDR của CTĐT, xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, nội dung CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo và CDR **[H10.10.02.03(3-5)]**. Sau khi biên soạn và hoàn thiện nội dung CTDH, CTĐT, ĐCCT HP được thông qua tổ bộ môn, Hội đồng Khoa học Khoa, Hội đồng KH&ĐT Trường và trên cơ sở đó được ban hành chính thức và công khai trên Website Trường **[H10.10.02.03(6-7)]**.

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật và đánh giá CTDH được thực hiện thống nhất trong toàn trường theo quy trình, đảm bảo đúng quy định của Bộ GD&ĐT;

Định kỳ, Nhà trường thực hiện rà soát, cập nhật lại quy trình xây dựng, thiết kế và quy trình cập nhật, đánh giá CDR, CTĐT, phù hợp với yêu cầu của Bộ GD&ĐT, nhu cầu của các BLQ và thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

Một số bước và biểu mẫu trong quy trình rà soát, cập nhập CTĐT chưa được triển khai đầy đủ và hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028, Khoa phối hợp với Phòng CTCTSV, Phòng KT&ĐBCL mở rộng và tăng cường lấy ý kiến các bên liên quan khi thiết kế và phát triển CTDH.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa phối hợp với Phòng QLĐT tập huấn các bước thực hiện quy trình xây dựng cũng như rà soát CTDH nhằm giúp GV hiểu rõ các nội dung để từ đó có những đóng góp điều chỉnh thiết thực hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm đảm bảo việc dạy và học đi vào nề nếp, công tác dạy học đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, Trường hằng năm thành lập tổ thanh tra kiểm tra giám sát hoạt động dạy, học đánh giá KQHT nhằm đảm bảo tương thích và phù hợp với CĐR. Cụ thể, Trường ban hành Kế hoạch số 159, 160/KH-ĐHXDMT ngày 26/11/2021 và Kế hoạch số 192, 193/KH-ĐHXDMT ngày 27/10/2022 Quy định về công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ do Ban TTPC chủ trì thực hiện. Trong năm 2023, Trường thành lập ban thanh tra, kiểm tra coi thi, chấm thi đầu vào thạc sỹ (14/QĐ-ĐHXDMT ngày 09/1/2023), kiểm tra tuyển sinh chính quy (30/QĐ-ĐHXDMT ngày 30/1/2023), vừa học vừa làm (81/QĐ-ĐHXDMT ngày 28/02/2023), kiểm tra thi kết thúc học phần cho Học kỳ I, II, III (443/QĐ-ĐHXDMT ngày 18/08/2023) **[H10.10.03.01(1)]**.

Trong công tác đào tạo, Trường còn ban hành riêng các văn bản cho từng đối tượng dạy và học. Đối với NH, Trường ban hành quy chế đào tạo ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (320/QĐ-ĐHXDMT ngày 03/9/2019, 465/QĐ-ĐHXDMT ngày 15/10/2021, 183/QĐ-ĐHXDMT ngày 12/4/2023) **[H10.10.03.01(2)]** bao gồm: những quy định chung, CTĐT và hình thức đào tạo, tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập, quản lý học vụ,... Đối với người dạy, Trường ban hành Quyết định ban hành Quy định Chế độ công tác GV (510/QĐ-ĐHXDMT ngày 29/11/2018, 52/QĐ-ĐHXDMT ngày 28/02/2020, 312/QĐ-ĐHXDMT ngày 08/6/2022) và Quy định Chế độ làm việc của GV (333/QĐ-ĐHXDMT ngày 30/9/2020, 86/QĐ-ĐHXDMT ngày 25/02/2021, 379/QĐ-ĐHXDMT ngày 20/7/2023) bao gồm: những quy định chung, tiêu chuẩn và nhiệm vụ

giảng viên, thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy, giờ nghiên cứu khoa học, quy đổi các hoạt động khác...**[H10.10.03.01(3-5)]**. Căn cứ vào chỉ đạo của Nhà trường, Khoa và Bộ môn tiến hành triển khai đến các GV thực hiện công tác giảng dạy trước tiên phải xây dựng đề cương, tài liệu giảng dạy, giáo trình theo CDR phù hợp, có sự đánh giá của bộ môn.

Bên cạnh đó, Trường ban hành quy định về ĐBCL công tác kiểm tra, đánh giá KQHT của NH (bao gồm ĐATN), tiêu biểu như bao gồm: 115/HD-ĐHXDMT ngày 19/6/2020 và 621/QĐ-ĐHXDMT ngày 22/12/2021 (quy định về công tác tổ chức thi học phần), 502/QĐ-ĐHXDMT ngày 05/09/2023 (quy định về ĐBCL), 211/QĐ-ĐHXDMT ngày 18/04/2022 (hoạt động của Hội đồng ĐBCL) 622/QĐ-ĐHXDMT ngày 22/12/2021 quy định về tổ chức thi kết thúc học phần theo hình thức trực tuyến, 187/QĐ-ĐHXDMT ngày 13/04/2023 quy định thực hiện đồ án tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp,...**[H10.10.03.01(6-9)]**

Biên soạn tài liệu giảng dạy, giáo trình theo CDR, giảng dạy theo CDR, đây là công tác quan trọng trong việc đảm bảo sự tương thích và phù hợp của hoạt động dạy và học theo CDR. Việc KTĐG KQHT của NH để đạt được CDR CTĐT được quy định rõ trong đề cương từng HP về hình thức, thời gian, trọng số của từng loại điểm.**[H10.10.03.02]**. Hồ sơ giảng dạy, kế hoạch giảng dạy của GV sẽ được biên soạn dựa trên ĐCCT CTĐT. Trước khi bắt đầu giảng dạy các HP, Khoa và bộ môn sẽ tiến hành kiểm tra, đánh giá và ký duyệt hồ sơ lên lớp của GV. Trong hồ sơ bài giảng phải xác định đúng mục tiêu CDR, chọn lựa PPGD, phương tiện hợp lý, phân bố thời gian theo đúng kế hoạch. Bên cạnh đó, Khoa tiến hành đánh giá GV giảng dạy theo CDR thông qua ý kiến phản hồi của NH. Từng học kỳ, phòng KT&ĐBCL khảo sát ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV đồng thời, khoa tổ chức họp tổng kết rút kinh nghiệm nhằm thực hiện việc giảng dạy tốt hơn và đánh giá chất lượng giảng dạy theo CDR của GV. Báo cáo phân tích kết quả sẽ là một trong những cơ sở định lượng để khoa rà soát đánh giá quá trình dạy, học và kết quả học tập của NH để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR **[H10.10.03.03]**.

Việc dạy và học được thực hiện có hệ thống và đồng bộ, được công khai trên website của Khoa, công thông tin đào tạo tín chỉ hay sổ sổ tay SV. NH sẽ kiểm tra được kết quả học tập trong các năm **[H10.10.03.04(1)]**. Đối với SV có kết quả học tập yếu, Trường công bố danh sách NH bị cảnh cáo học vụ qua các năm, và quyết định cảnh báo kết quả học tập học để NH xác định lại việc đăng ký số lượng tín chỉ, môn học cho các học kỳ tiếp theo **[H10.10.03.04(2,3)]**.

Hàng năm, Nhà trường, Khoa đánh giá, phân tích KQHT của NH theo từng khoá, khảo sát ý kiến NH về hoạt động đào tạo của Trường. Dữ liệu phản hồi của các BLQ về

quá trình dạy - học và kết quả học tập được thể hiện qua quy định khảo sát ý kiến phản hồi các BLQ (319/QĐ-ĐHXDMT ngày 29/9/2020 và 501/QĐ-ĐHXDMT ngày 05/9/2023). Gần đây nhất, Bảng tổng hợp kết quả khảo sát chất lượng giảng dạy của 14 GV của KKT học kỳ II năm học 2022 – 2023 cho thấy NH đánh giá: rất hài lòng đạt tỉ lệ 68,2%; hài lòng đạt tỉ lệ 23,4%; tương đối hài lòng đạt tỉ lệ 5,9%; không hài lòng đạt tỉ lệ 0,8%; rất không hài lòng đạt tỉ lệ 1,8% **[H10.10.03.05]**. Ngoài ra, Bảng 10.3 ở Phụ lục 4 trình bày Kết quả khảo sát NH ngành KT về hoạt động đào tạo và chất lượng phục vụ của Khoa, Trường năm 2023. Tỉ lệ hài lòng của NH về: 1) Hoạt động giảng dạy của GV là 96,8%; 2) Hoạt động hỗ trợ của đội ngũ NV là 96,3%; 3) Công tác tổ chức thi, đánh giá kết quả học tập và giải quyết khiếu nại, tố cáo là 96,1%; 4) CSVC, thiết bị hỗ trợ học tập là 90,1%; 5) Công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên là 96,9%... Từ các kết quả khảo sát trên Nhà trường đã lập bảng báo cáo khảo sát về sự hài lòng đối với quá trình dạy – học, đánh giá kết quả học tập của NH **[H10.10.03.05(3)]**.

KKT thường xuyên quan tâm đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới quy trình kiểm tra, đánh giá với mục đích nâng cao chất lượng dạy học, đồng thời đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu HP và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo, đánh giá được mức độ tích lũy của NH, việc kiểm tra và thi cũng theo quy trình: Quyết định của Trường về quy định thi và kiểm tra, mỗi học kỳ đều có thông báo cập nhật, bổ sung việc ra đề **[H10.10.03.06]**. Từ báo cáo phân tích kết quả sẽ là một trong những cơ sở định lượng để khoa rà soát đánh giá quá trình dạy, học và KQHT của NH để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Để phục vụ việc nâng cao chất lượng, đảm bảo tương thích và phù hợp với CĐR, Khoa và bộ môn thường xuyên cải tiến phương pháp dạy học thể hiện thông qua hội thảo đổi mới phương pháp giảng dạy của Khoa, cải tiến phương pháp giảng dạy của GV bộ môn **[H10.10.03.07(1)]** và thường xuyên kiểm tra việc rà soát, giám sát chất lượng các chuyên đề, đề án tốt nghiệp **[H10.10.03.07(2)]**.

2. Điểm mạnh

Việc dạy và học được quy định cụ thể. Hoạt động giảng dạy được phản ánh kịp thời qua nhiều kênh thông tin làm cơ sở để GV điều chỉnh kịp thời phương pháp, cập nhật kiến thức thực tiễn phục vụ tốt hơn công tác giảng dạy.

Thường xuyên thực hiện việc lấy ý kiến NH về việc đánh giá KQHT.

Hoạt động tập huấn phát triển chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề về cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá đáp ứng CĐR được thực hiện thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Một số HP, tỉ lệ NH hài lòng về phương pháp dạy - học và đánh giá kết quả học tập còn chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028, Khoa phối hợp Phòng QLĐT, Phòng KT&BDCL tiếp tục cải tiến, hoàn thiện hoạt động đánh giá kết quả học tập của NH đa dạng và linh hoạt hơn nhằm bao quát và đảm bảo tính chuẩn xác trong quá trình đánh giá.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa tăng cường tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận, đánh giá rút kinh nghiệm đối với GV để tìm ra phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả

Trường quan tâm hoạt động NCKH của GV tham gia giảng dạy CTĐT, theo đó, GV trong CTĐT thực hiện nhiều đề tài NCKH các cấp, trong đó có các đề tài NCKH liên quan đến hoạt động dạy học **[H10.10.04.01]**. Nhờ vào chính sách khuyến khích của Nhà trường, số lượng SV, GV của KKT tham gia NCKH ngày càng nhiều và có chiều sâu. Các NCKH vừa là nguồn tài liệu cho GV, viên chức, nhà khoa học tham khảo vừa được sử dụng trong công tác giảng dạy, tiêu biểu như: 1) Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở: “Thiết kế kiến trúc theo xu hướng xây dựng mô hình thông tin công trình (BIM)”. Sách “Hướng dẫn thực hành thiết kế với Revit Architecture”; 2) Nghiên cứu biên soạn Tuyển tập Đồ án tốt nghiệp Kiến trúc sư trường ĐHXĐMT - Tập 1; 3) Nghiên cứu mối quan hệ giữa người sử dụng và không gian quán cà phê tại thành phố Vĩnh Long; 4) Nghiên cứu biên soạn Tài liệu tham khảo Biên tập ảnh với phần mềm Adobe Photoshop **[H10.10.04.02]**. Nhằm sử dụng kết quả NCKH cải tiến phương pháp dạy và học một cách hiệu quả và đạt tiêu chuẩn, KKT lập hội đồng nghiệm thu chất lượng các đề tài NCKH theo đúng quy định. Các sản phẩm đạt chuẩn đều được sử dụng làm tài liệu tham khảo, giảng dạy **[H10.10.04.03]**.

Hội thảo khoa học cấp Khoa là các hoạt động giới thiệu kết quả NCKH của GV và SV nhằm tạo môi trường trao đổi học thuật và áp dụng kết quả nghiên cứu. Bên cạnh đó, trong lĩnh vực quan hệ với DN, KKT hỗ trợ nghiệp vụ, tập huấn chuyên môn cho đối tác nhiều chuyên đề bổ ích, chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau. Tuy chưa là đề tài NCKH nhưng CB, GV của khoa đã ứng dụng những kiến thức chuyên môn vào nghiên cứu và ứng dụng thực tế ở DN, hứa hẹn tiềm năng lớn giữa DN và Nhà trường trong NCKH và CGCN **[H10.10.04.04]**. Trước mỗi học kỳ, GV tham gia giảng dạy cùng một HP hợp thống nhất đề cương, tài liệu giảng dạy. Nhằm sử dụng kết quả NCKH cải tiến phương

pháp dạy và học, KKT ban hành quy định định kỳ tiến hành các buổi sinh hoạt chuyên môn, trao đổi học thuật để cập nhật tài liệu giảng dạy. Thông qua các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, seminar chuyên đề với chuyên gia trong và ngoài nước, hội thảo khoa học cấp khoa đã giúp ích rất nhiều cho GV trong việc cải tiến phương pháp giảng dạy, cập nhật tài liệu giảng dạy và hoàn thiện đề cương, bài giảng. Các hoạt động KHCN này, SV có cơ hội tham khảo, mở rộng kiến thức ngoài bài giảng, giáo trình và nội dung được học trong thời lượng giới hạn **[H10.10.04.05]**. Tham gia các hoạt động này, SV vận dụng các ý tưởng và kết quả đề tài vào khóa luận tốt nghiệp của mình, vận dụng kết quả đề hoàn thiện, khắc phục hạn chế trong quá trình học tập nghiên cứu **[H10.10.04.06]**.

2. Điểm mạnh

Các đề tài NCKH chủ yếu tập trung vào các vấn đề pháp lý mang tính thời sự, gắn liền đời sống xã hội tại vùng ĐBSCL, mang tính thực tiễn cao phù hợp với bối cảnh hội nhập của Việt Nam hiện nay.

3. Điểm tồn tại

Số lượng bài báo, công trình NCKH của GV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028, Khoa và GV tăng cường đăng ký biên soạn giáo trình, tài liệu học tập phục vụ việc dạy và học. Bên cạnh đó, Khoa phối hợp với DN thực hiện các đề tài, đề án có tính ứng dụng cao.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa đẩy mạnh hoạt động NCKH, khuyến khích GV, SV tham gia NCKH, tích cực viết bài nghiên cứu, xây dựng kế hoạch tổ chức nhiều hội thảo cấp trường có quy mô, mời chuyên gia quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, trung tâm phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ hoạt động dạy và học tại Trường bao gồm thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Hàng năm, Nhà trường thực hiện việc đánh giá mức độ hài lòng của NH đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Nhà trường khảo sát các BLQ (CB, GV, NH) về mức độ đáp ứng của trang thiết bị dạy học và của hệ thống phòng học, giảng đường, Trung tâm TNXD&MT, hệ thống CNTT, môi trường sức khỏe, an toàn, Trung tâm TT-TV **[H10.10.05.01]**.

Phòng KT&ĐBCL tổng hợp, phân tích dữ liệu khảo sát và gửi báo cáo kết quả khảo sát về các đơn vị trong toàn trường [H10.10.05.02(1-2)]. Đối với Trung tâm TT-TV, hằng năm, đơn vị tiến hành khảo sát và đánh giá phản hồi của người sử dụng về chất lượng phục vụ của thư viện [H10.10.05.02(3)].

Kết quả khảo sát và dữ liệu khảo sát là một trong những thông tin đầu vào để giúp các đơn vị trong Trường đánh giá và đưa ra các hoạt động cải tiến thể hiện qua bảng tổng hợp ý kiến của các đơn vị về nhu cầu vật tư, trang thiết bị Trường [H10.10.05.03] và báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện CSVC và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị [H10.10.05.04]. Đối với cấp trường, hoạt động cải tiến được xác lập thông qua phương hướng của năm học tại hội nghị viên chức hằng năm và được triển khai thành các kế hoạch hằng tháng [H10.10.05.05].

Trên cơ sở khảo sát ý kiến các BLQ và kết quả các cuộc họp tổng kết năm học, các dịch vụ hỗ trợ đã được cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ, như: Hằng năm, Thư viện có đề xuất đến các khoa rà soát và cập nhật tài liệu theo HP, từ đó làm căn cứ đề nghị Trường duyệt mua các tài liệu phục vụ các CTĐT [H10.10.05.06]. Ngoài ra, để nguồn tài nguyên thông tin ngày càng phong phú, đa dạng, thư viện đã có các hợp đồng, các thỏa thuận liên kết với các nguồn cơ sở dữ liệu bên ngoài [H10.10.05.07].

Nhà trường đã thiết kế xây dựng mới với các trang bị các thiết bị thực hành hiện đại, các thiết bị CNTT và CSVC phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu của NH, cụ thể: trong giai đoạn đánh giá các trang thiết bị của thực hành thường xuyên được Nhà trường kiểm kê định kỳ, đồng thời những thiết bị hư hỏng hoặc cần bảo trì, bảo dưỡng cũng được đội ngũ NV Nhà trường sửa chữa và khắc phục kịp thời [H10.10.05.08].

2. Điểm mạnh

Các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, phòng thực hành, hệ thống thông tin ngày càng được hoàn thiện.

Hệ thống CSVC, trang thiết bị dạy, chất lượng các dịch vụ, tiện ích được định kỳ rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng và có kế hoạch cải tiến, sửa chữa, cải tạo để nâng cao chất lượng phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập định kỳ

Hoạt động rà soát nhằm đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ ngày càng được chú trọng, được thực hiện một cách thường xuyên và bằng nhiều hình thức đa dạng khác nhau nhằm thu được kết quả phản hồi đáng tin cậy và đúng với thực tế.

Nhà trường thường xuyên thực hiện rà soát và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ dựa trên kết quả rà soát và phản hồi của các BLQ như CBVC, NLĐ và NH, đoàn đánh giá ngoài.

3. Điểm tồn tại

Thông tin phản hồi về kết quả khảo sát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đến các BLQ

được Nhà trường thường xuyên thực hiện. Tuy nhiên, kết quả cải tiến từ các đơn vị trực tiếp phụ trách chưa được phản hồi cụ thể và đầy đủ đến các BLQ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024-2025, Trường tiếp tục nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ NH của Thư viện, phòng thực hành, hệ thống thông tin dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ, được thực hiện một cách thường xuyên và bằng nhiều hình thức đa dạng khác nhau nhằm thu được kết quả phản hồi đáng tin cậy và đúng với thực tế.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, sau khi có kết quả hỏi của các BLQ về chất lượng dịch vụ, Khoa sẽ tổng hợp và gửi ý kiến đến Trường để giúp các đơn vị trực tiếp phụ trách nắm thông tin và thực hiện cải tiến và phản hồi cụ thể hơn đến các BLQ.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống: Để nâng cao chất lượng CTDH, ngoài việc đánh giá việc dạy - học, ứng dụng NCKH, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích thì việc thu thập thông tin phản hồi từ các đối tượng là NH, GV, NTD cần chú trọng. Do đó, Trường đã xây dựng cơ chế phản hồi của các BLQ theo hệ thống. Theo đó, Trường ban hành quyết định quy định về chức năng nhiệm vụ của Phòng ĐBCL trong việc thiết lập cơ chế thu thập phản hồi của các bên liên quan, có Bảng mô tả sơ đồ tổ chức và chức năng nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Trường trong việc thực hiện cơ chế phản hồi này [H10.10.06.01]. Như vậy, cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được thiết lập và thực hiện có tính hệ thống. Ngoài ra, cơ chế phản hồi này còn được thực hiện thông qua việc xây dựng các quy định, quy trình như: Quy định đảm bảo chất lượng, quy định khảo sát ý kiến các BLQ,... [H10.10.06.02]. Theo đó, cơ chế phản hồi của các bên liên quan như NH, NH sắp tốt nghiệp, NH tốt nghiệp, NTD,... được thực hiện theo quy trình một cách nghiêm túc. Quy trình này được mô tả bằng bảng sau:

Bảng 10.6.1. Quy trình thu thập thông tin phản hồi theo hệ thống

Đối tượng khảo sát	Nội dung khảo sát	Quy trình thu thập	Thời gian thực hiện	Đơn vị phụ trách chính
SV đang học	Khảo sát về HP	Quy trình SV đánh giá môn học và đánh giá CTDH	02 lần/năm học	Phòng KT&ĐBCL

Đối tượng khảo sát	Nội dung khảo sát	Quy trình thu thập	Thời gian thực hiện	Đơn vị phụ trách chính
SV sắp tốt nghiệp	Khảo sát về khóa học		01 lần/năm học	Phòng KT&ĐBCL
SV đang học	Khảo sát về về chất lượng dịch vụ hỗ trợ	Quy trình NH đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ	01 lần/năm học	Phòng KT&ĐBCL
SV tốt nghiệp	Khảo sát về tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp 1-12 tháng	Quy trình NH tốt nghiệp phản hồi về tình hình việc làm và thu nhập	Theo kế hoạch của Khoa	Phòng CTCTSV
NTD	Khảo sát về chất lượng SV tốt nghiệp	Quy trình NTD đánh giá chất lượng NH tốt nghiệp		

Qua bảng mô tả, cho thấy: cơ chế phản hồi các BLQ về các thông tin tương ứng như về HP, khóa học, dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, thu nhập, chất lượng SV tốt nghiệp có văn bản quy định cụ thể và có tính hệ thống.

Cơ chế phản hồi của các BLQ được đánh giá và cải tiến. Quy định khảo sát ý kiến phản hồi các bên có liên quan được ban hành kèm theo Quyết định số 319/QĐ-ĐHXDMT ngày 29/9/2020 và Quyết định số 501/QĐ-ĐHXDMT ngày 05/9/2023 **[H10.10.06.03(1)]**. Văn bản này xác định các quy định về mục đích, yêu cầu, quy trình tổ chức thực hiện và trách nhiệm của những đơn vị, cá nhân tham gia công tác lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ của Trường.

Cơ chế phản hồi của các BLQ luôn được đánh giá: hằng năm, Trường và Khoa tổ chức khảo sát toàn diện về: HP, về toàn khóa học, về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, về tình hình việc làm và thu nhập sau khi ra trường, về chất lượng SV tốt nghiệp. Các kết quả khảo sát luôn được xem xét và đánh giá. Cụ thể, theo báo cáo đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng của trường, các đơn vị đã tiến hành báo cáo đánh giá đưa ra các điểm mạnh, tồn tại. Hầu hết các đơn vị đã thực hiện theo các kế hoạch đề ra **[H10.10.06.03(2-13)]**. Trường đã thực hiện việc đánh giá về GV, quy trình đào tạo, quy trình ĐBCL,... Từ đó, cơ chế khảo sát, phản hồi của các BLQ được đánh giá đảm bảo việc khảo sát được khách quan, toàn diện nhất **[H10.10.06.03(14)]**.

Trong giai đoạn 2019 - 2023, Quy định này đã được rà soát, đánh giá, cải tiến thành

các quy định riêng cho từng đối tượng lấy ý kiến khảo sát. Kết quả tổng hợp qua các đợt khảo sát lấy ý kiến các BLQ được gửi đến cho các khoa, các đơn vị có liên quan để xem xét, làm cơ sở cho kế hoạch cải tiến chất lượng giảng dạy, và chất lượng đào tạo [H10.10.06.03(15)].

2. Điểm mạnh.

Nhà trường ban hành cụ thể quy định, hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến các BLQ và giao cho đơn vị chuyên trách thực hiện công tác lấy ý kiến các BLQ.

Quy trình lấy ý kiến các BLQ được rà soát và cập nhật phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Việc thiết kế các công cụ khảo sát chưa hoàn toàn hiệu quả và chưa thể đối sánh đầy đủ ý kiến các BLQ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028, tiếp tục giám sát việc thực hiện cơ chế, quy trình phản hồi của các BLQ. Từ năm học 2024 - 2025, Khoa phối hợp với đơn vị liên quan xây dựng các biện pháp nhằm tăng cường tính khách quan, liên tục của thông tin thu thập từ ý kiến phản hồi của các BLQ.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường xây dựng, ban hành hướng dẫn cụ thể cách thức thực hiện khảo sát và xử lý kết quả khảo sát. Đồng thời, tăng cường công tác tập huấn về khảo sát, thiết kế công cụ khảo sát. Thực hiện đối sánh đầy đủ ý kiến các BLQ để điều chỉnh CTĐT, điều chỉnh hoạt động dạy – học, hoạt động hỗ trợ đáp ứng yêu cầu của các BLQ.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận Tiêu chuẩn 10:

Những điểm mạnh nổi bật:

Việc phát triển CTDH có kế hoạch rõ ràng và tuân thủ theo quy định của Trường và Bộ GD&ĐT. Mỗi đợt điều chỉnh CTĐT, Khoa tổ chức thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các BLQ theo đúng quy trình. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được tổ chức và thực hiện tốt. Các ý kiến phản hồi đều được Khoa tổng hợp, phân tích và vận dụng vào quá trình thiết kế, xây dựng, phát triển CTĐT, CTDH của Khoa, đảm bảo đủ cơ sở, khoa học, khách quan và độ tin cậy khi phát triển CTDH.

Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật và đánh giá CTDH được thực hiện thống nhất trong toàn trường theo quy trình, đảm bảo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Định kỳ, Nhà trường rà soát, cập nhật quy trình xây dựng, thiết kế và quy trình cập nhật, đánh giá

CĐR, CTĐT, phù hợp với yêu cầu của Bộ GD&ĐT, nhu cầu của các BLQ và với thực tế của Nhà trường.

Khoa triển khai dự giờ hoạt động giảng dạy của GV. Các kết quả đánh giá được Khoa phân tích và sử dụng điều chỉnh hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH. Có quy định cụ thể về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học. Việc cải tiến quá trình dạy, học và đánh giá kết quả học tập của NH được Nhà trường và Khoa thực hiện trên cơ sở tham khảo các kết quả khảo sát ý kiến của CBVC, NLĐ và NH.

Hoạt động NCKH của khoa ngày càng được quan tâm, lan tỏa và phát triển cả về số lượng và chất lượng. Các GV, NH của khoa đã tích cực tham gia NCKH; kết quả, sản phẩm NCKH được sử dụng làm tài liệu tham khảo giảng dạy của GV, học tập của NH.

Các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, phòng thực hành, hệ thống thông tin ngày càng được hoàn thiện. Hệ thống CSVC, trang thiết bị dạy, chất lượng các dịch vụ, tiện ích được định kỳ rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng và có kế hoạch cải tiến, sửa chữa, cải tạo để nâng cao chất lượng phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập định kỳ. Hoạt động rà soát nhằm đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ ngày càng được chú trọng, được thực hiện một cách thường xuyên và bằng nhiều hình thức đa dạng khác nhau nhằm thu được kết quả phản hồi đáng tin cậy và đúng với thực tế. Nhà trường thường xuyên thực hiện rà soát và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ dựa trên kết quả rà soát và phản hồi của các BLQ như: CBVC, NLĐ và SV, đoàn đánh giá ngoài.

Nhà trường ban hành cụ thể quy định, hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến các BLQ và giao cho đơn vị chuyên trách thực hiện công tác này. Quy trình lấy ý kiến các BLQ được rà soát và cập nhật phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường.

Những tồn tại cơ bản:

Ý kiến đóng góp từ các đơn vị về quy trình thiết kế, xây dựng và quy trình cập nhật, đánh giá CĐR, CTĐT chưa nhiều. Một số bước và biểu mẫu trong quy trình rà soát, cập nhật CTĐT chưa được triển khai đầy đủ và hiệu quả. Việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học chưa được thực hiện đầy đủ đối với các HP khoa không quản lý. Một số HP, tỉ lệ NH hài lòng về phương pháp dạy - học và đánh giá KQHT chưa cao.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,83 điểm. Số tiêu chí đạt: 6/6. Tỉ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Kết quả đầu ra có vai trò quan trọng, phản ánh chất lượng đào tạo của Nhà trường. Hằng năm, Nhà trường, KKT thực hiện giám sát việc đạt CĐR của NH, thống kê tỉ lệ

NH tốt nghiệp, thời gian hoàn thành CTĐT, tỉ lệ NH thôi học, số lượng NH tốt nghiệp có việc làm được cập nhật thông qua sự kết nối chặt chẽ với NH đã tốt nghiệp. Nhà trường ban hành các quy định, chính sách, hướng dẫn, khuyến khích NH NCKH, đảm bảo phù hợp với CDR của ngành KT. Nhà trường xây dựng hệ thống thu thập, phân tích, đánh giá sự hài lòng của các BLQ và sử dụng để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, các hoạt động khác của Nhà trường.

Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập. Danh sách NH thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm. Thực tế, năm học đầu tiên là năm học có nhiều sự biến động lớn về tỉ lệ thôi học của NH. Chính vì vậy, KKT theo dõi tỉ lệ NH đang theo học tại Khoa thông qua các kênh thông tin, số liệu khảo sát của Phòng QLĐT và báo cáo sinh hoạt CVHT của các CVHT. Theo đó, đầu mỗi niên khóa, KKT phối hợp chặt chẽ với Phòng QLĐT theo dõi, giám sát tỉ lệ NH theo học bao gồm số lượng đầu vào của NH, tỉ lệ thôi học của NH [H11.11.01.01], [H11.11.01.02]. Tất cả các số liệu trên được Phòng QLĐT quản lý thông qua phần mềm QLĐT với độ tin cậy và chính xác cao [H11.11.01.03].

Phòng QLĐT và Khoa thường xuyên thông kê và giám sát chặt chẽ tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của SV ngành KT nhằm có sự đối sánh để cải tiến chất lượng ĐT, Phòng CTCTSV chịu trách nhiệm khảo sát ý kiến NH, thống kê tình hình tốt nghiệp, việc làm NH; Phòng KT&ĐBCL tổ chức đánh giá nội bộ, khảo sát, rà soát việc ĐBCL trong công tác đào tạo. Các chỉ số về tốt nghiệp và thôi học được xác lập như sau:

Bảng 11.1.1 Bảng thống kê các chỉ số về tốt nghiệp và thôi học

TT	Chỉ số hoạt động chính (KPIs)	Công thức tính
1	Tỉ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (tính theo khóa học)	Tổng số NH tốt nghiệp /số NH nhập học (%)
2	Tỉ lệ NH tốt nghiệp đúng tiến độ và sớm tiến độ (tính theo ngành học, khóa học, khoa quản lý ngành)	Tổng số NH tốt nghiệp đúng tiến độ và sớm tiến độ/Tổng số NH hiện tại (theo ngành học, khóa học, khoa quản lý)
3	Tỉ lệ NH thôi học của từng học kỳ, năm học so với đầu vào (tính theo ngành học, khóa học, khoa quản lý ngành)	Tổng số NH thôi học của từng học kỳ, năm học/Tổng số NH nhập học đầu vào (tính theo ngành học, khóa học, khoa quản lý ngành)
4	Tỉ lệ NH thôi học của từng học kỳ,	Tổng số NH thôi học của từng học kỳ,

TT	Chỉ số hoạt động chính (KPIs)	Công thức tính
	năm học so với tổng số SV của học kỳ, năm học liền kề trước	năm học/ Tổng số NH của học kỳ, năm học liền kề trước

Trường sử dụng phần mềm QLĐT để lưu trữ dữ liệu NH, kết quả quá trình đào tạo, học phí, học bổng, tình hình học tập rèn luyện, theo dõi điểm số của NH, xem xét tỉ lệ đậu rớt, bỏ học, xét tốt nghiệp,... Thông qua phần mềm này giúp NH tra cứu nhanh (trực tuyến) kết quả học tập, lịch học, lịch thi, điểm thi, đăng ký HP và theo dõi, giám sát sự tiến bộ của mình một cách hiệu quả trên cổng thông tin trực tuyến của Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường phát triển một số tính năng trong phần mềm nhằm phục vụ cho công tác tổng hợp thống kê báo cáo, CSDL của NH,... nhằm phục vụ cho công tác quản lý và điều hành của Nhà Trường [H11.11.01.04].

Mỗi học kỳ, tỉ lệ SV tốt nghiệp và thôi học các khoa được xác lập và giám sát chặt chẽ thông qua các báo cáo, phân tích kết quả đào tạo theo từng học kỳ, năm học của Phòng QLĐT. Cùng với báo cáo phân tích, đánh giá kết quả đào tạo và đề xuất cải tiến của KKT.

Bảng 11.1.2. Tỉ lệ NH tốt nghiệp ngành KT của 5 khoá gần nhất

Khóa học	Số lượng đầu vào	Người học hoàn thành chương trình trong thời gian									
		4,5 năm		5 năm		6 năm		Trên 6 năm		Tổng	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
2014-2019	106	3	2,83%	56	52,83%	13	12,26%	3	2,83%	78	73,58%
2015-2020	54			30	55,56%	3	5,56%	3	5,56%	38	70,37%
2016-2021	33			10	30,30%	4	12,12%	5	15,15%	19	57,58%
2017-2022	36			7	19,44%	12	33,33%			19	52,78%
2019-2024	56	15	26,79%	20	35,71%		0,00%			35	62,50%

(Số liệu cập nhật đến 30/11/2023)

Qua bảng số liệu về tỉ lệ NH tốt nghiệp ngành KT, tính cho đến thời điểm hiện tại, ngành đã có 08 khóa có NH tốt nghiệp.

Bảng 11.1.3 Tỷ lệ NH thôi học ngành KT của 5 khoá gần nhất

Khóa học	Số lượng đầu vào	Người học thôi học trong thời gian									
		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Năm thứ 4 và tiếp theo		Tổng	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
2014-2019	106	6	5,66%	6	5,66%	1	0,94%	3	2,83%	16	15,09%
2015-2020	54	2	3,70%			4	7,41%	1	1,85%	7	12,96%
2016-2021	33			2	6,06%	2	6,06%	1	3,03%	5	15,15%
2017-2022	36			3	8,33%	1	2,78%		0,00%	4	11,11%
2019-2024	56	5	8,93%	2	3,57%	3	5,36%	2	3,57%	12	21,43%

Qua bảng số liệu trên cũng cho thấy tỉ lệ thôi học của NH ở mức độ thấp và có xu hướng giảm qua các năm, ổn định ở mức từ 10 - 15%.

Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của NH được đánh giá, phân tích, giám sát. Nhằm giảm thiểu số lượng NH thôi học từ khóa 2023 trở đi, Ban chủ nhiệm KKT rà soát dữ liệu tình hình học tập của từng niên khóa do Phòng QLĐT cung cấp. Hoạt động quản lý NH thôi học/NH tốt nghiệp được thực hiện qua nhiều cấp độ khác nhau: cấp khoa và cấp trường. Khoa là đầu mối thông tin về tình trạng NH, tỉ lệ NH tốt nghiệp, thôi học, đang theo học. Thống kê của Ban CVHT cũng là kết quả quan trọng thể hiện chính xác số liệu trạng thái NH **[H11.11.01.05]**.

Nhà trường, Ban CVHT đánh giá, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH tham gia CTĐT, từ đó xây dựng các giải pháp phù hợp nhằm giảm thiểu tỉ lệ thôi học và hỗ trợ NH tiếp tục quá trình học tập **[H11.11.01.05-7]**. Đối với các trường hợp NH có kết quả thuộc diện cảnh báo buộc thôi học, Khoa đề xuất giải pháp thông qua CVHT để trao đổi trực tiếp với NH về vấn đề học vụ; phối hợp với GV phụ trách để hỗ trợ thêm cho NH các phương pháp cải thiện kết quả học tập, hạn chế tình trạng cảnh báo học vụ. Các biện pháp này được triển khai cụ thể tại báo cáo đánh giá dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH tham gia CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp **[H11.11.01.06]**.

Hàng năm, Phòng QLĐT đối sánh về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT. Việc đối sánh về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của ngành KT được thực

hiện với các ngành đào tạo khác trong phạm vi nhà Trường **[H11.11.01.06]**, **[H11.11.01.07]**.

Bảng 11.1.4. Đối sánh Tỷ lệ NH tốt nghiệp của 5 khoá gần nhất giữa ngành KT với ngành Kỹ thuật xây dựng

Khoá học	Ngành Kiến trúc			Ngành KT Cấp thoát nước			Ngành KT xây dựng CT Giao thông		
	Số lượng Đầu vào	Số lượng TN	Tỷ lệ (%)	Số lượng Đầu vào	Số lượng TN	Tỷ lệ (%)	Số lượng Đầu vào	Số lượng TN	Tỷ lệ (%)
2014-2019	106	78	73,58%	5	4	80,00%	5	4	80,00%
2015-2020	54	38	70,37%	8	4	50,00%	20	16	80,00%
2016-2021	33	19	57,58%	11	7	63,64%	15	13	86,67%
2017-2022	36	19	52,78%	3	1	33,33%	10	4	40,00%
2019-2024	56	35	62,50%	14	7	50,00%	19	12	63,16%

Kết quả đối sánh giữa các ngành đào tạo trong phạm vi Trường cho thấy: tỷ lệ thôi học của NH ngành KT so với các ngành trên tương đối thấp hơn. Riêng tỷ lệ thôi học của NH ngành KT có xu hướng giảm qua các năm từ 14.5% (2019) xuống 10.2 – 1.8% trong các năm 2022, 2023. Đồng thời, Nhà trường ban hành văn bản quy định về chức năng nhiệm vụ của GV chủ nhiệm, CVHT. Nhằm theo dõi tình hình học tập của NH do lớp mình chủ nhiệm, CVHT, để kịp thời tư vấn, hỗ trợ cho NH tốt hơn. Định kỳ, GV chủ nhiệm, CVHT họp lớp. Các vấn đề trao đổi đều được ghi nhận vào các biên bản họp, lưu trữ và tổng hợp ý kiến và gửi về Khoa nếu có vấn đề cần có hướng xử lý và cải tiến trong công tác giảng dạy **[H11.11.01.08]**.

2. Điểm mạnh

Có bộ phận, công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp. Có tiến hành thống kê danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp mỗi khóa đào tạo. Có tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học.

3. Điểm tồn tại

SV tốt nghiệp chưa đúng tiến độ vẫn còn chiếm tỷ lệ tương đối.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024-2025, Phòng QLĐT, Ban CVHT tiếp tục theo dõi, cập nhật danh

sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thống kê danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp mỗi khóa đào tạo, tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học từ đó có giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, CVHT tăng cường giám sát tình hình học tập của NH do mình phụ trách, nắm bắt nguyên nhân của từng trường hợp cụ thể bị chậm tiến độ để có các giải pháp giúp SV tốt nghiệp đúng tiến độ.

5. *Tự đánh giá:* Đạt (5/7).

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. *Mô tả hiện trạng*

Hàng năm, thời gian tốt nghiệp trung bình của hình thức đào tạo chính quy ngành KT được tổ giám sát, theo dõi hoạt động học tập, rèn luyện, khối lượng học tập, thời gian tốt nghiệp của NH thống kê [H11.11.02.01]. Theo quy định của Bộ GD&ĐT và căn cứ vào quy chế đào tạo tín chỉ của Trường ĐHXDMT, thời gian đào tạo của trình độ ĐH ngành KT được xác lập là 4 năm (8 học kỳ chính, thời gian khóa học quy định) với thời gian cho phép hoàn thành CTĐT tối đa là 8 năm [H11.11.02.02]. Thời gian tốt nghiệp trung bình được giám sát thường xuyên thông qua hoạt động của Phòng QLĐT và được theo dõi trên hệ thống cơ sở dữ liệu phần mềm QLĐT [H11.11.02.03(1-2)]. Riêng đối với các khóa từ 2019 trở về sau, thời gian tốt nghiệp trung bình rút ngắn hơn 1 năm [H11.11.02.03(3)]. Phòng QLĐT dự kiến tốt nghiệp trung bình của các ngành, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị và thể hiện trong kế hoạch đào tạo năm học của Trường [H11.11.02.04(1-2)].

Bên cạnh đó, bảng điểm tổng hợp của NH được lưu trữ mỗi học kỳ và được báo cáo định kỳ [H11.11.02.04(3)]. Từ đó, CTDH được phân bổ lộ trình học tập hợp lý nhằm phù hợp với phương pháp đào tạo theo tín chỉ hiện nay của các trường đào tạo ĐH trong và ngoài nước, tăng cường khả năng tự học, tính độc lập, tư duy sáng tạo của NH. Đối với các trường hợp đặc biệt, NH vì các lý do cá nhân (đi nghĩa vụ quân sự, ốm đau, thai sản, kết hôn,...) không thể theo học kịp đúng tiến độ thì NH có thể giãn thời gian học tập nhưng không được vượt quá thời gian tốt nghiệp tối đa của ngành KT. [H11.11.02.05].

Ban CVHT, KKT tìm hiểu, phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn để đề xuất các biện pháp hỗ trợ NH giảm tối đa thời lượng học tập. Thực tế cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của NH còn kéo dài chủ yếu là do NH chưa hoàn thành yêu cầu các CDR về kỹ năng mềm, chứng chỉ ngoại ngữ. Mặt khác, một số HP chuyên ngành chỉ được mở định kỳ 1 năm/lần nên NH gặp khó khăn khi đăng ký học cải thiện hoặc trả

nợ môn **[H11.11.02.06(1)]**. Để giải quyết vấn đề trên, Phòng QLĐT triển khai việc thống kê, rà soát danh sách NH tốt nghiệp và tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa NH tốt nghiệp đầu tiên để làm cơ sở cho việc xây dựng dữ liệu báo cáo của Khoa và Nhà trường. Qua đó, Khoa phối hợp với các phòng ban hỗ trợ NH khắc phục việc chậm tiến độ để tốt nghiệp đúng hạn. Ngoài ra, vai trò của các CVHT rất quan trọng trong việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình. CVHT sẽ là cầu nối để thông báo cho NH về thời gian tốt nghiệp trung bình cũng như đôn đốc NH chủ động hoàn thành các môn kỹ năng và ngoại ngữ cũng như tư vấn, hướng dẫn phương pháp học tập hiệu quả các HP chuyên ngành giúp NH có thể tốt nghiệp đúng tiến độ, đăng ký học vượt trước tiến độ. Sau khi tư vấn, các trường hợp NH này sẽ được tổng hợp, ghi nhận và lưu trữ tại Ban CVHT, Khoa **[H11.11.02.06(2)]**.

Phòng QLĐT tiến hành đối sánh các ngành đào tạo trong trường để cân đối thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành KT **[H11.11.02.07]**. Kết quả đối sánh cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành KT cao hơn các ngành đào tạo khác.

Trên cơ sở đó, Nhà trường, KKT áp dụng nhiều biện pháp nhằm rút ngắn thời gian tốt nghiệp của NH ngành KT như: tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị nhằm tạo điều kiện thuận lợi để NH học tập tốt; rà soát, điều chỉnh CTĐT; triển khai để GV đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng các hình thức KTĐG đa dạng nhằm tích cực hóa hoạt động học tập của NH. Đội ngũ NH các đơn vị liên quan đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong việc hỗ trợ NH các vấn đề học vụ và giải quyết nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho NH. Bên cạnh đó, CVHT tác động tích cực đối với NH qua việc động viên, khuyến khích NH trong quá trình học tập nhằm rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa tiến hành lấy ý kiến các BLQ về CTDH và báo cáo của tổ giám sát, theo dõi hoạt động học tập, rèn luyện, khối lượng học tập, thời gian tốt nghiệp của NH từ đó có các biện pháp cải tiến, hỗ trợ, rút ngắn thời gian tốt nghiệp của NH **[H11.11.02.08]**, **[H11.11.02.09]**.

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa có bộ phận, công cụ để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của NH các khóa học. Có các biện pháp hỗ trợ NH học vượt tiến độ và tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn.

3. Điểm tồn tại

Một số NH chưa biết cách sắp xếp kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, ảnh hưởng bởi việc làm thêm nên không theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024-2025, Trường và Khoa tiếp tục theo dõi, tìm hiểu nguyên nhân

NH tốt nghiệp muộn, cải tiến các phương pháp hỗ trợ NH. Phòng QLĐT tiếp tục thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của NH các khóa học, phân tích nguyên nhân đề xuất kế hoạch học tập cụ thể cho từng đối tượng NH.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa kết hợp với Phòng QLĐT, Ban CVHT định kỳ tổng kết, đánh giá về NH tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, trễ hạn so với thiết kế CTĐT để có những điều chỉnh về CTĐT hay hoạt động giảng dạy, đánh giá NH, hoạt động hỗ trợ một cách phù hợp, kịp thời giúp NH tốt nghiệp đúng hạn.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Phòng CTCTSV là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị khác thực hiện khảo sát tình hình việc làm NH tốt nghiệp, phản hồi của cựu NH và DN [H11.11.03.01]. Nhà trường luôn quan tâm đến NH có việc làm sau tốt nghiệp. Chính vì vậy, hằng năm Phòng CTCTSV thực hiện theo kế hoạch của Trường để khảo sát tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp [H11.11.03.02], Với kết quả nhận được như sau:

Bảng 11.3.1. Hiện trạng việc làm và thời gian có việc sau khi ra trường của NH KKT (%)

Khóa	Hiện trạng việc làm		Thời gian có việc sau khi ra trường		
	Chưa có việc làm	Đã có việc làm	Dưới 3 tháng	Từ 3 đến dưới 6 tháng	Từ 6 tháng trở lên
2015	2%	98%	40%	40%	20%
2016	6%	94%	45%	30%	25%
2017	10%	90%	50%	30%	10%
2018	10%	90%	60%	20%	10%
2019	15%	85%	55%	25%	10%

Kết quả từ bảng 11.3.1, cho thấy tỷ lệ NH đã có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo tăng hằng năm đạt tỷ lệ trên 85%. Thời gian có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp của NH KT đạt tỷ lệ cao.

Về khu vực làm việc theo các lĩnh vực được cụ thể hóa qua bảng số liệu 11.3.2:

Bảng 11.3.2. Thống kê môi trường làm việc của NH KKT tốt nghiệp (%)

Môi trường làm việc của NH tốt nghiệp	Khoá 2015	Khoá 2016	Khoá 2017	Khoá 2018	Khoá 2019
DN tư nhân	50%	55%	70%	60%	65%
DN có vốn đầu tư nước ngoài	8%	8%	7%	10%	5%
Các cơ quan Nhà nước	5%	5%	8%	10%	10%
DN quốc doanh	5%	10%	8%	10%	10%
Tự làm chủ	0	0	0	0	0
Loại hình khác	32%	22%	7%	10%	10%

Đa phần NH tốt nghiệp làm việc ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, và một số ít tại Vĩnh Long **[H11.11.03.03]**.

Kết quả này là cơ sở để Khoa phản ánh một phần về chất lượng đào tạo và là cơ sở để Khoa cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo cho SV để đáp ứng nhu cầu thực tế.

Để nhận định tốt hơn tình hình việc làm của NH sau khi tốt nghiệp. Trường, KKT đối sánh tình hình việc làm của NH ngành KT qua các khóa và đối sánh tình hình việc làm của NH ngành KT với NH ngành Kỹ thuật xây dựng. Ngoài ra, Trường, khoa đối sánh tỉ lệ có việc làm của ngành KT với các trường ĐH **[H11.11.03.04]**.

Ban TVTS&HN có chức năng hỗ trợ việc làm cho SV **[H11.11.03.05]**. Trường đã xây dựng trang thông tin điện tử trong đó có mục giới thiệu việc làm, thông tin tuyển dụng, khởi nghiệp cho SV **[H11.11.03.06]**. Ngoài ra, nhằm tìm hiểu các nguyên nhân cũng như biện pháp hỗ trợ SV có việc làm một cách hiệu quả, Ban TVTS&HN đã nghiên cứu và giới thiệu chuyên đề Nói chuyện “Kỹ năng chinh phục NTD” và ký kết các biên bản ghi nhớ, hợp tác giữa Nhà trường với các DN trong và ngoài nước **[H11.11.03.07]**. Hằng năm, KKT cũng kết hợp với Ban TVTS&HN hỗ trợ giải quyết việc làm cho SV ngành KT thông qua các Chương trình ngày hội việc làm **[H11.11.03.08]**.

2. Điểm mạnh

Trường, Khoa khảo sát NH tốt nghiệp về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp trong thời gian đánh giá, có số liệu tin cậy về việc làm của NH, có tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục.

Tỉ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. NH được đánh giá năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc.

Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hoạt động kiến tập, thực tập của NH cũng như chia sẻ chuyên đề và tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay số lượng cựu NH phản hồi khảo sát về việc làm sau khi tốt nghiệp còn chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024-2025, Phòng CTCTSV tiếp tục nâng cao, cải tiến các phiếu khảo sát NH tốt nghiệp về cơ hội việc làm sau tốt nghiệp, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục. Đồng thời, Nhà trường kết hợp cùng DN tổ chức các hội thảo, chuyên đề đáp ứng nhu cầu trong hoạt động kiến tập, thực tập của NH.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường tăng cường các hoạt động gắn kết với cựu NH để đánh giá rõ nét kết quả đào tạo của Trường, từ đó tiếp tục đổi mới CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Các loại hình và số lượng hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập. Mục tiêu chính của NCKH ở bậc ĐH là trang bị cho NH các kiến thức, kỹ năng NCKH độc lập để hỗ trợ cho hoạt động học tập, chuẩn bị cho NH hành trang tốt nhất sau khi ra trường. Sản phẩm hoạt động NCKH từ NH là tiêu chí quan trọng thể hiện chất lượng đào tạo của Khoa. Với những ý nghĩa quan trọng trên, Trường luôn quan tâm và chú trọng công tác NCKH của SV thông qua việc ban hành quy định quản lý hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.01]. Trong giai đoạn năm 2019 - 2023, SV ngành KT đã nghiệm thu một số đề tài NCKH và đạt một số giải thưởng NCKH SV [H11.11.04.02].

Đồng thời, các loại hình và số lượng hoạt động nghiên cứu của NH được giám sát. Nhiệm vụ này được phân công cho Viện KH&HTQT và Khoa. Các đề tài NCKH của NH được định hướng từ Hội đồng khoa học KKT và triển khai chi tiết dưới sự hướng dẫn tận tình của GV hướng dẫn với nguồn kinh phí do Nhà trường hỗ trợ [H11.11.04.03]. Theo đó, hoạt động NCKH của SV ngành KT thực hiện với nhiều loại hình khác nhau như: khóa luận tốt nghiệp, đề tài NCKH, bài kỹ yếu hội thảo khoa học, các cuộc thi Loa Thành, Khởi Nghiệp,... mang lại những ý nghĩa thiết thực cho NH [H11.11.04.04]. Các thủ tục đăng ký và thực hiện các đề tài NCKH của NH thể hiện rõ trong Quyết định số 129/QĐ-ĐHXDMT ngày 17/3/2022 kèm theo các mẫu hồ sơ

NCKH của NH **[H11.11.04.05]**.

Kết quả tổng kết và đánh giá hoạt động NCKH của NH từ 2019 đến 2023 (bảng 11.4.1) cho thấy kết quả NCKH của NH ngành KT có sự gia tăng về số lượng đáng kể. Từ chỗ có ít đề tài NCKH của NH thì đến nay đã có 06 đề tài NCKH của NH, trong đó có 01 đề tài được đăng tạp chí khoa học cấp trường trong năm 2018 – 2019. Giai đoạn 2018 - 2023, NH đã tham gia nhiều đề tài NCKH cấp trường và đạt giải cao ở các cuộc thi như: Sáng tạo Trần Đại Nghĩa, NCKH cho NH Eruka, Sáng tạo KT,... Phần lớn các sản phẩm NCKH, giải thưởng của NH chủ yếu tập trung vào NH đang học năm 3, 4, và học kỳ cuối. Bởi vì, đây là năm học có NH làm các đề tài khóa luận tốt nghiệp. Theo đó, các khóa luận tốt nghiệp có chất lượng tốt sẽ được Hội đồng Khoa học KKT chọn lọc, thẩm định để trở thành các đề tài NCKH được đưa đi tham dự các cuộc thi như giải Loa Thành. Ngoài ra, Viện KH&HTQT đã tổ chức Hội nghị NCKH của NH hằng năm để công bố chính thức các đề tài NCKH này **[H11.11.04.06]**. Trên cơ sở kết quả trên, Nhà trường đã khen thưởng 21 NH ngành KT có thành tích cao tại các cuộc thi cấp trường, Tỉnh, Thành phố.

Bảng 11.4.1. Bảng thống kê số lượng và loại hình NCKH của NH qua các năm

Năm học	Số NH	SV NCKH	Tổng Đề tài	Cấp Đề tài					
				Bộ		Thành phố		Trường	
				SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
2018 - 2019	56	5.4%	1	0	0	0	0	01	20%
2019 - 2020	55	0	0	0	0	0	0	0	0
2020 - 2021	53	0	0	0	0	0	0	0	0
2021 - 2022	62	0	0	0	0	0	0	0	0
2022 - 2023	58	31%	06	0	0	0	0	06	32%

Trong giai đoạn đánh giá, KKT có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH. Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của NH, Khoa thường tiến hành các buổi kiểm tra tiến độ các đề tài NCKH để góp ý, thúc đẩy, hướng dẫn giúp các đề tài NCKH NH theo đúng tiến độ và nghiệm thu đúng thời hạn **[H11.11.04.07]**.

Nhà Trường ký kết hợp tác với các trường ĐH, các DN trong và ngoài nước nhằm phát triển hoạt động NCKH của NH **[H4.04.01.08]**. Kết thúc mỗi năm học, Viện KH&HTQT đối sánh kết quả về loại hình, khối lượng, chất lượng nghiên cứu của NH của Nhà trường đạt được so với chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học cũng như so với quy định của Trường **[H11.11.04.09(1-2)]**. Bên cạnh đó, Viện KH&HTQT đối sánh kết quả về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của NH Nhà trường đạt được trong năm học so với năm học trước **[H11.11.04.09(3)]**. Trong giai đoạn 2019 -

2023, NH ngành KT đã thực hiện nhiều đề tài NCKH. Các đề tài NCKH NH thực hiện đúng kế hoạch đã đề ra và được nghiệm thu theo quy định. Nội dung đối sánh chi tiết tại bảng 11.4.2.

Bảng 11.4.2. Bảng đối sánh hoạt động NCKH của NH Trường ĐHXDMT với Trường ĐH Xây dựng Miền Trung

Năm học	Trường ĐHXDMT			Trường ĐH Xây dựng Miền Trung		
	Số NH	Tỉ lệ NH tham gia NCKH	Tổng số Đề tài	Số NH	Tỉ lệ NH tham gia NCKH	Tổng số Đề tài
2018 - 2019	56	5.4%	1	56	5.4%	1
2019 - 2020	55	0	0	55	0	0
2020 - 2021	53	0	0	53	0	0
2021 - 2022	62	0	0	62	0	0
2022 - 2023	58	31%	06	58	31%	06

Điều này cho thấy chất lượng các đề tài NCKH của ngành, của Khoa và Nhà trường ngày càng có bước phát triển và được cải thiện rõ rệt. Hằng năm, các đơn vị lập kế hoạch hoạt động năm học của đơn vị mình, trong đó có kế hoạch về hoạt động NCKH của GV và NH. Viện KH&HTQT xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm học, trong đó nêu rõ các chỉ số về hoạt động NCKH của NH. Việc tổ chức hoạt động NCKH cho NH căn cứ vào Thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ban hành quy định về hoạt động NCKH của NH trong các CSGD ĐH của Bộ GD&ĐT.

Nhằm nâng cao chất lượng NCKH của NH, KKT đã đề xuất các giải pháp NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và phù hợp với khả năng của NH. Thông qua GV hướng dẫn hoặc Hội đồng Khoa học KKT giúp NH đưa ra những danh mục đề tài gợi ý cho NH và định hướng nghiên cứu thiết thực dựa trên cơ sở năng lực của NH. Ngoài ra, Nhà trường và KKT đã tổ chức nhiều hội thảo với sự tham gia đông đảo của NH ngành KT nhằm góp phần quảng bá hoạt động NCKH của Khoa, Nhà trường, tạo động lực, truyền cảm hứng cho NH tham gia viết bài cho hội thảo nói riêng và các hoạt động NCKH nói chung [H11.11.04.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch hoạt động NCKH của NH, hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và hoạt động NCKH của NH từ Trường tới Khoa. Khoa tổ chức, hỗ trợ tư vấn đề tài nghiên cứu cho NH, các đơn vị luôn quan tâm hỗ trợ NH trong quá trình thực hiện đề tài.

3. Điểm tồn tại

Một số NH chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng với hoạt động NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028, Viện KH&HTQT rà soát, chuẩn hóa quy định NCKH NH, đẩy mạnh và thường xuyên tổ chức các lớp miễn phí hướng dẫn NCKH cho NH.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm 2024 - 2025, Nhà trường đẩy mạnh NCKH trong NH bằng việc tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia. Bên cạnh đó, Nhà trường, Khoa tiếp tục các hội đồng tư vấn đề tài NCKH cho NH nhằm mục đích định hướng nghiên cứu cho các đề tài triển khai đạt hiệu quả cao.

Ngoài ra thông qua Đoàn - Hội, Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Hệ thống ĐBCL bên trong của Trường bao gồm các thành phần chính như sau: Cấu trúc tổ chức và nhân sự; Thể chế và quy định; Hệ thống thông tin ĐBCL. Về cấu trúc, hệ thống ĐBCL bên trong của Trường được tổ chức thành ba cấp: BGH - Đơn vị chuyên trách công tác ĐBCL - lãnh đạo và chuyên viên phụ trách công tác ĐBCL tại các đơn vị. Phòng KT&ĐBCL, Phòng CTCTSV chủ trì triển khai hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ. Hằng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi các BLQ phục vụ công tác nâng cao chất lượng toàn diện trong Trường gồm các loại khảo sát sau **[H11.11.05.01]**: (i) Khảo sát CB, GV, NV, SV về hoạt động đào tạo của Nhà trường; (ii) Khảo sát ý kiến CB, GV, NV, SV về CSVC, trang thiết bị của Nhà trường; (iii) Khảo sát ý kiến GV, SV về chất lượng phục vụ của đội ngũ NV Nhà trường; (iv) Khảo sát SV cuối khóa về CTĐT và khóa học; (v) Khảo sát DN về CTĐT, chất lượng SV tốt nghiệp; (vi) Khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp; (vii) Khảo sát bạn đọc về chất lượng phục vụ của Thư viện.

Quy trình lấy ý kiến, hình thức, công cụ lấy ý kiến đều được xác định rõ trong Quy định về công tác lấy ý kiến các BLQ của Trường **[H11.11.05.02]**. Kết quả các khảo sát trên, sau khi được Phòng KT&ĐBCL, các đơn vị liên quan xử lý bằng phần mềm chuyên dụng, được tổng hợp, đối sánh giữa các CTĐT hoặc các đơn vị trong Trường và gửi đến các đơn vị liên quan, các đơn vị phân tích dữ liệu, báo cáo việc sử dụng kết quả khảo sát cho việc cải tiến nâng cao chất lượng của đơn vị **[H11.11.05.03]**, **[H11.11.05.04]**.

Sau khi tiếp nhận kết quả ý kiến phản hồi từ các BLQ. Khoa và các đơn vị trong trường tiến hành nhiều hoạt động nhằm cải tiến chất lượng, như sau:

Lãnh đạo và GV của Khoa tham dự các Hội nghị cán bộ viên chức để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn góp ý kiến của các cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng các CTĐT, NCKH và các dịch vụ hỗ trợ NH. Hằng tháng tại các cuộc họp Khoa và bộ môn, nhóm chuyên môn, GV KKT luôn được ủng hộ đóng góp ý kiến nhằm mục tiêu cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ tốt hơn đối với NH **[H11.11.05.05]**.

Đánh giá mức độ hài lòng từ phía NH đối với GV là việc làm thường xuyên của Trường. Cuối mỗi học kì, Phòng KT&ĐBCL triển khai khảo sát ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV. Phòng KT&ĐBCL tổng hợp báo cáo kết quả khảo sát trình BGH, thông báo đến các đơn vị. Thông tin phản hồi từ NH sau mỗi kì hữu ích cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng NH. Sau khi nhận được ý kiến KKT hợp khoa, hợp bộ môn rút kinh nghiệm nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng dạy và học **[H11.11.05.05]**.

Đối với kết quả khảo sát của GV và NH về chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ, kết quả khảo sát và dữ liệu khảo sát là một trong những thông tin đầu vào giúp các đơn vị trong Trường đánh giá và đưa ra các hoạt động cải tiến, thể hiện qua Báo cáo tổng kết năm học và Kế hoạch năm học tiếp theo của đơn vị **[H11.11.05.06]**. Đối với cấp trường, hoạt động cải tiến được xác lập thông qua phương hướng của năm học tại hội nghị viên chức hằng năm và được triển khai thành các kế hoạch hằng tháng **[H11.11.05.07]**.

Với kết quả khảo sát NH tốt nghiệp và NTD giúp Trường/Khoa tìm hiểu những thông tin cơ bản về CTĐT và khóa học, những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung giúp SV sau khi ra trường nhanh chóng tìm được việc làm và sớm thích nghi với công việc; Kết quả khảo sát này cho Trường một thông tin tổng thể về nguồn nhân lực mà Trường đã đào tạo cho xã hội. Trong quá trình cải tiến chất lượng CTĐT, KKT đã căn cứ vào kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh để làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng. Dựa trên kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của các BLQ, Nhà trường và KKT triển khai nhiều biện pháp cải tiến chất lượng nhằm cải thiện mức độ hài lòng của các BLQ. Đối với chất lượng dịch vụ hỗ trợ, KKT phối hợp với các đơn vị lập kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao mức độ hài lòng của các BLQ, đặc biệt là GV, NH như: cải thiện về CSVC, tích cực hỗ trợ SV trong hoạt động đào tạo, giải quyết vấn đề học vụ. Trong giai đoạn 2019 - 2023, mức độ hài lòng của các BLQ đối với Nhà trường, KKT được cải thiện qua từng năm học **[H11.11.05.08]**.

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa có bộ phận, quy trình, công cụ và phương pháp triển khai, tiếp

nhận và giám sát sự phản hồi từ các BLQ. Ý kiến của các BLQ được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, hỗ trợ NH và điều chỉnh CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Mức độ hài lòng của các BLQ chưa được rà soát, đánh giá về tính hệ thống để nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2028, định kỳ, Khoa rà soát, điều chỉnh CTDH và nâng cao chất lượng đào tạo thông qua kết quả khảo sát các BLQ để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường đánh giá tính hệ thống trong rà soát mức độ hài lòng của các BLQ để chất lượng đào tạo, phục vụ NH ngày càng nâng cao.

Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận Tiêu chuẩn 11:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường có bộ phận chuyên trách, công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, theo dõi tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, từ đó thực hiện tốt việc phân tích, đối sánh qua các năm. Triển khai nhiều biện pháp hiệu quả nhằm chăm sóc, hỗ trợ NH trong học tập và rèn luyện. Có bộ phận, công cụ để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của NH các khóa học. Có các biện pháp hỗ trợ NH học vượt tiến độ và tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn. Tỉ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. NH được đánh giá năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc. Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hoạt động kiến tập, thực tập của NH cũng như chia sẻ chuyên đề và tuyển dụng. NH ngành KT nói riêng và NH của KKT nói chung, tham gia hoạt động NCKH dưới nhiều hình thức khác nhau. Loại hình và số lượng NCKH của SV luôn được Khoa và Nhà trường hỗ trợ, giám sát bởi một hệ thống các văn bản, quy trình rõ ràng, được đối sánh và cải tiến hằng năm. Có bộ phận, quy trình, công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận và giám sát sự phản hồi từ các BLQ. Ý kiến của các BLQ được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, hỗ trợ NH và điều chỉnh CTĐT.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Trường và KKT chưa đối sánh chất lượng đầu ra của NH với các trường trong và ngoài nước. Một số NH chưa biết cách sắp xếp kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, bị ảnh hưởng bởi việc làm thêm nên không theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối.

Hiện nay, số lượng cựu NH phản hồi khảo sát về việc làm sau khi tốt nghiệp chưa đầy đủ. Một số NH chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng với hoạt động NCKH. Mức độ hài lòng của các BLQ chưa được rà soát, đánh giá về tính hệ thống để nâng cao hơn chất lượng đào tạo và phục vụ.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,8 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Phần III. KẾT LUẬN

3.1. Những điểm mạnh của Chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo của ngành KT được xác định rõ ràng bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Nhà trường/Khoa và phù hợp với mục tiêu giáo dục ĐH của luật giáo dục ĐH. Mục tiêu và CDR của CTĐT ngành KT được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo tiến trình chung của Trường ĐHXDMT. CDR của ngành KT được xác định rõ ràng, phân thành 3 nhóm: kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của NH khi ra trường, bao quát được yêu cầu chung và một số yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp và phản ánh ý kiến của các BLQ. CDR được công bố công khai trên website Trường, website Khoa, cổng thông tin đào tạo và được thể hiện cụ thể trong từng năm học ở từng HP.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT và bản mô tả HP ngành KT đầy đủ thông tin, rõ ràng và được điều chỉnh, cập nhật. Đề cương các HP được thiết kế và chuẩn hoá đúng quy định; các đề cương HP liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển của xã hội. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP đều được xây dựng, điều chỉnh, cập nhật dựa vào sự đóng góp của Hội đồng khoa học cấp trường, cấp khoa, GV, cựu NH, đơn vị tuyển dụng và nhà chuyên môn.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Trường ĐHXDMT, KKT đã chú trọng xây dựng CTDH một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời trong quá trình rà soát điều chỉnh có sự tham khảo CTDH của các trường ĐH có uy tín trong nước và khảo sát các bên có liên quan nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xã hội. Ngành KT được tổ chức đào tạo theo tín chỉ và có mục tiêu rõ ràng, CTDH có cấu trúc logic và chặt chẽ. Chương trình sau khi xây dựng đã được rà soát điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra là đáp ứng nhu cầu của xã hội do có sự đóng góp của các chuyên gia, nhà quản lý và DN sử dụng NH của Trường sau khi tốt nghiệp.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Triết lý giáo dục được xây dựng, được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các BLQ trong và ngoài trường. TLGD được sự đóng góp và tham gia xây dựng từ các BLQ như GV, lãnh đạo, NH, đối tác,... Hoạt động dạy học được thiết kế đa dạng và đáp ứng tốt các tiêu chí của CDR. Các hoạt động dạy và học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm giúp NH đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho NH ngành KT rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Môi trường học tập được tổ chức đa dạng khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu của NH. GV sử dụng

thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy đang áp dụng.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Trường ĐHXDMT ban hành đầy đủ quy định về việc tổ chức thi, kiểm tra nhằm đánh giá kết quả học tập. Kế hoạch thi, kiểm tra được công bố công khai, rộng rãi đến NH ngay từ đầu học kỳ thông qua ĐCCT HP. GV được tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức về các phương pháp KTĐG. Triển khai các quy chế, quy định về KTĐG kết quả học tập của NH, cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí đánh giá, trọng số, cơ chế phản hồi của NH và các nội dung liên quan khác một cách đầy đủ, rõ ràng. Tất cả các quy chế, quy định về KTĐG đều được GV, KKT, Trường ĐHXDMT công bố công khai tới NH vào đầu khóa học và trước mỗi kỳ KTĐG bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo NH hiểu và nắm rõ các quy chế, quy định này. Các phương pháp và hình thức KTĐG kết quả học tập người học của KKT được sử dụng đa dạng và thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định và theo ĐCCT được duyệt. Tiêu chí KTĐG kết quả học tập của NH được xác định rõ và có phân định mức độ đạt/không đạt qua việc đánh giá liên tục của GV. Đồng thời một đề thi chung sẽ xác định điểm đánh giá cuối kỳ của các NH tham dự cùng HP, tham gia kiểm tra cùng thời điểm. Tất cả các hình thức thi đều được bố trí 2 cán bộ coi thi đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của NH. Ban hành Quy chế đào tạo, các quy trình liên quan đến các công tác đào tạo, trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH. Các quy chế quy định này được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Khoa/Trường. Các thông tin phản hồi kết quả đánh giá kịp thời đã giúp NH cải thiện việc học tập. NH hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi KQHT. Có đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT và công bố công khai để NH dễ dàng tiếp cận. NH được KKT, Trường ĐHXDMT phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập trước mỗi khóa học, mỗi học kỳ.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Công tác quy hoạch đội ngũ được thực hiện đồng bộ từ Trường ĐHXDMT đến KKT. Đã xây dựng đầy đủ kế hoạch phát triển nhân sự của Trường ĐHXDMT và của KKT qua các giai đoạn. Các kế hoạch tuyển dụng được xây dựng, căn cứ vào báo cáo đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của từng đơn vị để đáp ứng tốt các yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ. Có chính sách nhân sự trong đó thể hiện rõ các quyền lợi về thu nhập, cơ hội thăng tiến và phúc lợi khác cho GV. Tỷ lệ GV/NH của CTĐT đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ ĐH theo quy định. Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV được hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện. Có quy định về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV hướng tới việc cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Có đầy đủ quy định về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ

nhệm, điều chuyển. Các quy định này được lấy ý kiến của toàn thể CB-GV-NV và được thông báo công khai. Có quy định xác định năng lực của GV thông qua các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác bên cạnh yêu cầu về khối lượng công việc. Chất lượng công việc được đánh giá thông qua các tiêu chí về hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCD. Công tác đánh giá chất lượng công việc của đội ngũ GV được thực hiện định kỳ hằng năm. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định thông qua khảo sát hằng năm và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. Đội ngũ GV tích cực tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng do Trường ĐHXDMT triển khai và cũng chủ động tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Có hệ thống quy định, quy trình để đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của GV. Các quy định này được Nhà trường bổ sung, hiệu chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể, đáp ứng được các yêu cầu, nguyện vọng của CBVC trong toàn Trường. Công tác đánh giá hiệu quả công việc của GV triển khai rất nghiêm túc, hiệu quả, tạo động lực hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Trường ĐHXDMT có kế hoạch phát triển nhân sự và chính sách phù hợp để thực hiện kế hoạch. Đội ngũ cán bộ thư viện, phòng thực nghiệm, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ NH đủ về số lượng, bằng cấp thích hợp và thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT. Các tiêu chí tuyển chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng, có sự đóng góp ý kiến của CBVC, NLĐ và được phổ biến công khai trong toàn trường. Có quy trình, phương pháp, công cụ xác nhận và đánh giá năng lực đội ngũ NV với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ NV hỗ trợ của KKT đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường. Thực hiện xác định nhu cầu về đào tạo bồi dưỡng để triển khai kế hoạch và thực hiện đào tạo, bồi dưỡng hiệu quả theo nhu cầu. Có phân bổ ngân sách hoạt động này. Có quy định cụ thể về khối lượng công việc với NV và quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc. Có triển khai đánh giá hiệu quả công việc của NV. Tất cả NV đều có bản mô tả công việc thể hiện rõ khối lượng và các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh rõ ràng, phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, được công bố công khai, được cập nhật thường xuyên phù hợp với quy định và điều kiện thực tế của Trường. Công tác truyền thông tuyển sinh đa dạng, sử dụng nhiều hình thức, phương pháp, phương tiện trong quá trình tuyển sinh. Tùy theo phương thức tuyển sinh, Trường đã xác định các tiêu chí lựa chọn NH, hình thức thi/xét tuyển và phương pháp tuyển chọn cho từng CTĐT một cách rõ ràng. Các tiêu chí và phương pháp tuyển

chọn NH không ngừng được Trường rà soát, đánh giá và cải tiến. Trường có cơ chế và hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH. Các đơn vị, cá nhân được phân công cụ thể để hỗ trợ NH. Cơ sở dữ liệu về sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện được quản lý đồng bộ thông qua việc áp dụng công nghệ giúp mang lại hiệu quả cao nhất và được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ. Các biện pháp khắc phục nhằm giảm thiểu tỉ lệ bỏ học, nâng cao kết quả học tập và rèn luyện của NH được áp dụng và điều chỉnh phù hợp. Nhờ đó, tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của NH được cải thiện. Có văn bản quy định các đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH. Có nhiều hoạt động ngoại khóa mang tính học thuật, phát triển kỹ năng giúp NH tăng trải nghiệm thực tế. Trường và KKT có mối quan hệ, kết nối với DN tốt, từ đó hỗ trợ hiệu quả NH trong việc kiến tập, thực tập và tăng cơ hội việc làm. Trường đã xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, năng động, mô phạm, thân thiện, sạch đẹp và an toàn tạo không khí và tâm lý thoải mái, phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy và học. Khuôn viên Trường có đầy đủ các bảng nội quy, hướng dẫn, các thông điệp mang ý nghĩa tích cực giúp NH thêm năng động, sáng tạo trong học tập và rèn luyện.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng có trang bị đầy đủ CSVC, trang thiết bị,... đáp ứng yêu cầu các hoạt động đào tạo và NCKH. CSVC, trang thiết bị được quản lý, rà soát, nâng cấp thường xuyên, đáp ứng tối đa nhu cầu đào tạo thực tế và định hướng phát triển mở rộng trong tương lai. Có bộ phận chuyên trách quản lý CSVC, trang thiết bị có chức năng giải quyết, phối hợp giải quyết và có những đề xuất thiết thực giúp cho việc vận hành hoạt động đào tạo và triển khai chương trình được thuận lợi và đạt hiệu quả cao. Nguồn học liệu (giấy và điện tử, CSDL trực tuyến) phù hợp, đầy đủ và được cập nhật, đảm bảo phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành KT, định kỳ được bổ sung. Tài liệu học tập và nghiên cứu được cung cấp đầy đủ theo từng học kỳ bao gồm cả nguồn bên ngoài và nội bộ của Trường. Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng. Không gian thoáng mát, rộng rãi tạo hứng thú học tập đối với NH. Dữ liệu khảo sát được thực hiện và so sánh qua các năm, từ đó làm cơ sở cho những đề xuất phát triển Thư viện. Có đầy đủ phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ CTĐT và nghiên cứu, các phần mềm được cài đặt đầy đủ, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo lý thuyết và thực hành cho các môn học ngành KT. Các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, thực hành được cung cấp đầy đủ, phù hợp, có kế hoạch trùng tu, bổ sung định kỳ. Có đơn vị chuyên trách quản lý, theo dõi hiệu quả sử dụng phòng thực hành và trang thiết bị. Hệ thống CNTT phù hợp

và được cập nhật, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của người dạy và học ngành KT. Hệ thống CNTT được nâng cấp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo chương trình ngành KT. Môi trường sinh thái và môi trường học tập, công tác y tế học đường, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và các điều kiện về CSVC cơ bản cho những người có nhu cầu đặc biệt,... luôn được Nhà trường quan tâm triển khai. Nhà trường có đánh giá và cải tiến tạo môi trường tự nhiên và xã hội tốt cho đội ngũ CBVC, NLĐ và NH trong trường.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Việc phát triển CTDH có kế hoạch rõ ràng và tuân thủ theo quy định của Trường và Bộ GD&ĐT. Mỗi đợt điều chỉnh CTĐT, Khoa tổ chức thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các BLQ theo đúng quy trình. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được tổ chức và thực hiện tốt. Các ý kiến phản hồi đều được Khoa tổng hợp, phân tích và vận dụng vào quá trình thiết kế, xây dựng, phát triển CTĐT, CTDH của Khoa, đảm bảo đủ cơ sở, khoa học, khách quan và độ tin cậy khi phát triển CTDH.

Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật và đánh giá CTDH được thực hiện thống nhất trong toàn trường theo quy trình, đảm bảo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Định kỳ, Nhà trường rà soát, cập nhật quy trình xây dựng, thiết kế và quy trình cập nhật, đánh giá CDR, CTĐT, phù hợp với yêu cầu của Bộ GD&ĐT, nhu cầu của các BLQ và với thực tế của Nhà trường.

Khoa triển khai dự giờ hoạt động giảng dạy của GV. Các kết quả đánh giá được Khoa phân tích và sử dụng điều chỉnh hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH. Có quy định cụ thể về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học. Việc cải tiến quá trình dạy, học và đánh giá kết quả học tập của NH được Nhà trường và Khoa thực hiện trên cơ sở tham khảo các kết quả khảo sát ý kiến của CBVC, NLĐ và NH.

Hoạt động NCKH của khoa ngày càng được quan tâm, lan tỏa và phát triển cả về số lượng và chất lượng. Các GV, NH của khoa đã tích cực tham gia NCKH; kết quả, sản phẩm NCKH được sử dụng làm tài liệu tham khảo giảng dạy của GV, học tập của NH.

Các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, phòng thực hành, hệ thống thông tin ngày càng được hoàn thiện. Hệ thống CSVC, trang thiết bị dạy, chất lượng các dịch vụ, tiện ích được định kỳ rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng và có kế hoạch cải tiến, sửa chữa, cải tạo để nâng cao chất lượng phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập định kỳ. Hoạt động rà soát nhằm đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ ngày càng được chú trọng, được thực hiện một cách thường xuyên và bằng nhiều hình thức đa dạng khác nhau nhằm thu được kết quả phản hồi đáng tin cậy và đúng với thực tế. Nhà trường thường xuyên thực hiện rà soát và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ dựa trên kết quả rà soát và phản hồi của các BLQ như: CBVC, NLĐ

và SV, đoàn đánh giá ngoài.

Nhà trường ban hành cụ thể quy định, hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến các BLQ và giao cho đơn vị chuyên trách thực hiện công tác này. Quy trình lấy ý kiến các BLQ được rà soát và cập nhật phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Trường có bộ phận chuyên trách, công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, theo dõi tỉ lệ thi học, tốt nghiệp, từ đó thực hiện tốt việc phân tích, đối sánh qua các năm. Triển khai nhiều biện pháp hiệu quả nhằm chăm sóc, hỗ trợ NH trong học tập và rèn luyện. Có bộ phận, công cụ để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của NH các khóa học. Có các biện pháp hỗ trợ NH học vượt tiến độ và tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn. Tỉ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. NH được đánh giá năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc. Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hoạt động kiến tập, thực tập của NH cũng như chia sẻ chuyên đề và tuyển dụng. NH ngành KT nói riêng và NH của KKT nói chung, tham gia hoạt động NCKH dưới nhiều hình thức khác nhau. Loại hình và số lượng NCKH của SV luôn được Khoa và Nhà trường hỗ trợ, giám sát bởi một hệ thống các văn bản, quy trình rõ ràng, được đối sánh và cải tiến hằng năm. Có bộ phận, quy trình, công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận và giám sát sự phản hồi từ các BLQ. Ý kiến của các BLQ được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, hỗ trợ NH và điều chỉnh CTĐT.

3.2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu và CDR, CTĐT có thực hiện khảo sát lấy ý kiến các BLQ nhưng chưa thường xuyên, còn hạn chế về số lượng, đối tượng khảo sát, đặc biệt là các nhà khoa học, NTD nên tính đại diện của mẫu khảo sát chưa cao.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Việc lấy ý kiến khảo sát của cựu NH, NTD trong quá trình cập nhật Bản mô tả CTĐT và ĐCCT còn ít và chưa đa dạng.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Việc thu thập thông tin, ý kiến của NTD, cựu NH, NH phục vụ cho công tác xây dựng CDR của CTĐT và CDR của các HP còn hạn chế, chủ yếu là các ý kiến đóng góp về cấu trúc CTĐT. KKT chưa tổ chức đánh giá một cách khoa học về sự tương thích giữa nội dung và sự đóng góp chi tiết của từng HP để đạt CDR của CTĐT. Việc sử dụng ý kiến của các BLQ trong cập nhật CTDH còn hạn chế.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Việc đánh giá mức độ hiểu rõ về TLGD chưa được khảo sát đầy đủ các BLQ. Chưa triển khai hiệu quả việc hướng dẫn cho NH hiểu đầy đủ về việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

KKT chưa thường xuyên thực hiện thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của đề thi kết thúc học phần dưới hình thức đề mở (được sử dụng tài liệu) để có hướng điều chỉnh thích hợp. Trong quá trình đánh giá điểm quá trình một số HP, một vài tiêu chí đánh giá đôi khi còn mang tính định tính. KKT chưa thực hiện đánh giá, kiểm chứng về hiệu quả tổ hợp các phương pháp KTĐG áp dụng trong CTĐT ngành KT, việc đánh giá các phương pháp KTĐG mới chỉ thực hiện ở mức trao đổi giữa các GV thông qua các buổi họp Khoa, họp tổ bộ môn. Điểm đánh giá quá trình (bao gồm nhiều điểm thành phần: chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, bài tập nhóm) được công bố vào buổi học cuối cùng của HP, chưa có nhiều thời gian dành cho sự trao đổi trực tiếp giữa GV với NH về từng loại điểm thành phần. Nhà trường chưa triển khai tìm hiểu kỹ lưỡng về nguyên nhân khiếu nại kết quả học tập của SV.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Công tác quy hoạch đội ngũ GV có học hàm là GS, PGS còn ít. Việc đánh giá chất lượng công việc của GV ở cấp độ Khoa chưa triệt để bám sát các tiêu chí chất lượng đã ban hành trong các quy chế trả lương. Do đó, công tác đánh giá chất lượng vẫn theo xu hướng đánh giá khối lượng hoàn thành công việc. Hoạt động đánh giá đồng nghiệp chưa được triển khai thường xuyên. Nhà trường, KKT chưa đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/ đợt tập huấn/ đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Trường và KKT chưa phân tích sâu nhu cầu nhân lực dựa trên chiến lược của Trường ĐHXDMT và KKT về mục tiêu ĐT, NCKH và HTQT, chưa thu được nhiều ý kiến đóng góp của CBVC, NLĐ cho quy định tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV. Nhà trường chưa khảo sát, đánh giá cụ thể mức độ hiểu biết về tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV của đội ngũ NV. Các quy định để đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của NV như đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp,... còn chưa cụ thể. Vì thế, năng lực hiện nay của đội ngũ NV được đánh giá chỉ dựa vào khối lượng công việc hoàn thành. Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hiện nay đang được thực hiện chung cho các đối tượng có những nhu cầu khác nhau là CBVC, NLĐ nên kết quả đem lại sau khảo sát có một số phần chưa thực sự hợp lý.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Trường và KKT chưa tận dụng hiệu quả kênh thông tin từ các cựu SV và NTD

trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của Trường ĐHXDĐT. Trường chưa lấy ý kiến phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh để đánh giá được hiệu quả của công tác tuyển sinh một cách bài bản mà chỉ thông qua phỏng vấn. Trường chưa chú trọng phân tích tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số SV thôi học và chất lượng SV năm 1 để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Công tác liên kết với các các tổ chức TT-TV quốc tế chưa được phát triển đúng tiềm lực. Ý kiến phản hồi của người sử dụng Trung tâm TNXD&MT chưa được phân tích chi tiết. Do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều nên có đôi lúc việc truy cập wifi và internet còn chậm. Số lượng các đợt tập huấn phòng cháy chữa cháy cho toàn thể đội ngũ CBVC và SV chưa thường xuyên.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Ý kiến đóng góp từ các đơn vị về quy trình thiết kế, xây dựng và quy trình cập nhật, đánh giá CDR, CTĐT chưa nhiều. Một số bước và biểu mẫu trong quy trình rà soát, cập nhập CTĐT chưa được triển khai đầy đủ và hiệu quả. Việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học chưa được thực hiện đầy đủ đối với các HP khoa không quản lý. Một số HP, tỉ lệ NH hài lòng về phương pháp dạy - học và đánh giá KQHT chưa cao.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Trường và KKT chưa đối sánh chất lượng đầu ra của NH với các trường trong và ngoài nước. Một số NH chưa biết cách sắp xếp kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, bị ảnh hưởng bởi việc làm thêm nên không theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối. Hiện nay, số lượng cựu NH phản hồi khảo sát về việc làm sau khi tốt nghiệp chưa đầy đủ. Một số NH chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng với hoạt động NCKH. Mức độ hài lòng của các BLQ chưa được rà soát, đánh giá về tính hệ thống để nâng cao hơn chất lượng đào tạo và phục vụ.

3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khoa Kiến trúc định kỳ tiến hành lấy ý kiến khảo sát của GV và NH về các mục tiêu, nội dung CTĐT để kịp thời cập nhật và điều chỉnh cho phù hợp với xu hướng dạy học hiện hành nhằm đáp ứng được kì vọng của xã hội.

Trường và KKT tăng cường kênh quan hệ với cựu NH (thông qua các diễn đàn, hội, nhóm, ...) và kênh quan hệ hợp tác với NTD để tìm hiểu các nhu cầu lao động thực tế, phối hợp với NTD lồng ghép những buổi học thực hành, thực tập để đào tạo cho NH những kỹ năng kịp thời để xây dựng mục tiêu CTĐT ngày càng tốt hơn.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Trường định kỳ tổ chức rà soát, cập nhật 2 năm một lần cho bản mô tả CTĐT. Đồng thời cập nhật nội dung kiến thức, kỹ năng hiện đại, tiến bộ và đáp ứng được sự biến động của nhu cầu lao động trong xã hội.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Triển khai và thống nhất mẫu để việc thu thập thông tin ý kiến của NTD, cựu NH, NH phục vụ cho công tác xây dựng CĐR của CTĐT và CĐR của các HP đạt hiệu quả tối đa. Xây dựng lại quy trình đánh giá một cách khoa học và phù hợp giữa nội dung và sự đóng góp chi tiết của từng HP để đạt CĐR của CTĐT. Tổ chức một cách khoa học và thiết kế mẫu lấy ý kiến của các BLQ để CTDH được hoàn thiện tốt nhất.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Thiết kế phiếu khảo sát phù hợp để các BLQ hiểu rõ và đánh giá đúng về TLGD. Tiếp tục xây dựng và tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề phù hợp để tạo hứng thú tham gia cho NH. Thiết kế và hướng dẫn sử dụng các phương pháp nghiên cứu một cách phù hợp cho NH để phát huy tối đa tinh thần học tập nhằm nâng cao kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Từ năm học 2024 - 2025, ở từng HP KKT sẽ xây dựng và thiết kế bộ câu hỏi đánh giá theo từng mức đạt CĐR, chỉ rõ đánh giá yếu tố nào, ở mức độ nào theo CĐR. KKT sẽ triển khai đánh giá chất lượng của các đề thi kết thúc học phần để kịp thời hiệu chỉnh và bổ sung để tất cả các HP trong CTĐT đều được đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Khoa tăng cường các hình thức, biện pháp hướng dẫn GV sử dụng hiệu quả các phương pháp đánh giá được hướng dẫn. Bên cạnh đó, GV cần lượng hóa tiêu chí đánh giá điểm quá trình để tạo sự rõ ràng và thông hiểu thống nhất về tiêu chí đánh giá. Đề thi đề cao việc đánh giá cao tiêu chí tăng tính vận dụng, đòi hỏi NH phải tư duy, vận dụng hiểu biết của NH vào làm bài. Khoa sẽ triển khai việc kiểm chứng, đánh giá tổ hợp các phương pháp KTĐG KQHT GV đang sử dụng nhằm cải tiến ngày một tốt hơn trong việc đo lường CĐR.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Tiếp tục đẩy mạnh công tác bồi dưỡng đội ngũ GV, NCV của Khoa ngày càng được nâng cao về số lượng và chất lượng, đủ đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Xây dựng đồng bộ kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn về phát triển đội ngũ GV của Khoa, của Trường để đảm bảo tính liên tục theo thời gian, chiến lược phát triển Trường và đội ngũ GV. Khoa tiến hành xây dựng các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ PVCĐ và nhiệm vụ chuyên môn khác của GV. Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyển dụng GV được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định, có quy trình tuyển dụng rõ ràng. Khoa tiếp tục đánh giá năng lực GV đa

dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Khoa sẽ kết hợp nhiều hình thức khảo sát để đạt hiệu quả cao trong việc đánh giá GV. Tiến hành đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/đào tạo và sử dụng kết quả này để hoạch định và triển khai kế hoạch tiếp theo. Khoa sẽ khuyến khích các GV tham gia nhiều hơn vào các công trình NCKH cấp Bộ, cấp nhà nước và tăng cường đăng tải kết quả các công trình khoa học lên các tạp chí trong nước và quốc tế. Đồng thời kiến nghị Trường có thêm các chính sách hỗ trợ cho các GV có nhiều công trình NCKH.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Ban hành các chỉ số đo lường hiệu quả của Trường, Trường sẽ lấy kiến toàn thể CBVC, NLD để ban hành quy định về các chỉ số đo lường hiệu quả cho CBVC, NLD. Đưa việc khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hiện nay theo từng nhóm CBVC, NLD. Từ việc khảo sát đó và căn cứ trên nhu cầu công việc của phòng ban, của khoa, bộ môn để trường cử CBVC, NLD đi đào tạo, bồi dưỡng.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Giữ liên lạc với các nhóm cựu NH các khóa, NTD qua kênh thông tin zalo, facebook,... và nắm giữ số điện thoại NH các khóa, NTD để nhờ các cựu NH, NTD quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của Khoa/Trường. Tổ chức lấy ý kiến các BLQ là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh để đánh giá được hiệu quả của công tác tuyển sinh một cách bài bản. Trong năm học 2024-2025, Khoa sẽ phân GV (theo từng khóa học) làm báo cáo thực hiện phân tích kết quả học tập của NH sau khi có kết quả thi kết thúc HP và so sánh với phân tích kết quả học tập của Phòng QLĐT để giám sát hiệu quả sự tiến bộ trong học tập của NH thuộc các ngành mà Khoa quản lý. Khoa sẽ có báo cáo đầu các học kỳ trong năm học nhằm đánh giá hiệu quả sự phối hợp giữa các bộ phận và cá nhân trong giám sát quá trình và kết quả học tập, rèn luyện của NH cho ngành.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trường sẽ phân bổ thêm phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Kết nối chặt chẽ với các Khoa trong vấn đề bổ sung, cập nhật tài liệu tham khảo về chuyên ngành đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Tăng cường theo dõi tình trạng sử dụng, nghiên cứu nhu cầu sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị để có những bổ sung, cải tiến kịp thời. Nâng cấp hệ thống CNTT, nâng cao hơn nữa tốc độ đường truyền. Tăng cường sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ để phục vụ cho việc rà soát, điều chỉnh, cải tiến hệ thống CNTT.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Tạo thuận lợi cho GV, NH và các đơn vị trong việc đóng góp ý kiến để xây dựng

CTDH, về quy trình thiết kế, xây dựng và quy trình cập nhật, đánh giá CDR, CTĐT. Thiết kế các công cụ khảo sát hiệu quả và có thể đối sánh được ý kiến các BLQ. Tăng số lượng bài báo, công trình NCKH của GV. Nâng cao chất lượng dạy học, đổi mới phương pháp dạy - học và đánh giá kết quả học tập.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tạo điều kiện học tập và các thủ tục thuận lợi cho NH có kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối. Tạo nhiều kênh thông tin, phản hồi khảo sát về việc làm sau khi tốt nghiệp cửu NH. Nâng cao mức độ hài lòng của các BLQ về việc rà soát, đánh giá chất lượng đào tạo và phục vụ.

3.4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo bậc đại học ngành KT đánh giá theo Thông tư số 04/2016.

Tên cơ sở giáo dục: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY**

Mã: **MTU**

Tên CTĐT: **Kiến trúc (chuyên ngành Kiến trúc công trình)**

Mã CTĐT: **7580101**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❖	◆	☒	☑	⌘	⊗	⊛			
Tiêu chuẩn 1								5	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								4,67	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								4,67	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2				4						

Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5								4,8	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								5	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7								5	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8								5	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								5	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10								4,83	6	100
Tiêu chí 10.1					5					

Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								4,8	5	100
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4,89	50	100

Vĩnh Long, ngày tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Văn Xuân